

QUYỂN “SÁU”

(Chakka-Nipāta)

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bô-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh **AN** này có 11 *QUYỂN* (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ *QUYỂN “MỘT”* cho đến *QUYỂN “MƯỜI MỘT”*, trong đó “*Một*”... vừa là *tên* của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là *số thứ tự* của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều *NHÓM* kinh (*vagga, phasm*), toàn bộ kinh **AN** này có 180 *NHÓM* kinh, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các *NHÓM* kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các *NHÓM* kinh thành những phần “*Năm Mười Kinh*” và một số phần “*thêm vào*” phần “*Năm Mười Kinh*” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bô-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Mp, Mp-ṭ...**) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngòi thiền (tọa cụ)

...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *Quyển* nào hoặc trong một *Quyển* có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một *Quyển* kinh... và một Bộ kinh.

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....	iii
[Năm Mười Kinh Đầu]	1
NHÓM 1. ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ	1
1 (1) <i>Đáng Được Tặng Quà (1)</i>	1
2 (2) <i>Đáng Được Tặng Quà (2)</i>	2
3 (3) <i>Các Căn</i>	5
4 (4) <i>Các Lực</i>	5
5 (5) <i>Thuần Chứng (1)</i>	5
6 (6) <i>Thuần Chứng (2)</i>	6
7 (7) <i>Thuần Chứng (3)</i>	6
8 (8) <i>Những Điều Vô Thượng</i>	7
9 (9) <i>Những Chủ Đề Tưởng Niệm</i>	7
10 (10) <i>Mahānāma</i>	7
NHÓM 2. HÒA HỢP	12
11 (1) <i>Hòa Hợp (1)</i>	12
12 (1) <i>Hòa Hợp (2)</i>	13
13 (3) <i>Thoát Khỏi</i>	14
14 (4) <i>Cái Chết Tốt Lành</i>	17
15 (5) <i>Hối Tiếc</i>	18
16 (6) <i>Nakula</i>	19
17 (7) <i>Thiện Lành</i>	22
18 (8) <i>Người Bán Cá</i>	24

19	(9) Chánh Niệm Về Cái Chết (1)	26
20	(10) Chánh Niệm Về Cái Chết (2)	29
NHÓM 3. NHỮNG ĐIỀU VÔ THUỢNG		31
21	(1) <i>Sāmaka</i> (1)	31
22	(2) Không Sa Sút	32
23	(3) Hiểm Họa	32
24	(4) Núi Himalaya	34
25	(5) Tưởng Niệm	34
26	(6) Ngài Ca-Chiên-Diên	37
27	(7) Thời Lúc (1)	39
28	(8) Thời Lúc (2)	41
29	(9) Ngài Udāyī	44
30	(10) Những Điều Vô Thuợng	47
NHÓM 4. NHỮNG THIÊN THẦN		51
31	(1) Học Nhân (1)	51
32	(2) Sự Không Sa Sút (1)	51
33	(3) Sự Không Sa Sút (2)	52
34	(4) Ngài Mục-Kiên-Liên	53
35	(5) Thuộc Trí-Biết Đích Thực	55
36	(6) Những Tranh Chấp	55
37	(7) Sự Cho Đi	56
38	(8) Tự Phát	58
39	(9) Sự Khởi Sinh	60
40	(10) Ngài Kimbila	61

41	(11) <i>Một Khôi Gõ</i>	62
42	(12) <i>Ngài Nāgita</i>	63
NHÓM 5. DHAMMIKA		66
43	(1) <i>Nāga</i>	66
44	(2) <i>Migasālā</i>	70
45	(3) <i>Nợ</i>	75
46	(4) <i>Ngài Cunda</i>	77
47	(5) <i>Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (1)</i>	79
48	(6) <i>Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (2)</i>	81
49	(7) <i>Ngài Khema (1)</i>	82
50	(8) <i>Các Căn Cảm Nhận</i>	83
51	(9) <i>Ngài Ānanda</i>	85
52	(10) <i>Người Giai Cấp Chiến-Sĩ</i>	87
53	(11) <i>Sự Chuyên Chú</i>	89
54	(12) <i>Ngài Dhammika</i>	90
[Năm Mười Kinh Thứ Hai]		99
NHÓM 1. NHÓM LỚN		99
55	(1) <i>Ngài Soṇa</i>	99
56	(2) <i>Ngài Phagguṇa</i>	104
57	(3) <i>Sáu Giai Cấp</i>	108
58	(4) <i>Những Ô Nhiễm</i>	111
59	(5) <i>Dārukammika</i>	115
60	(6) <i>Ngài Hatthi</i>	117
61	(7) <i>Ở Giữa</i>	124

62	(8) <i>Sự Hiểu Biết (về các căn)</i>	127
63	(9) <i>Thâm Nhập</i>	135
64	(10) <i>Tiếng Gầm Sục Tử</i>	142
NHÓM 2. THÁNH QUẢ BẤT LAI		146
65	(1) <i>Bất Lai</i>	146
66	(2) <i>A-la-hán</i>	146
67	(3) <i>Bạn Hữu</i>	147
68	(4) <i>Thích Gặp Gỡ Giao Lưu</i>	147
69	(5) <i>Một Thiên Thân</i>	148
70	(6) <i>Định Tâm</i>	150
71	(7) <i>Có Khả Năng Chứng Ngộ</i>	151
72	(8) <i>Sức Mạnh</i>	152
73	(9) <i>Tăng Thiển Định Thứ Nhất (1)</i>	152
74	(10) <i>Tăng Thiển Định Thứ Nhất (2)</i>	153
NHÓM 3. THÁNH QUẢ A-LA-HÁN		154
75	(1) <i>Trong Sự Khổ Đau</i>	154
76	(2) <i>Thánh Quả A-la-hán</i>	154
77	(2) <i>Người Thượng Nhân</i>	155
78	(4) <i>Hạnh Phúc</i>	155
79	(5) <i>Thành Tựu</i>	156
80	(6) <i>Sự Lớn Lao</i>	157
81	(7) <i>Địa Ngục (1)</i>	157
82	(8) <i>Địa Ngục (2)</i>	157
83	(9) <i>Trạng Thái Bạc Nhất</i>	158

84	(10) <i>Những Đêm</i>	158
NHÓM 4. SỰ NGUỘI-MÁT		159
85	(1) <i>Sự Ngươi Mát</i>	159
86	(2) <i>Những Cản Trở</i>	160
87	(3) <i>Kẻ Sát Nhân</i>	161
88	(4) <i>Người Muốn Lắng Nghe</i>	161
89	(5) <i>Chưa Đẹp Bỏ</i>	162
90	(6) <i>Đã Đẹp Bỏ</i>	163
91	(7) <i>Không Còn Có Thể</i>	163
92	(8) <i>Các Trường Hợp (1)</i>	163
93	(9) <i>Các Trường Hợp (2)</i>	164
94	(10) <i>Các Trường Hợp (3)</i>	164
95	(11) <i>Các Trường Hợp (4)</i>	164
NHÓM 5. ÍCH LỢI		165
96	(1) <i>Sự Xuất Hiện</i>	165
97	(2) <i>Những Ích Lợi</i>	166
98	(3) <i>Vô Thường</i>	166
99	(4) <i>Khổ</i>	167
100	(5) <i>Vô Ngã</i>	167
101	(6) <i>Niết-bàn</i>	168
102	(7) <i>Không Thường Hằng</i> (vô thường)	168
103	(8) <i>Rút Dao Ra</i> (khổ)	169
104	(9) <i>Không Tự Tánh</i> (vô ngã).....	169
105	(10) <i>Sự Hiện Hữu</i>	170

106	(11) <i>Dục Vọng</i>	170
[Ba NHÓM Thêm Vào Phần Thứ Hai]		173
NHÓM 1. NHÓM “BA-ĐIỀU”		173
107	(1) <i>Tham</i>	173
108	(2) <i>Những Hành Vi Sai Trái</i> (ác hành)	173
109	(3) <i>Những Ý Nghĩ</i>	174
110	(4) <i>Những Nhận Thức</i>	174
111	(5) <i>Những Yếu Tố</i>	174
112	(6) <i>Sự Thỏa Mãn</i>	175
113	(7) <i>Không Hài Lòng</i>	175
114	(8) <i>Biết Hài Lòng</i>	175
115	(9) <i>Khó Tu Sửa</i>	176
116	(10) <i>Sự Bất An</i>	176
NHÓM 2. ĐỜI SỐNG SA-MÔN		176
117	(1) <i>Quán Sát Thân</i>	176
118	(2) <i>Quán Xét Thân Ở Bên Trong</i>	177
119	(3) <i>Tapussa</i>	178
120	(4) — 139 (23) <i>Bhallika</i>	178
NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC		179
140	(1)	179
141	(2)	179
142	(3)	179
143	(4) — 169 (30)	180
170	(31) — 649 (510)	180

BẢNG VIẾT TẮT	181
CHÚ THÍCH.....	187

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1

ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ

1 (1) Đáng Được Tặng Quà (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Sáu đó là gì?¹⁰⁸⁷ (1) Ở đây, [sau] khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết (tỉnh giác).¹⁰⁸⁸ (2) Khi nghe một âm-thanh bằng tai, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (3) Khi ngửi một mùi-hương

bằng mũi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (4) Khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (5) Khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (6) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

2 (2) **Đáng Được Tặng Quà (2)**

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo đạt được và vận dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; hiện hình và biến hình; đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành lũy, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền treo chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahma.

(2) “Với yếu-tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh

lộc và vượt trên loài người, người đó nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần.

(3) “Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (*tha tâm thông*), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó hiểu được một cái tâm có tham (dục) là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một cái tâm có sân là tâm có sân, một tâm không có sân là tâm không có sân; một cái tâm có si là tâm có si, một tâm không có si là tâm không có si; một cái tâm thụ động [co lại] là tâm thụ động, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng; một cái tâm cao thượng là tâm cao thượng, và một cái tâm không cao thượng là tâm không cao thượng; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.

(4) “Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại (tan hoại), nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra (tiến hóa), nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá

khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.

(5) “Vói yếu-tổ mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó *nhìn thấy* những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó *hiểu được* cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đau khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Vói mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

(6) “Vói đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

3 (3) *Các Căn*

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Sáu đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ, và, với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

4 (4) *Các Lực*

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Sáu đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí tuệ, và, với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

5 (5) *Thuần Chứng (1)*

“Này các Tỳ kheo, có được sáu yếu tố, một con ngựa thuần chủng

xuất sắc của vua là xứng đáng của nhà vua, là một thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Sáu đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc, kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị, kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc, và được phú cho vẻ đẹp (sự đẹp mã). Có được sáu yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua là xứng đáng của nhà vua, là một thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. ¹⁰⁸⁹

“Cũng giống như vậy, có được sáu phẩm chất, một thứ là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc, kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị, kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc, và kiên nhẫn chịu đựng những hiện-tượng thuộc tâm. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

6 (6) *Thuần Chủng* (2)

[Y hết đoạn đầu kinh kể trên, chỉ khác điều thứ sáu đổi thành “được phú cho sức mạnh”] ...

[Y hết đoạn sau kinh kể trên]

7 (7) *Thuần Chủng* (3)

[Y hết đoạn đầu kinh kể trên, chỉ khác điều thứ sáu đổi thành “được phú cho tốc độ”] ...

[Y hết đoạn sau kinh kể trên]

8 (8) Những Điều Vô Thượng

“Này các Tỳ kheo, có sáu điều vô thượng. Sáu đó là gì? Sự nhìn thấy vô thượng, sự nghe vô thượng, sự có-được vô thượng, sự tu tập vô thượng, sự phục vụ vô thượng, và sự tưởng niệm vô thượng. Đây là sáu điều vô thượng.”¹⁰⁹⁰

9 (9) Những Chủ Đề Tưởng Niệm

“Này các Tỳ kheo, có sáu chủ đề (đề mục) để tưởng niệm về (quán tưởng, niệm). Sáu đó là gì? Tưởng niệm về Phật, tưởng niệm về Giáo Pháp, tưởng niệm về Tăng Đoàn, tưởng niệm về giới-hạnh, tưởng niệm về tâm rộng lòng bố-thí, và tưởng niệm về những thiên-thần. Đây là sáu sự tưởng niệm.”¹⁰⁹¹

10 (10) Mahānāma

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân họ tộc Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong khu Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan, Nigrodha). Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thì thường an trú theo cách nào?”¹⁰⁹²

“Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thường an trú theo cách này:”¹⁰⁹³

(1) “Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện,

đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng,¹⁰⁹⁴ là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp,¹⁰⁹⁵ người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật.

(2) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Giáo Pháp. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người

sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp.

(3) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Tăng Đoàn. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn.

(4) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị đốm đỏ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào giới-hạnh. {Một đệ tử thánh thiện

có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh.

(5) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm bố-thí của mình như vậy: ‘**Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ô-nhiễm của tính keo kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ô-nhiễm của tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.**’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm rộng lòng bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào tâm bố-thí*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về tâm bố-thí.

(6) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vậy: ‘**Có những thiên thần [được trị vì bởi] bốn**

vị vua lớn [tứ đại thiên vương], những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma), những thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó.¹⁰⁹⁶ Trong tôi cũng có loại *niềm-tin* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại *giới-hạnh ... sự học-hiểu*¹⁰⁹⁷ ... *tâm rộng lòng bố-thí ... trí-tuệ* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, tâm rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào những thiên-thần*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.}¹⁰⁹⁸ Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về những thiên-thần.

“Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện là người đã đạt tới (đạo) quả và thấu hiểu giáo lý thì thường an trú đơn thuần theo cách này.”

NHÓM 2

HÒA HỢP

11 (1) Hòa Hợp (1)

“Này các Tỳ kheo. Có sáu nguyên tắc để hòa hợp.¹⁰⁹⁹ Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ *hành-động từ ái* đối với với những đồng đạo của mình. Đây là một nguyên tắc để hòa hợp.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ *lời-nói từ ái* đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng cũng là một nguyên tắc để hòa hợp.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ *tâm-y từ ái* đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại¹¹⁰⁰ lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính, ngay cả chỗ thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình *cùng có chung* với với những đồng đạo của mình loại *giới-hạnh* (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình *cùng có chung* với với những đồng đạo của mình loại *cách-nhìn* (chánh kiến) thuộc tính thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo

cách-nhìn đó đạt đến sự diệt khổ. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp.

“Này các Tỳ kheo, đây là sáu nguyên tắc để hòa hợp.”

12 (1) Hòa Hợp (2)

“Này các Tỳ kheo, có sáu nguyên tắc hòa-hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ *hành-động từ ái* đối với với những đồng đạo của mình. Đây là một nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ *lời-nói từ ái* đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng ...

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ *tâm-ý từ ái* đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng ...

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại những lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính, ngay cả chỗ thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng ...

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình *cùng có chung* với với những đồng đạo của mình loại *giới-hạnh* (có tính chất) lành mạnh, không sút mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỷ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình *cùng có chung* với với những đồng đạo của mình loại *cách-nhìn* (chánh kiến) thuộc tính thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo cách-nhìn đó đạt đến sự diệt khổ. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng ...

“Này các Tỷ kheo, có sáu nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.”¹¹⁰¹

13 (3) Thoát Khỏi

“Này các Tỷ kheo, có sáu yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi.¹¹⁰² Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỷ kheo có thể nói như vậy: ‘Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-từ*, đã làm nó (cách tu, pháp tu đó) thành cỗ xe (tu thừa) và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng sự ác-ý vẫn còn ám muội tâm trí tôi.’

- “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vậy: ‘Không phải vậy! Đừng nói như vậy. Đừng diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn; vì sẽ không tốt lành nếu nói sai lời của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chắc chắn không nói như vậy. Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-từ*, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà sự ác-ý vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát khỏi ác-ý đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-từ*.’

(2) “Lại nữa, một Tỷ kheo có thể nói như vậy: ‘Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-bi*, đã làm nó thành cỗ xe và

căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng ý nghĩ làm-hại vẫn còn ám muội tâm trí tôi.’

- “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vậy: ‘Không phải vậy! ... Đây đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà ý nghĩ làm-hại vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát khỏi ý nghĩ làm-hại đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi.’

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vậy: ‘Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-tùy-hỷ*, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng sự không vui-lòng (bất mãn, không hài lòng) vẫn còn ám muội tâm trí tôi.’¹¹⁰³

- “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vậy: ‘Không phải vậy! ... Đây đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-tùy-hỷ, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà ý nghĩ không vui-lòng vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát khỏi sự không vui-lòng đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-tùy-hỷ.’

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vậy: ‘Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-xả*, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng ý nghĩ tham-dục vẫn còn ám muội tâm trí tôi.’

- “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vậy: ‘Không phải vậy! ... Đây đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một

người tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà ý nghĩ tham-dục vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát khỏi ý nghĩ tham-dục đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả.’¹¹⁰⁴

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vậy: ‘Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát vô dấu-hiệu (vô tướng),¹¹⁰⁵ đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng thức của tôi vẫn còn chạy theo những dấu-hiệu.’¹¹⁰⁶

- “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vậy: ‘Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà thức của người đó vẫn chạy theo những dấu-hiệu. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát khỏi tất cả những dấu-hiệu đó chính là sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm.’

(6) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể nói: ‘Tôi đã vứt bỏ [quan niệm, khái niệm] cái ‘Ta’ và tôi không coi ‘Ta là này hay nọ’ gì nữa, nhưng mũi tên nghi-ngờ và hoang-mang vẫn ám muội tâm trí tôi.’

- “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vậy: ‘Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, khi đã vứt bỏ cái ‘Ta’ và người tu không còn coi ‘Ta là này hay nọ’ gì nữa, mà cái mũi tên nghi-ngờ và

hoang-mang vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát-khỏi mũi tên nghi-ngờ và hoang-mang đó chính là sự bùng-bỏ cái ‘Ta’ (tự ngã).’¹¹⁰⁷

“Này các Tỳ kheo, có sáu yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi.”

14 (4) Cái Chết Tốt Lành

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, này đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(I) “Này các đạo hữu, một Tỳ kheo sống qua thời gian của người ấy¹¹⁰⁸ theo cách làm cho người ấy không có một cái chết tốt lành.¹¹⁰⁹ Và theo cách nào một Tỳ kheo sống qua thời gian của người ấy làm cho người ấy không có một cái chết tốt lành?

“Ở đây, (1) một Tỳ kheo thích thú làm việc, thích thú với công việc, chỉ lo (hết mình với) công việc;¹¹¹⁰ (2) người đó thích nói chuyện, thích thú với sự nói chuyện, chỉ lo sự nói chuyện; (3) người đó thích ngủ, thích thú với sự ngủ, chỉ lo ngủ; (4) người đó thích gặp gỡ người này người nọ, thích thú với sự gặp gỡ, chỉ lo gặp gỡ; (5) người đó thích dính líu người này người nọ, thích thú với sự dính líu, chỉ lo sự dính líu; (6) người đó thích tăng phóng (phóng tâm, bội tăng ô-nhiễm), thích thú với sự tăng phóng, chỉ lo sự tăng phóng.¹¹¹¹ Khi một Tỳ kheo sống qua thời gian của người ấy theo cách như vậy, người đó không có được một cái chết tốt lành. Đây được gọi là một Tỳ kheo thích thú sự hiện-hữu cá thể (danh tính)¹¹¹², là người chưa dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự diệt-khổ (= chấm dứt sự hiện-hữu).

(II) “Này các đạo hữu, một Tỳ kheo sống qua thời gian của người ấy theo cách làm cho người ấy có một cái chết tốt lành. Và theo cách

nào một Tỷ kheo sống qua thời gian của người ấy làm cho người ấy có một cái chết tốt lành?

“Ở đây, (1) một Tỷ kheo không thích làm việc, không thích thú với công việc, không chỉ lo (hết mình với) công việc; (2) người đó không thích nói chuyện, không thích thú với sự nói chuyện, không chỉ lo sự nói chuyện; (3) người đó không thích ngủ, không thích thú với sự ngủ, không chỉ lo ngủ; (4) người đó không thích gặp gỡ người này người nọ, không thích thú với sự gặp gỡ, không chỉ lo gặp gỡ; (5) người đó không thích dính líu người này người nọ, không thích thú với sự dính líu, không chỉ lo sự dính líu; (6) người đó không thích tăng phóng, không thích thú với sự tăng phóng, không chỉ lo sự tăng phóng. Khi một Tỷ kheo sống qua thời gian của người ấy theo cách như vậy, người đó có được một cái chết tốt lành. Đây được gọi là một Tỷ kheo vui thích Niết-bàn, là người đã dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự diệt-khô.”

Sinh vật¹¹¹³ chỉ lo làm sự phóng tâm [tăng phóng],

Thích thú sự phóng tâm,

Đã không chứng được Niết-bàn:

Là sự an-toàn khỏi mọi sự trôi-buộc.

Nhưng ai biết dẹp bỏ sự phóng tâm,

Vui thích với sự không phóng tâm,

Đã chứng được Niết-bàn:

Là sự an-toàn khỏi mọi sự trôi-buộc.

15 (5) Hối Tiếc

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỷ kheo ...

(I) [Tiếp tục y hệt 6 điều đoạn (I) kinh 6:14 kể trên, và tiếp tục:]

... Khi một Tỷ kheo sống qua thời gian của người ấy theo cách như vậy,

người đó chết với sự hối tiếc. Đây được gọi là một Tỳ kheo thích thú sự hiện-hữu cá thể (danh tính), là người chưa dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự diệt-khổ.

(II) [*Tiếp tục y hệt 6 điều đoạn (II) kinh 6:14 kể trên, và tiếp tục:*] ... Khi một Tỳ kheo sống qua thời gian của người ấy theo cách như vậy, người đó chết không có sự hối tiếc. Đây được gọi là một Tỳ kheo vui thích Niết-bàn, là người đã dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự diệt-khổ.”

[*Tiếp tục phần thi kệ cũng giống hệt kinh kể trên.*]

16 (6) Nakula

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Bhagga, ở Sumsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā [cha của Nakula] bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Rồi vợ của gia chủ là bà Nakulamātā [mẹ của Nakula] đã nói với ông ta điều này:

“Này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng.¹¹¹⁴ Chết mà mang đầy lo lắng sẽ đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.¹¹¹⁵

(1) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vậy: ‘Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula [Nakulamātā] sẽ không thể nuôi nấng con cái và giữ gìn nhà cửa.’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi giỏi nghề se bông và dệt len. Sau khi ông mất, tôi sẽ có thể nuôi nấng con cái và giữ gìn nhà cửa. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(2) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vậy: ‘Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula sẽ lấy chồng khác.’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo

cách như vậy. Nay chủ gia, ông và tôi đều biết rõ, suốt mười sáu năm qua chúng ta đã sống đời sống độc-thân của người tại gia.¹¹¹⁶ Vì vậy, nay chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(3) “Nay chủ gia, có thể ông nghĩ như vậy: ‘Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula sẽ không còn muốn đến thăm đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo.’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Sau khi ông mất, tôi thậm chí còn thêm nhiệt thành (hăng hái, siêng hơn) đến gặp đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Vì vậy, nay chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(4) “Nay chủ gia, có thể ông nghĩ như vậy: ‘Mẹ của Nakula không hoàn thiện giới-hạnh.’¹¹¹⁷ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã hoàn thiện về giới-hạnh. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Sumsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, nay chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(5) “Nay chủ gia, có thể ông nghĩ như vậy: ‘Mẹ của Nakula chưa đạt tới sự tĩnh-lặng bên-trong (định) của tâm.’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã đạt được sự tĩnh-lặng bên-trong của tâm. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Sumsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, nay chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

(6) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vậy: ‘Mẹ của Nakula chưa đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới-luật này; ¹¹¹⁸ cô ta chưa vượt qua sự nghi-ngờ, chưa loại bỏ hết sự hoang-mang, chưa đạt được sự tự-tin, và chưa hết phụ thuộc vào người khác về giáo lý của vị Sư Thầy (Phật).’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới-luật này; tôi là một trong số họ đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã loại bỏ hết sự hoang-mang, đã đạt được sự tự-tin, và đã độc lập không cần nhờ người khác về giáo lý của vị Sư Thầy. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Sumsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

Rồi, trong khi gia chủ Nakulapitā [cha của Nakula] đang được khởi xướng theo cách như vậy bởi người vợ Nakulamātā [mẹ của Nakula], bệnh tình của ông ta lắng lặn ngay tại chỗ. Ông Nakulapitā đã khỏi bệnh, và đó là cách bệnh tình của ông ta được loại bỏ.

Rồi, không lâu sau khi ông đã phục hồi khỏi bệnh, gia chủ Nakulapitā, chống gậy bước đi, đến gặp đức Thế Tôn. Ông kính chào ¹¹¹⁹ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông:

“Này gia chủ, đó quả thực là phúc lành và lợi lạc cho chú, rằng người vợ Nakulamātā có lòng bi-mẫn đối với chú, mong muốn điều tốt lành cho chú, và đã khởi xướng và hướng dẫn cho chú. Thím Nakulamātā là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã hoàn thiện về giới-hạnh. Thím ấy là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã đạt được sự tĩnh-lặng bên-trong của tâm. Thím ấy là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã đạt được chân đứng,

chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới-luật này, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã loại bỏ hết sự hoang-mang, đã đạt được sự tự-tin, và đã độc lập không cần nhờ người khác về giáo lý của vị Sư Thầy. Nay gia chủ, đó quả thực là phúc lành và lợi lạc cho chú, rằng người vợ Nakulamātā có lòng bi-mẫn đối với chú, mong muốn điều tốt lành cho chú, và đã khởi xướng và hướng dẫn cho chú.”

17 (7) *Thiện Lành*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ sanh đường, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Vào buổi cuối chiều, Ngài Xá-lợi-phất cũng ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ sanh đường, đến nơi thầy ấy kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Ngài Mục-kiền-liên ... Ngài Đại Ca-diếp ... Ngài Đại Ca-chiên-diên ... Ngài Đại Câu-ti-la ... Ngài Đại Cunda ... Ngài Đại Kappina ... Ngài A-nậu-lâu-đà ... Ngài Revata ... Ngài Ānanda, cũng ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ sanh đường, đến nơi thầy ấy kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.

Rồi, sau khi đã qua gần hết phiên ngồi thiền ban đêm, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở. Ngay sau khi đức Thế Tôn đã đi, các ngài Tỳ kheo, cũng đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở. Nhưng những Tỳ kheo mới được thụ giới, chưa xuất gia tu hành lâu và mới vừa đến với Giáo Pháp và giới-luật này, thì ngủ, ngáy đều cho tới khi mặt trời mọc. Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc vượt trên loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy những Tỳ kheo đó ngủ, ngáy đều cho tới khi mặt trời mọc. Rồi đức Thế Tôn đã đi ra chỗ sanh đường, ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình, và nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, Xá-lợi-phất ở đâu? Mục-kiền-liên ở đâu? Đại

Ca-diếp ở đâu? Đại Câu-ti-la ở đâu? Đại Cunda ở đâu? Đại Kappina? A-nậu-lâu-đa ở đâu? Revata ở đâu? Ānanda ở đâu? Những đệ tử trưởng lão đó đã đi đâu?”

“Thưa Thế Tôn, không lâu sau khi đức Thế Tôn đi, những ngài đó cũng đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của họ.”

“Này các Tỳ kheo, khi những Tỳ kheo trưởng lão đi về, tại sao các thầy là những người mới thụ giới lại ngồi ngủ ngáy cho tới khi mặt trời mọc như vậy?

(1) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một vị vua được phong vương [được xúc dầu lên đầu], trong suốt đời làm việc trị vì của mình, liệu ông có được quý mến và hài lòng đối với đất nước nếu phần nhiều thời gian của ông chỉ khoái thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ?”¹¹²⁰

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe điều như vậy.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một quan triều đình ... (3) ... một hoàng tử nổi dõng ... (4) ... một vị tướng ... (5) ... một trưởng làng ... (6) ... một trưởng bang hội, trong suốt đời làm lãnh đạo, liệu ông có được quý mến và hài lòng đối với phường hội nếu phần nhiều thời gian của ông chỉ khoái thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe điều như vậy.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Giả sử có một tu sĩ hay bà-la-môn dành phần nhiều thời gian của ông cho việc khoái thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ; là một người tu mà không canh phòng

các cửa của các giác-quan [các căn cảm nhận], là người không tiết độ trong ăn uống, và không chú ý (để ý) tới sự tỉnh-thức; người thiếu sự minh-sát (thiền quán) nhìn vào những phẩm chất thiện lành; người không sống với ý-định cố gắng tu tập ‘những phần trợ giúp giác-ngộ’ vào những canh đầu và canh sau của đêm. Các thầy có từng thấy hay nghe một người như vậy mà lại có thể chứng đắc như vậy: ‘vói đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe điều như vậy.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các giác-quan, tiết độ trong ăn uống, và chú ý tới sự tỉnh-thức; chúng ta sẽ có sự minh-sát (thiền quán) nhìn vào những phẩm chất thiện lành, và sẽ sống với ý-định cố gắng tu tập ‘những phần trợ giúp giác-ngộ’ trong những canh đầu và canh sau của đêm.’¹¹²¹ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

18 (8) Người Bán Cá

Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ người Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỳ kheo. Rồi, khi đang đi trên đường lộ cái, đến một chỗ nọ đức Thế Tôn nhìn thấy một người bán cá đang làm thịt cá để bán. Đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ, đến ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn dưới một gốc cây, và nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy người bán cá đang giết

cá để bán hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

(1) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một người bán cá nào nhờ công việc và nghề giết cá bán thịt nên sau này (nghiep quả là) được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đồng của cải to lớn, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo, ta cũng chưa thấy hay nghe chuyện như vậy. Vì lý do gì? Vì người đó nhìn một cách tàn nhẫn vào những con cá bị bắt (trong chậu, trong thùng) khi chúng bị mang đến nơi giết thịt. Do vậy nên sau này người đó đâu được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đồng của cải to lớn nào.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một người bán thịt bò nào nhờ công việc và nghề giết bò bán thịt ... (3) ... một người bán thịt cừu ... (4) ... một người bán thịt heo ... (5) ... một người bán thịt gia cầm ... (6) ... một người bán thịt nai nào nhờ công việc và nghề giết nai bán thịt sau này (nghiep quả là) được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đồng của cải to lớn, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này các Tỳ kheo, ta cũng chưa thấy hay nghe chuyện như vậy. Vì lý do gì? Vì người đó nhìn một cách tàn nhẫn vào những con bò ... những con nai bị bắt khi chúng bị mang đến nơi giết thịt. Do vậy nên sau này người đó đâu được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đồng của cải to lớn nào.

“Này các Tỳ kheo, những ai nhìn một cách tàn nhẫn vào những

con vật đã bị bắt khi chúng bị mang đến nơi giết thịt thì sau này (nghiệp quả là) sẽ không được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đồng của cải to lớn nào. Như vậy phải nói sao về những ai nhìn một cách tàn nhẫn vào một người bị kết án đang bị mang đi xử chết? Điều đó (sự nhìn một cách tàn nhẫn đó) sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của họ. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.”

19 (9) Chánh Niệm Về Cái Chết (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nāḍika trong hội trường gạch. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo:

“Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa đức Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.¹¹²² Nhưng, này các Tỷ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm về cái chết hay không?”

(1) Khi điều này được nói ra, một Tỷ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

“Nhưng, này Tỷ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày và một đêm nữa, vậy ta nên chú tâm (tác ý) tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’¹¹²³ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

(2) Một Tỷ kheo khác nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con

cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *một ngày* nữa, vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

(3) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *khoảng 20 phút* nữa [nguyên văn: *một khoảng thời gian đủ để ăn một bữa cơm khát thực*],¹¹²⁴ vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

(4) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *khoảng 2 phút* nữa [nguyên văn: *một khoảng thời gian đủ để nhai và nuốt bốn hay năm miếng ăn*], vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

(5) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm

về cái chết?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *khoảng nửa phút* nữa [nguyên văn: *một khoảng thời gian đủ để nhai và nuốt một miếng ăn*], vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

(6) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *khoảng 1-2 giây* nữa [nguyên văn: *một khoảng thời gian đủ để thở-ra sau khi thở-vô, hoặc để thở-vô sau khi thở-ra*], vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo đó:

“Này các Tỳ kheo, (1) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *một ngày và một đêm* ...’; và (2) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *một ngày* ...’; (3) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *20 phút* ...’; (4) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *2 phút* ...’: đây được gọi là những Tỳ kheo sống một cách lơ tâm phóng dật. Họ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách chậm chạp (với mục tiêu) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).

Nhưng, (5) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống *nửa phút* ...’; và (6) Tỳ kheo tu tập sự chánh-

niệm về cái chết như vậy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống 1-2 giây ...’: đây được gọi là những Tỳ kheo sống một cách chuyên tâm chuyên chú. Họ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách nhiệt thành (miên mật) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống một cách chuyên tâm chuyên chú. Chúng ta sẽ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách nhiệt thành để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

20 (10) Chánh Niệm Về Cái Chết (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nāḍika trong hội trường gạch. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó. Nhưng, này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm về cái chết hay không?”

(I) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi ngày đã hết và đêm đã tới, một Tỳ kheo quán chiếu như vậy: ‘Ta có thể chết bởi nhiều nguyên nhân. (1) Do rắn cắn, hay bò cạp hay bò sát chích ta, và ta có thể chết; đó là một sự cản trở cho ta. (2) Ta có thể vấp té, hoặc (3) thức ăn (độc, xấu) có thể hại chết ta, hoặc (4) túi mật của ta có thể bị kích động, hoặc (5) đờm đãi của ta có thể bị kích động, hoặc (6) khí độc trong (thân) ta có thể bị kích động, làm ta chết; đó sẽ là sự cản trở cho ta.’”¹¹²⁵

(a) “Tỳ kheo đó nên quán chiếu như vậy: ‘Ta còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, sẽ trở thành sự cản trở cho ta nếu tôi nay ta chết?’ Nếu, sau khi quán xét, Tỳ kheo đó biết: ‘Ta còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, sẽ trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay’, thì người đó cần đặt ra sự mong-muốn

phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không-biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết (tỉnh giác) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đó. Giống như người có quần áo hay đầu tóc đang bị lửa cháy cần phải bỏ ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không-biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết để dập tắt [lửa cháy trên] áo quần hay đầu tóc của mình; cũng giống như vậy, Tỳ kheo đó phải đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không-biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đó.

(b) “Nhưng nếu, sau khi quán xét, Tỳ kheo đó biết như vậy: ‘Ta không còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, sẽ không trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay’, thì người đó sống trong sự (trạng thái) sáng-khoái và hoan-hỷ đó, tu tập ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành.

(II) “Nhưng khi đêm đã hết và ngày đã tới, một Tỳ kheo quán chiếu như vậy: ‘Ta có thể chết bởi nhiều nguyên nhân. (1) Do rắn cắn ... hoặc (6) khí độc trong (thân) ta có thể bị kích động, làm ta chết; đó sẽ là sự cản trở cho ta.’

[Tiếp tục giống hết phần (I), (a), (b) ở trên, chỉ khác là chữ “tối nay” được thay bằng chữ “ngày hôm nay”.]

“Này các Tỳ kheo, đó là, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.”

NHÓM 3

NHỮNG ĐIỀU VÔ THƯỢNG

21 (1) *Sāmaka* (1)

“Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người họ Thích-ca ở Sāmagāma gần hồ sen. Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết hồ sen, đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có ba phẩm chất này dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Thích thú làm công việc, (2) thích thú nói chuyện, và (3) thích thú ngủ. Đây là ba phẩm chất dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo.”

Đây là lời vị thiên thần đã nói. Vị Sư Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời ... [*Phật kể lại nguyên câu chuyện ở trên*] ... và biến mất ngay tại đó.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều bất hạnh và mất mát đối với những thầy nào ở đây mà ngay cả những thiên thần cũng biết là đang sa sút những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy thêm ba phẩm chất [khác] dẫn tới sự sa sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì có ba phẩm chất [khác] dẫn tới sự sa sút? (4) Thích thú gặp gỡ giao lưu, (5) là (người) khó tu sửa được, và (6) có bạn bè (đạo hữu) xấu. Đây là ba phẩm chất [khác] dẫn tới sự sa sút.

“Này các Tỳ kheo, những ai trong quá khứ đã sa sút những phẩm chất thiện lành đều sa sút bởi do sáu phẩm chất này. Những ai trong tương lai sẽ sa sút những phẩm chất thiện lành đều sa sút bởi do sáu phẩm chất này. Và những ai trong hiện tại đang sa sút những phẩm chất thiện lành đều sa sút bởi do sáu phẩm chất này.”

22 (2) Không Sa Sút

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa sút? Không thích thú làm công việc, không thích thú nói chuyện, không thích thú ngủ, không thích thú gặp gỡ giao lưu, là (người) dễ được tu sửa, và có bạn (đạo hữu) tốt. Đây là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa sút.

“Này các Tỳ kheo, những ai trong quá khứ đã không sa sút những phẩm chất thiện lành đều không sa sút nhờ sáu phẩm chất này. Những ai trong tương lai sẽ không sa sút những phẩm chất thiện lành đều không sa sút nhờ sáu phẩm chất này. Và những ai trong hiện tại đang không sa sút những phẩm chất thiện lành đều không sa sút nhờ sáu phẩm chất này.”

23 (3) Hiểm Họa

(1) “Này các Tỳ kheo, ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan (dục lạc).

(2) ‘Khổ’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan. (3) ‘Bệnh’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan. (4) ‘Ung nhọt’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan. (5) ‘Sự trói buộc’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan. (6) ‘Bãi lầy’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan.

“Và, này các Tỳ kheo, tại sao ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan? Người ta bị kích thích bởi tham-dục giác quan, bị trói buộc bởi tham muốn và nhục dục, không thoát khỏi những hiểm họa thuộc kiếp này hay những hiểm họa thuộc kiếp sau; do vậy ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan.

“Và tại sao ‘khổ’ ... ‘bệnh’ ... ‘ung nhọt’ ... ‘sự trói buộc’ ... ‘bãi lầy’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan? Người ta bị kích thích bởi tham-dục giác quan, bị trói buộc bởi tham muốn và nhục dục, không thoát khỏi những hiểm họa thuộc kiếp này hay những hiểm họa thuộc kiếp sau; do vậy ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác-quan.”

Hiểm họa, khổ, bệnh

Ung nhọt, sự trói buộc, bãi lầy:

Những chữ này mô tả những khoái-lạc giác-quan

Mà những người phàm phu bị trói buộc vào đó.

Sau khi đã nhìn thấy hiểm họa trong sự dính-chấp,

Là nguồn gốc của sinh-tử,

Sau khi được giải thoát bởi sự không-còn dính-chấp,

Là sự tuyệt dứt sinh-tử,

Những bậc hạnh phúc đó đã đạt được sự an-toàn;

Họ đã đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.

Sau khi đã vượt qua tất cả mọi sự thù ghét và hiểm họa,
Họ đã siêu thoát khỏi mọi khổ đau.¹¹²⁶

24 (4) *Núi Himalaya*

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo có thể chế phá dãy núi Himalaya (Hi-mã-lạp-sơn), vua của những ngọn núi,¹¹²⁷ sá gì sự vô minh hạ tiện! Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là (1) thiện khéo về chứng-nhập trong (tàng thiên) định; (2) thiện khéo về thời-gian chứng nhập trong định; (3) thiện khéo về sự thoát-ra khỏi định; (4) thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định; (5) thiện khéo về những trú-xứ của định¹¹²⁸; và (6) thiện khéo về giải-pháp đối với định.¹¹²⁹ Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể chế dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi, sá gì sự vô minh hạ tiện!”¹¹³⁰

25 (5) *Tưởng Niệm*

“Này các Tỳ kheo, có sáu chủ-đề này để tưởng niệm.¹¹³¹ Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham, bản thân tự do khỏi nó, thoát ra khỏi nó. Này các Tỳ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ sở,¹¹³² một số chúng sinh ở đây được

thanh lọc theo cách như vậy.

(2) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(3) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(4) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(5) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm rộng lòng bố-thí của mình như vậy: ‘*Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị ố-nhiễm của tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.*’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(6) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vậy: ‘*Có những thiên thần [được trị vì bởi] bốn vị vua lớn [tứ đại thiên vương], những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma), những thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó. Trong tôi cũng có loại niềm-tin mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại giới-hạnh ... sự học-hiểu ... sự rộng lòng bố-thí ... trí-tuệ mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.*’

Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, tâm rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. Đây các Tỷ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan. Sau khi đã làm (sự

tưởng niệm) này thành một cơ sở, một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là sáu chủ-đề để tưởng niệm.”

26 (6) *Ngài Ca-Chiên-Diên*

Ở đó Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, rằng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, đã tìm ra lối-mở [nguyên văn: *lối mở giữa nơi bị giam cầm, nhốt kín*] để giúp thanh lọc chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (cách tu, pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, sáu chủ-đề để tưởng niệm.¹¹³³ Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham, bản thân tự do khỏi nó, thoát ra khỏi nó. Này các Tỳ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan. Người đệ tử thánh thiện này sống với một cái tâm hoàn toàn giống như không-gian: rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù-ghét và không ác-ý. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ sở, một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.¹¹³⁴

(2) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp như

vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(3) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(4) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

(5) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm rộng lòng bố-thí của mình như vậy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ô-nhiễm của tính keo kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị ô-nhiễm của tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây

được thanh lọc theo cách như vậy.

(6) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên thần như vậy: ‘Có những thiên thần [được trị vì bởi] bốn vị vua lớn [tứ đại thiên vương] ... Trong tôi cũng có loại *niềm-tin* ... loại *giới-hạnh* ... *sự học-hiểu* ... *sự rộng lòng bố-thí* ... *trí-tuệ* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, tâm rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. Nay các Tỳ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan. Người đệ tử thánh thiện này sống với một cái tâm hoàn toàn giống như không-gian: rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù-ghét và không ác-ý. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ sở, một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy.

“Này các đạo hữu, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, rằng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, đã tìm ra lối-mở để giúp thanh lọc chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (cách tu, pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, sáu chủ-đề để tưởng niệm.”

27 (7) Thời Lúc (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính?”¹¹³⁵

“Này Tỳ kheo, có sáu thời thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và không chế bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu được sự thoát khỏi tham-dục đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và không chế bởi tham-dục, và tôi không hiểu được sự thoát-khỏi tham-dục là gì, đúng như nó thực là. Mong thầy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp để loại bỏ tham-dục.’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ tham-dục. Đây là thời lúc thích hợp thứ nhất để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.

(2) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và không chế bởi *ác-ý*, và người đó không hiểu được sự thoát khỏi ác-ý đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và không chế bởi ác-ý...’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ ác-ý. Đây là thời lúc thích hợp thứ hai để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.

(3) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và không chế bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, và người đó không hiểu được sự thoát khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và không chế bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ...’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Đây là thời lúc thích hợp thứ ba để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.

(4) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và không chế bởi *sự bất-an và hối-tiếc*, và người đó không hiểu được sự thoát khỏi sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó

người đó đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và không chế bởi sự bất-an và hối-tiếc...’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Đây là thời lúc thích hợp thứ tư để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.

(5) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và không chế bởi *sự nghi-ngờ*, và người đó không hiểu được sự thoát khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và không chế bởi sự nghi-ngờ...’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ sự nghi-ngờ. Đây là thời lúc thích hợp thứ năm để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.

(6) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo không biết và thấy đối-tượng nào để dựa vào nó và chú tâm tới nó để đạt tới sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm,¹¹³⁶ thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tôi không biết và thấy đối-tượng nào để dựa vào nó và chú tâm tới nó để đạt tới sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm.’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính đó sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây là thời lúc thích hợp thứ sáu để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.

“Này Tỳ kheo, đây là sáu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.”

28 (8) Thời Lúc (2)

Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu vườn nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, sau khi trở về sau một vòng đi khát thực, sau khi ăn trưa, những Tỳ kheo đó tụ tập và cùng ngồi với nhau trong sảnh đường, lúc đó trong số họ đã khởi sinh cuộc đàm đạo như vậy:

“Này các đạo hữu, cái gì là thời lúc thích hợp để đi gặp một Tỳ kheo đáng kính?”

(a) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với các trưởng lão:

“Này các đạo hữu, sau khi một Tỳ kheo đáng kính trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, vị ấy rửa chân, và ngồi xuống với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình: đó là thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy.”

(b) Sau khi người đó nói xong, một Tỳ kheo khác lại nói với người đó:

“Này đạo hữu, đó không phải lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Sau khi một Tỳ kheo đáng kính trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, vị ấy rửa chân, và ngồi xuống với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình, sự mệt mỏi của vị ấy [sau khi đi khát thực] và bữa ăn trưa của vị ấy cũng chưa tiêu hóa. Vì vậy đó không phải thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy. Nhưng vào buổi cuối chiều, khi một Tỳ kheo đáng kính ra khỏi chỗ ẩn cư và ngồi dưới mái hiên chỗ ở với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình: đó là thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy.”

(c) Sau khi người đó nói xong, một Tỳ kheo khác nữa lại nói với người đó:

“Này đạo hữu, đó không phải lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Vào buổi cuối chiều, khi một Tỳ kheo đáng kính ra khỏi chỗ ẩn cư và ngồi dưới mái hiên chỗ ở với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình, lúc đó đối-tượng thiền định mà vị ấy đã chú tâm vào vẫn còn có mặt đối với vị ấy.¹¹³⁷ Vì vậy đó không phải thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy. Nhưng khi một Tỳ kheo đáng kính thức dậy khi đêm bắt đầu tàn và đang

ngồi với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình: đó là lúc thích hợp để đến gặp vị ấy.”

(d) Sau khi người đó nói xong, một Tỳ kheo khác nữa lại nói với người đó:

“Này đạo hữu, đó không phải lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Khi một Tỳ kheo đáng kính thức dậy khi đêm bắt đầu tàn và đang ngồi với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình, lúc đó thân của vị ấy còn tươi mới; sẽ dễ dàng cho vị ấy chú tâm tới giáo lý của các vị Phật. Vì vậy đó không phải thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Đại Ca-chiên-diên đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão đó:

“Này các đạo hữu, trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này:

“‘Này Tỳ kheo, có sáu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, này Tỳ kheo, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và không chế bởi tham-dục ... *[tiếp tục nguyên đoạn này được Phật nói trong kinh 6:27 kể trên:]* ... (2) ... bị ám muội và không chế bởi ác-ý ... (3) ... bị ám muội và không chế bởi sự dờ-dẫn và buồn-ngủ ... (4) ... bị ám muội và không chế bởi sự bất-an và hối-tiếc ... (5) ... bị ám muội và không chế bởi sự nghi-ngờ ... (6) ... khi một Tỳ kheo không biết và thấy đối-tượng nào để dựa vào và chú tâm vào để đạt tới sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm ... Rồi vị Tỳ kheo đáng kính đó sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để tiêu diệt ô-nhiễm. Đây là sáu thời lúc thích hợp thứ sáu để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.’

“Này các đạo hữu, trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này Tỳ kheo, đây là sáu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.’”

29 (9) Ngài Udāyī

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Udāyī: “Này Udāyī, có bao nhiêu chủ-đề để tưởng niệm?”

Khi điều này được nói ra, thầy Udāyī im lặng ... Và (Phật hỏi lại) đến lần thứ ba thầy Udāyī vẫn im lặng.

Rồi Ngài Ānanda mới nói với thầy Udāyī: “Này đạo hữu Udāyī, vị Sư Thầy đang nói với thầy mà.”

“Tôi có nghe đức Thế Tôn nói, đạo hữu Ānanda.”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỷ kheo nhớ lại (tưởng niệm, quán tưởng) nhiều cõi kiếp quá khứ của mình, đó là một lần sinh, hai lần sinh ... [\[giống đoạn \(4\) kinh 6:02\]](#). Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Ānanda:

“Này Ānanda, ta biết con người nông cạn như Udāyī không tận tụy hết mình để đạt tới phần tâm bậc cao.¹¹³⁸ Này Ānanda, có bao nhiêu chủ-đề để tưởng niệm?”

“Thưa Thế Tôn, có năm chủ-đề để tưởng niệm. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỷ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự

định-tâm.

‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’

“Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, *sẽ dẫn đến sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này.*¹¹³⁹

(2) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, một Tỷ kheo chú tâm tới nhận-thức về ánh sáng; người đó tập trung vào nhận-thức về ban ngày như vậy: ‘Ngày sao, đêm vậy; đêm sao ngày vậy.’ Như vậy, với một cái tâm mở rộng và không che đậy, người đó tu tập một cái tâm thấm nhuần sự sáng-tỏ.¹¹⁴⁰ Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, *sẽ dẫn đến đạt được trí-biết và tâm-nhìn.*

(3) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, một Tỷ kheo quán sát chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh tóc trở xuống, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ không-sạch: ‘*Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, đờm, màng phổi, lá lách, ruột non, phổi, màng treo (mỡ sa), bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nhớt, nước bọt, nước mũi, dịch khớp, và nước tiểu.*’ Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, *sẽ dẫn đến sự loại bỏ nhục-dục.* (diệt dục)

(4) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, (i) giả sử một Tỷ kheo nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa sau khi chết được một, hai, hay ba ngày, sinh lên, thâm tím, chảy dịch mủ. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vậy: ‘*Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.*’¹¹⁴¹ Hoặc (ii) giả sử người đó nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa, đang bị cắn mổ bởi những con quạ,

điều hâu, kền kền, chó, chó rừng, hay những sinh vật khác. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vậy: ‘Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’ Hoặc (c) giả sử người đó nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa, (iii) là một bộ xương với thịt và máu, được dính với nhau bằng những sợi gân ... (iv) là một bộ xương không thịt còn máu, được dính với nhau bằng những sợi gân ... (v) là một bộ xương không thịt không máu, được dính với nhau bằng những sợi gân ... (vi) là những phần xương rớt rời ra đủ hướng: này là xương tay, kia là xương chân, này là xương ống, kia là xương đùi, này là xương chậu, kia là xương sống, và kia là xương sọ. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vậy: ‘Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’ Hoặc (d) giả sử người đó nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa, (vii) là những phần xương đã phai thành màu trắng, màu của vỏ sò ... (viii) là những phần xương nằm dòn lại, đã hơn một năm ... (ix) ... là những phần xương đã mục nát, rã thành bụi đất. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vậy: ‘Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’ Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vậy: ‘Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’ Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn tới sự bừng bỏ cái ‘ta’. (phá ngã)

(5) “Lại nữa, thừa Thế Tôn, với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ (không còn sừng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn sừng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn tới sự thâm nhập nhiều loại yếu-tố.¹¹⁴²

“Thưa Thế Tôn, đây là năm chủ-đề tưởng niệm.”

“Tốt, tốt, này Ānanda! Vậy thì, này Ānanda, hãy ghi nhớ luôn chủ-đề tưởng niệm thứ sáu.

(6) “Ở đây, khi bước tới một Tỳ kheo luôn có chánh-niệm, khi bước lại người đó luôn có chánh-niệm, khi đứng người đó luôn có chánh-niệm, khi ngồi người đó luôn có chánh-niệm, khi nằm xuống [để ngủ] người đó luôn có chánh-niệm, khi làm việc gì người đó luôn có chánh-niệm. Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác).”

30 (10) Những Điều Vô Thượng

“Này các Tỳ kheo, có sáu điều vô thượng [không thể vượt trên] Sáu đó là gì? (1) Sự nhìn-thấy vô thượng, (2) sự-nghe vô thượng, (3) sự có-được vô thượng, (4) sự tu-tập vô thượng, (5) sự phục-vụ vô thượng, và (6) sự tưởng-niệm vô thượng.¹¹⁴³

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nhìn-thấy vô thượng? Ở đây, có người đến để nhìn thấy voi báu, ngựa báu, ngọc báu, hoặc đến để nhìn thấy những cảnh quan khác nhau; hoặc khác, họ đến để nhìn thấy một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực hành sai lạc (tà tu). Có sự nhìn thấy như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự nhìn thấy như vậy là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự lòng-thành ổn định, đã quyết định, đầy sự tự-tin, đến để nhìn thấy Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự nhìn thấy vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự nhìn thấy vô thượng. Như vậy là sự nhìn thấy vô thượng.

(2) “Và theo cách nào thì có sự-nghe vô thượng? Ở đây, có người nghe âm thanh tiếng trống, tiếng đàn, tiếng hát, hoặc nghe những âm thanh khác nhau; hoặc khác, họ đến để nghe Giáo Pháp của những tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc, có sự thực hành sai lạc. Có sự nghe như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự nghe như vậy là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự lòng-thành ổn định, đã quyết định, đầy sự tự-tin, đến để nghe Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự nghe vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự nghe vô thượng. Như vậy là sự nghe vô thượng.

(3) “Và theo cách nào là sự có-được vô thượng? Ở đây, có người có được con trai, có vợ, hoặc sự giàu có; hoặc họ có được nhiều thứ đồ đạc hàng hóa; hoặc khác, họ có được niềm tin vào những tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc, có sự thực hành sai lạc. Có sự có-được như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự có-được như vậy là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có được niềm-tin ổn định, sự lòng-thành ổn định, đã quyết định, đầy sự tự-tin, có-được niềm-tin vào Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự có-được vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự có-được vô thượng. Như vậy là sự có-được vô thượng.

(4) “Và theo cách nào là sự tu-tập vô thượng? Ở đây, có người tập

luyện về (điều khiển) voi, về ngựa, về xe, về cung tên, về kiếm thuật; hoặc họ tập luyện về những lĩnh vực khác nhau; hoặc khác, họ tu tập dưới/theo một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc, có sự thực hành sai lạc. Có sự tập luyện như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự tập luyện này là thấp, tầm thường, phạm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự lòng-thành ổn định, đã quyết định, đầy sự tự-tin, đến *tu tập dưới/theo* Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự tu tập vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự tu tập vô thượng. Như vậy là sự tu tập vô thượng.

(5) “Và theo cách nào là sự phục-vụ vô thượng? Ở đây, có người phục vụ một người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), một bà-la-môn (brahmin), một gia chủ; hoặc họ phục vụ nhiều người khác nhau; hoặc khác, họ phục vụ một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc, có sự thực hành sai lạc. Có sự phục vụ như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự phục vụ này là thấp, tầm thường, phạm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự lòng-thành ổn định, đã quyết định, đầy sự tự-tin, *phục vụ* Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự phục vụ vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự phục vụ vô thượng. Như vậy là sự phục vụ vô thượng.

(6) “Và theo cách nào là sự tưởng-niệm vô thượng? Ở đây, có

người tưởng niệm sự có-được con trai, vợ, sự giàu có; hoặc khác, họ tưởng niệm những sự có-được (đắc lợi) khác nhau; hoặc khác, họ tưởng niệm một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc, có sự thực hành sai lạc. Có sự tưởng niệm như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự tưởng niệm này là thấp, tầm thường, phạm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không-còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự lòng-thành ổn định, đã quyết định, đầy sự tự-tin, *tưởng niệm* Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự tưởng niệm vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự tưởng niệm vô thượng. Như vậy là sự tưởng niệm vô thượng.

“Này các Tỷ kheo, đây là sáu điều vô thượng.”

Sau khi đã có được sự nhìn-thấy tốt nhất,
 Và sự-nghe vô thượng,
 Và sự có-được vô thượng,
 Vui thích với sự tu-tập vô thượng,
 Chú tâm phục-vụ,
 Họ tu tập sự tưởng-niệm nối kết với sự sống tách-ly,
 Sự an-toàn, dẫn tới sự bất-tử.

Hoan hỷ trong sự chuyên chú tu tập,
 Cản trọng (cho tương lai),
 Trì giữ giới-hạnh,
 Lúc họ chứng ngộ
 Cũng là lúc sự khổ chấm dứt.

NHÓM 4

NHỮNG THIÊN THẦN

31 (1) *Học Nhân (1)*

“Này các Tỳ kheo, sáu phẩm chất này dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Sáu đó là gì? Thích thú làm công việc, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các giác-quan [các căn cảm nhận], và không tiết độ trong ăn uống. Sáu phẩm chất này dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân.

“Này các Tỳ kheo, sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Sáu đó là gì? Không thích thú làm công việc, không thích thú nói chuyện, không thích thú ngủ, không thích thú gặp gỡ giao lưu, luôn phòng hộ các cửa của các giác-quan, và tiết độ trong ăn uống. Sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân.”

32 (2) *Sự Không Sa Sút (1)*

Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo. Sáu đó là gì? Kính trọng vị Sư Thầy (Phật), kính trọng Giáo Pháp, kính trọng Tăng Đoàn, kính trọng sự tu-tập, kính trọng sự chuyên-chú, và kính trọng sự hiếu-khách.¹¹⁴⁴ Đây là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.”

Đây là lời vị thiên thần đã nói. Vị Sư Thầy đồng ý. Rồi vị thiên

thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời ... [*Phật kể lại nguyên câu chuyện ở trên*] ... và biến mất ngay tại đó.”

Tôn kính Sư Thầy,
Tôn kính Giáo Pháp,
Tôn kính Tăng Đoàn,
Kính trọng sự chuyên-chú
Kính trọng sự hiếu-khách:
Tỳ kheo này không bị rớt khỏi
Mà gần với Niết-bàn.

33 (3) Sự Không Sa Sút (2)

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp ta, kính chào và đứng qua một bên, và thưa với ta:

“Thưa Thế Tôn, có sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo. Sáu đó là gì? Kính trọng vị Sư Thầy (Phật), kính trọng Giáo Pháp, kính trọng Tăng Đoàn, kính trọng sự tu-tập, kính trọng sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và kính trọng sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức. Đây là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính chào ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.”

Tôn kính Sư Thầy,
Tôn kính Giáo Pháp,

Tôn kính Tăng Đoàn,
 Được phú cho sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức,
 Và sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức:
 Tỳ kheo này không bị rớt khỏi
 Mà gần với Niết-bàn.

34 (4) Ngài Mục-Kiên-Liên

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, trong khi Ngài Mục-kiên-liên đang ở một mình ở nơi ẩn dật, dòng ý nghĩ này đã khởi sinh trong thầy ấy:

“Những thiên thần nào biết rằng: ‘Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ?’”

Bấy giờ, lúc đó có một Tỳ kheo tên là Tissa vừa mới chết và được tái sinh trong một cõi trời brahmā (phạm thiên giới). Ở đó họ đều biết thầy ấy bây giờ là “vị trời Tissa, uy dũng và uy lực”. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh đuổi hay co cánh tay, thầy Mục-kiên-liên biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra trong cõi trời brahmā đó. Khi nhìn thấy thầy Mục-kiên-liên đi đến từ xa, vị trời Tissa đã nói với thầy ấy:

“Nào, thầy Mục-kiên-liên đáng kính! Hân hạnh đón tiếp thầy, thầy Mục-kiên-liên đáng kính! Đã từ lâu giờ mới có cơ hội thầy ghé đến đây. Xin mời ngồi, thầy Mục-kiên-liên đáng kính. Chỗ ngồi đã được dọn sẵn.” Thầy Mục-kiên-liên ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Vị trời Tissa kính lễ và đứng sang một bên. Thầy Mục-kiên-liên mới nói với vị trời:

“Này Tissa, những thiên thần nào biết rằng: ‘Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận

mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ’?”

(1) “Thầy Mục-kiền-liên đáng kính, những thiên thần [được trị vì bởi] bốn vị vua trời lớn (tứ đại thiên vương) có biết như vậy.”

“Này Tissa, có phải tất cả những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương đều biết như vậy?”

“Không phải tất cả, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Những ai không có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai thiếu đức-hạnh (giới-hạnh) được quý trọng bởi những bậc thánh hiền, thì không có biết điều đó. Nhưng những ai có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai có được đức-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh hiền, thì biết được: ‘Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’”

(2) “Chỉ có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương có biết điều đó, hay những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi) ... (3) những thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma) ... (4) những thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất) ... (5) những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) ... (6) những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) cũng có biết như vậy?”

“Thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính, những thiên thần Tha hóa tự tại thiên có biết như vậy.”

“Này Tissa, có phải tất cả những thiên thần Tha hóa tự tại thiên đều có biết như vậy?”

“Không phải tất cả, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Những ai không có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai thiếu đức-hạnh (giới-hạnh) được quý trọng bởi những bậc thánh hiền, thì không có biết điều đó. Nhưng những ai có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai có được đức-hạnh được quý

trọng bởi những bậc thánh hiền, thì biết được: “Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.”

Rồi, sau khi hài lòng và hoan hỷ với lời nói của vị trời Tissa, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy Mục-kiền-liên biến mất khỏi cõi trời đó và hiện tra lại ở Khu Vườn Jeta.

35 (5) *Thuộc Trí-Biết Đích Thực*

“Này các Tỳ kheo, sáu điều này thuộc trí-biết đích thực. Sáu đó là gì? Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, nhận-thức về sự đẹp-bỏ, nhận-thức về sự chán-bỏ, nhận-thức về sự chấm-dứt.¹¹⁴⁵ Đây là sáu điều thuộc trí-biết đích thực (chân trí, minh).”

36 (6) *Những Tranh Chấp*

“Này các Tỳ kheo, có sáu gốc rễ tạo ra những tranh chấp. Sáu đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo *hay nóng giận và bực tức*. Khi một Tỳ kheo *sống hay nóng giận và bực tức*, người đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo như vậy tạo ra những tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhận thấy được bất kỳ gốc rễ nào ở bên trong mình hoặc ở bên ngoài gây ra tranh chấp, thì các thầy phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhận thấy gốc rễ nào ở bên trong mình hay ở bên ngoài gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng

phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ gây tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là (a) có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là (b) có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây ra tranh chấp trong tương lai.

(2) “Lại nữa, một Tỷ kheo *kinh thường và xác xược* ... (3) *ghen tỵ và keo kiệt* ... (4) *lừa dối và gian lận* ... (5) *có những ý-định xấu và cách-nhìn sai lạc* (tà kiến) ... (6) *cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng*. Khi một Tỷ kheo *sống kinh thường và xác xược* ... *cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng*, người đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỷ kheo như vậy tạo ra những tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhận thấy được bất kỳ gốc rễ nào ở bên trong mình hoặc ở bên ngoài gây ra tranh chấp, thì các thầy phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhận thấy gốc rễ nào ở bên trong mình hay ở bên ngoài gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ gây tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là (a) có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là (b) có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây ra tranh chấp trong tương lai.

“Này các Tỷ kheo, đây là sáu gốc rễ tạo ra những tranh chấp.”

37 (7) Sự Cho Đi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông)

Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có vị nữ đệ tử tại gia tên là Velukaṇṭakī Nandamātā [mẹ của (Tỳ kheo) Nanda] đã chuẩn bị bữa cúng dường gồm sáu thứ cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên. Với mắt thiên thánh (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đức Thế Tôn nhìn thấy vị nữ đệ tử tại gia Velukaṇṭakī Nandamātā đang chuẩn bị bữa cúng dường, Đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, nữ đệ tử tại gia Velukaṇṭakī Nandamātā đang chuẩn bị bữa cúng dường gồm có sáu yếu tố cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Và theo cách nào là một bữa cúng dường gồm có sáu yếu tố? Ở đây, người cúng dường (thí chủ) có ba yếu tố và những người nhận có ba yếu tố.

“Cái gì là ba yếu tố của người cúng dường? (1) Người cúng dường là hoan hỷ trước khi bố thí; (2) cô ấy có tâm bình lặng và tự tin trong hành động bố thí; và (3) cô ấy phấn khởi sau khi bố thí. Đây là ba yếu tố của người cúng dường.

“Và cái gì là ba yếu tố của những người nhận? Ở đây, (4) những người nhận là không có tham, hoặc đang tu tập để loại bỏ tham; (5) họ không có sân, hoặc đang tu tập để loại bỏ sân; (6) họ không có si, hoặc đang tu tập để loại bỏ si. Đây là ba yếu tố của những người nhận.

“Như vậy người cúng dường có ba yếu tố, và những người nhận có ba yếu tố. Theo cách như vậy sự cúng dường có sáu yếu tố. Không dễ gì đo được công đức của một sự cúng dường như vậy để nói như kiểu: ‘Dòng chảy công đức là rất nhiều như vậy, dòng chảy thiện lành là rất nhiều như vậy, là dưỡng chất của hạnh phúc—là thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa dẫn tới cõi trời—sẽ dẫn tới điều được ước, được mong, và đáng thích, đưa đến ích lợi và hạnh phúc của một người (người cúng dường)’; mà phải nói đó là vô lượng [không thể đếm được], vô lượng [không thể đo được], là một khối công đức khổng lồ.

“Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’, hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vậy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, không dễ gì đo được công đức của một sự cúng dường như vậy để nói như kiểu: ‘Dòng chảy công đức là rất nhiều như vậy, dòng chảy thiện lành là rất nhiều như vậy ...’ ... mà phải nói đó là vô lường, vô lượng, là một khối công đức khổng lồ.”

Hoan hỷ trước khi bố thí;
 Khi đang làm ổn định tâm trong sự thành tín;
 Sau khi bố thí người đó phấn khởi:
 Đây là sự thành công trong việc cúng dường.

Khi họ không có tham và sân,
 Không có si và những ô-nhiễm,
 Tự chủ, sống đời sống tâm linh,
 Ruộng phước để cúng dường là trọn vẹn.

Sau khi làm sạch bản thân,¹¹⁴⁶
 Và bố thí bằng chính tay mình,
 Hành động từ thiện đó mang rất nhiều phước quả,
 Cho bản thân mình và những người liên quan.

Sau khi làm một việc từ thiện như vậy,
 Với một cái tâm không dính tính keo kiệt,
 Người có trí, giàu có niềm-tin,
 Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc, không khổ đau.

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vậy: ‘Không có sự tự mình làm, không có sự làm theo ý người khác.’”¹¹⁴⁷

“Này bà-la-môn, ta chưa bao giờ thấy hay nghe ai nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vậy. Bởi vì, làm sao một người có thể tự đi tới và tự đi lui theo ý mình mà có thể nói: ‘Không có sự tự mình làm, không có sự làm theo ý người khác.’?”

(1) “Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? Có yếu tố tự-phát [khởi-sự] một hành động, hay không?”¹¹⁴⁸

“Có, thưa thầy.”

“Khi có yếu tố tự-phát, thì chúng ta nhìn thấy chúng sinh tự phát hành động, đúng không?”

“Đúng, thưa thầy.”

“Khi có yếu tố tự-phát, thì chúng ta nhìn thấy chúng sinh tự phát hành động; trong đó có chúng sinh tự mình làm, có chúng sinh làm theo ý người khác, đúng không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(2) “Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? Có yếu tố kiên-trì ... (3) ... có yếu tố phấn-đấu ... (4) ... có yếu tố sức-mạnh... (5) có yếu tố liên-tục ... (6) ... có yếu tố nỗ-lực, hay không?”¹¹⁴⁹

“Có, thưa thầy.”

“Khi có yếu tố nỗ-lực, thì chúng ta nhìn thấy chúng sinh nỗ lực hành động, đúng không?”

“Đúng, thưa thầy.”

“Khi có yếu tố nỗ-lực, thì chúng ta nhìn thấy chúng sinh nỗ lực; trong đó có chúng sinh tự mình làm, có chúng sinh làm theo ý người khác, đúng không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này bà-la-môn, ta chưa bao giờ thấy hay nghe ai nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vậy. Bởi vì, làm sao một người có thể tự đi tới và tự đi lui theo ý mình mà có thể nói: ‘Không có sự tự mình làm, không có sự làm theo ý người khác.’?”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỷ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

39 (9) Sự Khởi Sinh

“Này các Tỷ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; (2) sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; và (3) si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

“Không phải sự vô-tham khởi sinh từ tham; mà chỉ có tham khởi sinh từ tham. Không phải sự vô-sân khởi sinh từ sân; mà chỉ có sân khởi sinh từ sân. Không phải sự vô-si khởi sinh từ si; mà chỉ có si khởi sinh từ si.

“Không phải [những cõi] những thiên thần và loài người—hay những nơi-đến tốt lành nào khác—được nhìn thấy là do nghiệp được sinh ra từ tham, sân, si; mà chỉ có địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới

ngạ quỷ bị đầy đọa—cũng như những nơi-đến xấu dữ—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ tham, sân, si. Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (4) Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; (5) vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; và (6) vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

“Không phải tham khởi sinh từ sự vô-tham; mà chỉ có vô-tham khởi sinh từ vô-tham. Không phải sân khởi sinh từ sự vô-sân; mà chỉ có vô-sân khởi sinh từ vô-sân. Không phải si khởi sinh từ sự vô-si; mà chỉ có vô-si khởi sinh từ vô-si.

“Không phải địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ bị đầy đọa—hay những nơi-đến xấu dữ nào khác—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ sự vô-tham, vô-sân, và vô-si; mà, chỉ có [những cảnh giới] những thiên thần và loài người—cũng như những nơi-đến tốt lành khác—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ sự vô-tham, vô-sân, và vô-si. Có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

40 (10) Ngài Kimbila

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong một vườn cây *nicula* (lộc vùng).¹¹⁵⁰ Lúc đó có Ngài Kimbila đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn?¹¹⁵¹

“(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-niết-bàn [chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng], những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối

với Giáo Pháp. (3) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (6) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đãi). Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn?”

“(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-niết-bàn, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (6) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn.”¹¹⁵²

41 (11) Một Khối Gỗ

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi xuống khỏi Đỉnh Núi Kền Kền cùng với một số Tỳ kheo. Tới một chỗ thầy ấy nhìn thấy một khối gỗ to lớn, và nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu các thầy có thấy khối gỗ to lớn đó không?”

“Có, thưa đạo hữu.”

(1) “Này các đạo hữu, nếu muốn một Tỳ kheo có thần thông [năng lực tâm linh], là người đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, có thể chú tâm

[tập trung] vào khối gỗ đó (như) là đất. Cái gì là cơ sở cho điều này? Bởi yếu tố đất có mặt trong khối gỗ đó. Dựa trên cơ sở này, một Tỷ kheo có thần thông, là người đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm, có thể chú tâm vào nó là đất.

(2)–(4) “Này các đạo hữu, nếu muốn một Tỷ kheo có thần thông, là người đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, có thể chú tâm vào khối gỗ đó là nước ... là lửa ... là khí. Cái gì là cơ sở cho điều này? Bởi yếu tố nước ... yếu tố lửa ... yếu tố khí có mặt trong khối gỗ đó. Dựa trên cơ sở này, một Tỷ kheo có thần thông, là người đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm, có thể chú tâm vào nó là nước ... là lửa ... là khí.

(5)–(6) “Này các đạo hữu, nếu muốn một Tỷ kheo có thần thông, là người đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, có thể chú tâm vào khối gỗ đó là đẹp ... là không hấp dẫn. Cái gì là cơ sở cho điều này? Bởi yếu tố đẹp ... yếu tố không hấp dẫn có mặt trong khối gỗ đó. Dựa trên cơ sở này, một Tỷ kheo có thần thông, là người đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm, có thể chú tâm vào nó là đẹp ... là không hấp dẫn.”

42 (12) Ngài Nāgita¹¹⁵³

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ người Kosala (Kiền-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó mới tới ngôi làng tên Icchānaṅgala của những bà-la-môn người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn trú trong khu rừng nhiều cây ở vùng Icchānaṅgala. Các gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala nghe tin: “Nghe nói tu sĩ (sa-môn) Cồ-đàm, người con của họ tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến làng Icchānaṅgala, và giờ đang trú ở khu rừng rậm ở Icchānaṅgala. Giờ tin tốt lành về tu sĩ Cồ-đàm được truyền nhau như vậy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tới

thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những vị A-la-hán như vậy.”

Rồi, khi đêm đã qua, những gia chủ bà-la-môn của làng Icchānaṅgala mang nhiều thứ thức ăn khác nhau và đi đến khu rừng nhiều cây vùng Icchānaṅgala. Họ đứng ở bên ngoài cửa rừng và gây ra tiếng ồn ào huyên náo. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Nāgita là người hầu cận của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Nāgita:

“Này Nāgita, ai đang làm những tiếng ồn huyên náo vậy? Ai nghe tưởng như một đám ngư dân đang hò hét lúc vây bắt một đàn cá.”

“Thưa Thế Tôn, đó là những gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala, họ mang đến nhiều thứ thức ăn khác nhau. Họ đang đứng ngoài cửa rừng [và muốn cúng dường] cho Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỳ kheo.”

“Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ, niềm chân phúc của sự tách-ly (ẩn dật), niềm chân phúc của sự bình-an, niềm chân phúc của sự giác-ngộ khi họ muốn có; ta thì dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì. Hãy để họ thụ hưởng niềm vui dơ bẩn, niềm vui lười nhác (không tu tập từ bỏ) của lợi, vinh, và danh.”

“Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đồng ý! Mong bậc Phúc Lành đồng ý! Giờ là lúc đức Thế Tôn hãy đồng ý. Vì dù đức Thế Tôn có đi

đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Giống như khi trời mưa lớn và nước đều chảy dồn xuống dốc. Tương tự vậy, dù đức Thế Tôn đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Vì lý do gì? Vì đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn.”

“Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ ... Hãy để họ thụ hưởng niềm vui dơ bẩn, niềm vui lười nhác của lợi, vinh, và danh.”

(1) “Ở đây, này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống gần rìa một khu làng đang ngồi trong trạng thái định-tâm. Rồi ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Giờ một người giúp việc hay một sa-di hay một người đồng-đạo dễ làm vị ấy rút khỏi sự định-tâm.’¹¹⁵⁴ Vì lý do này, ta không hài lòng với sự ở gần rìa khu làng của Tỳ kheo đó.

(2) “Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng và đang ngủ gật. Rồi ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Giờ vị thầy này sẽ xua tan sự buồn ngủ và chú tâm duy nhất vào nhận-thức về khu rừng, [một trạng thái] hợp-nhất.’¹¹⁵⁵ Vì lý do này, ta hài lòng với sự ở trong rừng của Tỳ kheo đó.

(3) “Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng trong trạng thái không định-tâm. Ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Giờ vị thầy này sẽ tập trung [định] cái tâm chưa đạt định của mình hoặc phòng hộ cái tâm chưa đạt định của mình.’ Vì lý do này, ta hài lòng với sự ở trong rừng của Tỳ kheo đó.

(4) “Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng trong trạng thái định-tâm. Ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Giờ vị thầy này sẽ giải thoát cái tâm chưa được giải thoát của mình hoặc phòng hộ cái tâm chưa được giải thoát của mình.’ Vì lý do này, ta hài lòng với sự ở trong rừng của Tỳ kheo đó.

(5) “Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống ở gần rìa một khu làng, là người nhận được (từ thí chủ) y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Do ham muốn lợi, vinh, danh nên người đó lơ lảng việc sống tách-ly; người đó lơ lảng việc sống ở những nơi xa lánh trong rừng núi. Sau khi vô trong làng, thị trấn, và kinh thành, người đó chọn chỗ cư trú trong đó luôn. Vì lý do này, ta không hài lòng với sự sống gần rìa một khu làng (hay thị trấn) của Tỳ kheo đó.

(6) “Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng, là người nhận được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Sau khi đã xua tan mọi sự lợi, vinh, danh, người đó không lơ lảng việc sống tách-ly; người đó không lơ lảng việc sống ở những nơi xa lánh trong rừng núi. Vì lý do này ta hài lòng với sự sống ở trong rừng của Tỳ kheo đó.

“Này Nāgita, khi ta đang đi du hành trên đường lộ và không nhìn thấy ai trước mặt hay sau lưng mình, thậm chí là những người đang đi đại tiện hay tiểu tiện, thì trong thời đó ta thấy an nhiên.”¹¹⁵⁶

NHÓM 5

DHAMMIKA

43 (1) *Nāga*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda:

“Này Ānanda, chúng ta hãy đến chỗ Lâu Đài của Migāramātā [mẹ của Migāra] trong Khu Vườn Phía Đông để an trú qua ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn, cùng với thầy Ānanda, đi đến chỗ Lâu Đài của Migāramātā trong Khu Vườn Phía Đông. Rồi vào buổi cuối chiều đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và nói với thầy Ānanda:

“Này, Ānanda, chúng ta hãy đến chỗ cổng phía đông để tắm.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn, cùng với thầy Ānanda, đi đến chỗ cổng phía đông để tắm. Sau khi tắm xong ở chỗ cổng phía đông và đi ra, đức Thế Tôn vẫn mặc đồ và đứng lau khô mình (thân, đầu tóc, chân, tay). Trong lúc đó, có con voi đực của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiền-tát-la), nó tên là “Seta” (Bạch tượng), đang đi ra cổng phía đông cùng với dàn hợp âm gồm nhạc và trống. Người ta nhìn thấy voi và nói: “Voi đực của nhà vua thật đẹp! Voi đực của nhà vua thật đẹp đáng! Voi đực của nhà vua thật to lớn! Đó là một nāga, thực sự là một nāga.” (nāga: không lồ) ¹¹⁵⁷

Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, chỉ vì người ta nhìn thấy một con voi có thân hình to lớn thì họ nói đó là: ‘Một nāga, thực sự là một nāga!’ hay người ta cũng nói như vậy khi nhìn thấy những thứ [khác] có thân hình to lớn?”

“(1) Này Udāyī, khi người ta nhìn thấy một con voi có thân hình to lớn thì họ nói đó là: ‘Một nāga, thực sự là một nāga!’ (2) Khi người ta nhìn thấy một con ngựa ... (3) ... một con bò ... (4) ... một con rắn ... (5) ... một cây to ... (6) ... một con người có thân hình to lớn thì họ nói đó là: ‘Một nāga, thực sự là một nāga!’ . Nhưng, này Udāyī, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần

thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta gọi một người không làm gì ác bằng hành động, lời nói, và tâm ý là một nāga.” (người khổng lồ)¹¹⁵⁸

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, về cái cách điều này đã được nói ra bởi đức Thế Tôn rằng: ‘Nhưng, này Udāyī, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta gọi một người không làm gì ác bằng hành động, lời nói, và tâm ý là một nāga.’ Thưa Thế Tôn, con xin góp vui với lời dạy tốt lành này của Thế Tôn bằng mấy vần kệ sau đây: ¹¹⁵⁹

“Một con người mà giác ngộ,
Tự thuần hóa, và đạt định,
Đang đi theo đạo của trời brahmā,
Người đó vui thích với sự bình-an của tâm.

“Tôi đã nghe từ bậc A-la-hán rằng:
Ngay cả những thiên thần cũng kính lễ bậc ấy,
Loài người cũng tôn kính bậc ấy,
Đó là bậc đã vượt trên mọi sự.

“Bậc ấy đã siêu thoát khỏi mọi gông-cùm,
Đã thoát khỏi rừng u để đến nơi quang đăng;¹¹⁶⁰
Vui thích sự từ bỏ dục-lạc,
Bậc ấy như vàng tinh thoát khỏi quặng thô.

“Bậc ấy là một nāga, chiếu sáng trên tất cả,
Như dãy núi Himalaya so với mọi núi non khác.
Trong mọi thứ được gọi tên là một nāga,
Chỉ bậc vô thượng đó là thực sự xứng danh.¹¹⁶¹

“Tôi sẽ tuyên dương bậc ấy, thưa ‘một nāga’:

Đúng thực, bậc ấy làm những điều vô-ác.
Và sự hiền-từ và vô-hại,
Là hai chân của một nāga.

“Sự sống thanh-bản và độc-thân,
Là hai chân còn lại của nāga.
Niềm-tin là tấm thân to lớn của nāga,
Và sự buông-xả là nanh ngà của nāga.

“Chánh-niệm là cổ của nāga; đầu nāga là trí-tuệ,
Sự điều-tra tìm hiểu, và sự quán chiếu về những hiện-tượng.
Giáo Pháp là thân nhiệt cân bằng nơi bụng nāga,
Và sự sống tách-ly ần dật là đuôi nāga.

“Bậc thiền trí này vui thích với sự yên-ủi,¹¹⁶²
Đã khéo đạt định ở bên trong.
Khi đi, nāga đạt định;
Khi đứng, nāga đạt định.

“Khi nằm, nāga đạt định;
Khi ngồi nāga cũng đạt định.
Ở mọi nơi nāga đều trì giới:
Đây là sự thành tựu của nāga.

“Bậc ấy ăn thức ăn không tội lỗi,
Chứ không ăn những thứ dính tội lỗi.
Khi bậc ấy nhận được thức ăn và y phục,
Bậc ấy không cất trữ chúng.

“Sau khi đã cắt bỏ mọi gông-cùm và trói-buộc,
Từ loại thô tế tới loại vi tế:
Thì dù có đi đến đâu,
Bậc ấy cũng không mang sự lo-lắng.¹¹⁶³

“Nhu bông sen được sinh ra,
Và lớn lên trong nước bùn,
Nhưng không bị nhiễm bùn nhơ,
Vẫn tươi đẹp và tỏa hương thơm ngát.

“Đức Phật được thiện sinh trong thế gian,
Sống ở trong thế gian,¹¹⁶⁴
Nhưng không bị dính nhơ bởi thế gian,
Nhu bông sen trong nước bùn mà không nhiễm bùn.

“Ngọn lửa lớn cháy rực,
Sẽ tắt đi khi hết nhiên liệu,
Và khi tắt cả than cháy cũng không còn,
Đó được gọi là sự tắt-ngấm.¹¹⁶⁵

“Ví dụ này, chuyển tải ý nghĩa,
Đã được dạy bởi bậc hiền trí.
Những nāga lớn sẽ biết về nāga (này)
Đã được dạy bởi nāga.¹¹⁶⁶

“Không còn tham, sân, si,
Không còn ô-nhiễm: sau khi bỏ thân này,
Bậc nāga (này) sạch-nhiễm,
Đã giải xong cơn khát (hết dục)
Và chứng ngộ bát-Niết-bàn.”

44 (2) Migasālā

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, tới đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính chào thầy, ngồi xuống một bên,

và thưa:

“Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc thân và người không sống độc thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử tính dục, kiêng cử những thói tật cá nhân phạm tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai¹¹⁶⁷ và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).’ Chú của con¹¹⁶⁸ là Isidatta không sống độc thân mà sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).’ Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc thân và người không sống độc thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?”

“Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.”¹¹⁶⁹

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận thức ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau một vòng đi khát thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā ... [*thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới:*] ... Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả lời: ‘Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.’”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ ngu dốt kém tài với trí của một phụ nữ?¹¹⁷⁰ Và ai là những người có sự hiểu-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn? (về sự ưu-nhược của những người khác, tính theo các căn của mỗi người)

“Này Ānanda, có sáu loại người được thấy có trong thế gian. Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, này Ānanda, có một người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỷ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó. Nhưng người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào.¹¹⁷¹ Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đòi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào.

(2) “Rồi nữa, này Ānanda, có một người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỷ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đòi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đòi.

“Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ¹¹⁷² sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

“Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái ‘người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỷ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó, và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời’ là vượt trên và siêu xuất hơn người kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi.¹¹⁷³ Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

“Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người

ta.

(3) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và nhiều lúc có những trạng thái tham¹¹⁷⁴ khởi sinh trong người đó. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đòi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào.

(4) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và nhiều lúc có những trạng thái tham khởi sinh trong người đó. Nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đòi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đòi.

“Này Ānanda, những ai hay phán xét người ta sẽ phán xét về họ. Chỉ ta, hay bậc giống ta, có thể phán xét về người ta.”¹¹⁷⁵

(5) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại.¹¹⁷⁶ Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đòi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào.

(6) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại. Nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý],

học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đòi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đòi.

“Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

“Này Ānanda, giữa hai người đó thì người ‘trong người đó thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại, nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời’ thì vượt trên và siêu xuất hơn người kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

“Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ có ta, hay bậc giống ta, có thể phán xét về người ta.

“Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ ngu dốt kém tài với trí của một phụ nữ? Và ai là những người có sự hiểu-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?

“Đây là sáu loại người được thấy có trong thế gian.

“Này Ānanda, cho dù chú Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà bác Purāṇa đã có, thì ngay cả bác Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù bác Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà chú Isidatta đã có, thì ngay cả chú Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình..¹¹⁷⁷ Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người kia) một

phương diện.” (tức là, Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh)

45 (3) Nợ

(1) “Này các Tỳ kheo, có phải sự nghèo là cái khổ trong thế gian đối với người thích thụ hưởng dục-lạc (khoái-lạc giác-quan)?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

(2) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bản cùng bị mắc nợ, có phải nợ cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

(3) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bản cùng đã bị mắc nợ, hứa trả tiền lời, có phải tiền lời cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

(4) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bản cùng đã hứa trả tiền lời nhưng không thể trả tiền lời, họ (chủ nợ) chửi trách người đó. Có phải sự bị chửi trách cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

(5) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bản cùng bị chửi trách mà không trả tiền, họ sẽ tố giác người đó. Có phải sự bị tố giác cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

(6) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bản cùng bị tố giác mà không trả tiền, họ sẽ bỏ tù người đó. Có phải sự bị nhốt tù cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với người thích hưởng dục-lạc, thì sự nghèo là cái khổ trong thế gian; sự mắc nợ là cái khổ trong thế gian; sự phải trả tiền lời là cái khổ trong thế gian; sự bị chửi trách là cái khổ trong thế gian; sự bị tố giác là cái khổ trong thế gian; và sự bị nhốt tù là cái khổ trong thế gian.

(1) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một người không có niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có sự nỗ-lực (tinh tấn) để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì theo Giới-Luật của Thánh Nhân người đó được gọi là một kẻ nghèo nàn, nghèo khó, bần cùng.

(2) “Do đã không có niềm-tin, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, không nỗ-lực, không trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, nên người nghèo nàn, nghèo khó, bần cùng đó dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái (ba ác hành). Ta gọi đây là “sự mắc nợ” của người đó.

(3) “Để che giấu hành-động sai trái của mình, người đó dung dưỡng ý muốn xấu ác. Người đó ước: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tỷ’ của ta.’; người đó cố ý [với ý đồ]: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tỷ’ ta.’; người đó nói những câu nói [với ý đồ]: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tỷ’ ta.’; người đó cố làm những hành động [với ý đồ]: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tỷ’ ta.’

“Để che giấu lời-nói sai trái của mình ... Để che giấu tâm-ý sai trái của mình, người đó dung dưỡng ý muốn xấu ác. Người đó ước: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tỷ’ của ta.’; người đó cố ý [với ý đồ]: ‘Cầu

cho không có ai biết ‘tẩy’ ta.’; người đó nói những câu nói [với ý đồ]: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tẩy’ ta’; người đó cố làm những hành động [với ý đồ]: ‘Cầu cho không có ai biết ‘tẩy’ ta.’ Ta gọi đây là “tiền lời phải trả” của người đó.

(4) “Những Tỳ kheo *thiện hành* nói (chê, trách) người đó: ‘Ông thầy này hành vi kiêu vậy, hành xử kiêu vậy.’ Ta gọi đây là “sự bị chửi trách” của người đó.

(5) “Rồi sau khi người đó đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, những ý-nghĩ bất thiện xấu ác đi kèm sự hối-tiếc sẽ tấn công (hành hung) người đó. Ta gọi đây là “sự bị tố giác” của người đó.

(6) “Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người nghèo nàn, nghèo khó, bần cùng đó, là người đã dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái, sẽ bị dính trong sự tù đày của địa-ngục hay trong sự tù đày của cõi súc-sinh. Nay các Tỳ kheo, ta không thấy sự tù đày nào khác khủng khiếp và khắc nghiệt, [và] sự trở-ngại nào khác cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ hơn là sự tù đày của địa-ngục hay sự tù đày của cõi súc-sinh.”

46 (4) Ngài Cunda

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Đại Cunda [Mahācunda] đang sống giữa xứ người Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy ấy đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Cunda mới nói điều này:

(1) “Ở đây, này các đạo hữu, những Tỳ kheo là những người chuyên về Giáo Pháp¹¹⁷⁸ chê bai những Tỳ kheo là người tu thiền như vậy: ‘Họ cứ thiền ngẫm và suy ngẫm, [còn nói rằng]: “Chúng tôi là

những thiền giả, chúng tôi là những thiền giả!”¹¹⁷⁹ Tại sao họ lại thiền? Họ thiền theo đường lối nào? Họ thiền theo cách nào?’ Trong trường hợp [1] này, những Tỳ kheo chuyên Giáo Pháp không hài lòng, và những Tỳ kheo chuyên tu thiền cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.

(2) “Nhưng những Tỳ kheo tu thiền thì chê bai những Tỳ kheo chuyên Giáo Pháp như vậy: ‘Họ bất an, kiêu căng, vô tích sự, nói nhiều, nói dong dài, tâm rối mờ (thiếu chánh niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với những cái tâm lan man trôi giạt, với các giác-quan [căn cảm nhận] loi lỏi, [còn nói rằng]: “Chúng tôi là những người chuyên Giáo Pháp, chúng tôi là những người chuyên Giáo Pháp!” Tại sao họ lại là những người chuyên về Giáo Pháp? Họ chuyên về Giáo Pháp theo đường lối nào? Họ chuyên về Giáo Pháp theo cách nào?’ Trong trường hợp [2] này, những người tu thiền không hài lòng, và những người chuyên Giáo Pháp cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.

(3) “Này các đạo hữu, những Tỳ kheo là những người chuyên Giáo Pháp chỉ khen ngợi những Tỳ kheo cũng chuyên về Giáo Pháp, không khen những người tu thiền. Trong trường hợp [3] này, những Tỳ kheo chuyên Giáo Pháp không hài lòng, và những Tỳ kheo chuyên tu thiền cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.

(4) “Nhưng những Tỳ kheo là những người tu thiền chỉ khen ngợi những Tỳ kheo là những người cũng tu thiền, không khen những người chuyên Giáo Pháp. Trong trường hợp [4] này, những người tu thiền là

không hài lòng, và những người chuyên những người tu thiền không hài lòng, và những người chuyên Giáo Pháp cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.

(5) “Do vậy, này các đạo hữu, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Những ai trong chúng ta là những người chuyên Giáo Pháp sẽ khen ngợi những Tỳ kheo tu thiền.’ Các thầy nên luyện tập mình như vậy. Vì lý do gì? Này các đạo hữu, bởi vì những người đó là tuyệt vời và hiếm có trong thế gian, đó là những người sống sau khi đã bằng thân mình chạm vào yếu tố bất-tử.”¹¹⁸⁰

(6) “Do vậy, này các đạo hữu, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Những ai trong chúng ta là những người tu thiền sẽ khen ngợi những người chuyên Giáo Pháp.’ Các thầy nên luyện tập mình như vậy. Vì lý do gì? Này các đạo hữu, bởi vì những người đó là tuyệt vời và hiếm có trong thế gian, đó là những người nhìn thấy (thấu hiểu) một vấn đề thâm sâu và giản minh (gọn và rõ rệt, cốt yếu rõ ràng) sau khi đã thâm nhập nó bằng trí-tuệ.”¹¹⁸¹

47 (5) *Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (1)*

Lúc đó có du sĩ tên Moliyasīvaka đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn.¹¹⁸² Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Ngài, thường nghe nói: ‘Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Thưa Ngài, theo cách nào Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí’?”¹¹⁸³

“Vậy thì, này Sīvaka, giờ đến lượt ta hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Này Sīvaka, ông nghĩ sao? (1) Khi có tham bên trong mình, ông có biết: ‘Có tham bên trong mình’ và khi không có tham bên trong mình, ông có biết: ‘Không có tham bên trong mình’, hay không?”

“Có biết, thưa Ngài.”

“Như vậy đó, này Sīvaka, khi có tham trong mình, ông biết ‘Có tham bên trong mình’, và khi không có tham trong mình, ông biết ‘Không có tham bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

“Này Sīvaka, ông nghĩ sao? (2) Khi có sân bên trong mình ... (3) ... Khi có si bên trong mình ... (4) ... Khi có một trạng thái kết nối với tham bên trong mình¹¹⁸⁴ ... (5) ... Khi có một trạng thái kết nối với sân bên trong mình ... (6) ... Khi có một trạng thái kết nối với si bên trong mình, ông có biết: ‘Có một trạng thái kết nối với si bên trong mình’, và khi không có một trạng thái kết nối với si bên trong mình, ông có biết: ‘Không có một trạng thái kết nối với si bên trong mình’, hay không?”

“Có biết, thưa Ngài.”

“Như vậy đó, này Sīvaka, khi có một trạng thái kết nối với sân ... si bên trong mình, ông có biết ‘Có một trạng thái kết nối với sân ... si bên trong mình’, và khi không có một trạng thái kết nối với sân ... si bên trong mình, ông có biết ‘Không có một trạng thái kết nối với sân ... si bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”

“Thật hay khéo, thưa Ngài! ... [*tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên*] ... Mong Đức Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời.”

48 (6) *Trực Tiếp Nhìn Thấy Được* (2)

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Thầy Cồ-đàm, theo cách nào Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?”

“Vậy thì, này bà-la-môn, giờ đến lượt ta hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? (1) Khi có tham bên trong mình, ông có biết: ‘Có tham bên trong mình’ và khi không có tham bên trong mình, ông có biết: ‘Không có tham bên trong mình’, hay không?”

“Có biết, thưa thầy.”

“Như vậy đó, này bà-la-môn, khi có tham trong mình, ông biết ‘Có tham bên trong mình’, và khi không có tham trong mình, ông biết ‘Không có tham bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

“Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? (2) Khi có sân bên trong mình ... (3) ... Khi có si bên trong mình ... (4) ... Khi có lỗi về thân (thân hành) bên trong mình¹¹⁸⁵ ... (5) ... Khi có lỗi về miệng (khẩu hành) bên trong mình ... (6) ... Khi có lỗi về tâm (tâm hành) bên trong mình, ông có biết: ‘Có lỗi về tâm bên trong mình’, và khi không có lỗi về tâm bên trong mình, ông có biết: ‘Không có lỗi về tâm bên trong mình’, hay không?”

“Có biết, thưa thầy.”

“Như vậy đó, này bà-la-môn, khi có lỗi về tâm bên trong mình, ông có biết ‘Có lỗi về tâm bên trong mình’, và khi không có lỗi về tâm bên trong mình, ông có biết ‘Không có lỗi về tâm bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”

“Thật hay khéo, thưa thầy! ... [*tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên*] ... Mong Đức Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời.”

49 (7) Ngài Khema (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Khema và Ngài Sumana cũng đang ở Sāvathī, trong Khu Vườn Của Người Mù. Lúc đó họ đến gặp đức Thế Tôn, và kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Khema mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, khi một Tỷ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải thoát thông qua trí-biết cuối cùng, thì điều này không còn xảy ra với người đó: (1) ‘Có người siêu hơn ta’, hay (2) ‘Có người bằng ta’, hay (3) ‘Có người kém ta.’”

Đây là điều thầy Khema đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi thầy Khema, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải

mình, và ra về.

Rồi, ngay sau khi thầy Khema đi khỏi, thầy Sumana đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải thoát thông qua trí-biết cuối cùng, thì điều này không còn xảy ra với người đó: (4) ‘Không có người siêu hơn ta’, hay (2) ‘Không có người bằng ta’, hay (3) ‘Không có người kém ta.’”

Đây là điều thầy Sumana đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi thầy Sumana, do nghĩ ‘Vị Thầy đồng ý với mình’ nên đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và ra về.¹¹⁸⁶

Rồi, ngay sau khi cả hai vị Tỳ kheo đó đi khỏi, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy những người hộ tộc tuyên bố trí-biết cuối cùng (của mình). Họ tuyên bố ý nghĩa nhưng không mang bản ngã của mình vào trong bức tranh.¹¹⁸⁷ Nhưng hình như có một số kẻ ngu ở đây lại tuyên bố trí-biết cuối cùng của mình như một trò đùa. Những người đó sẽ gặp phải thống khổ.”

Họ không [xếp bậc bản thân mình] là siêu hay kém,
Họ cũng không xếp mình là ngang bằng.¹¹⁸⁸
Sinh đã tận diệt, họ đã sống đời sống tâm linh;
Họ tiếp tục như vậy, hết bị những gông-cùm.

(I) “Này các Tỳ kheo, (1) khi không có sự kiểm-chế các giác quan [các căn cảm nhận], người thiếu sự kiểm-chế các giác quan là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi không có giới-hạnh, người thiếu giới-hạnh là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi không có chánh-định, người thiếu chánh-định là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi không có sự hiểu-biết và tầm-nhìn, người thiếu sự hiểu-biết và tầm-nhìn như vậy là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người thiếu sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Giả sử có một cây mà thiếu cành và lá, thì phần chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) một người không có sự kiểm-chế các giác quan, người thiếu sự kiểm-chế các giác quan là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh ... là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định ... là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là ... là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ ... là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

(II) “Này các Tỳ kheo, (1) khi có sự kiểm-chế các giác quan, người có được sự kiểm-chế các giác quan là (2) có nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi có giới-hạnh, người có được (thành tựu) giới-hạnh là (3) có nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi có chánh-định, người có được chánh-định là (4) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi có sự hiểu-biết và tầm-nhìn, người có được về sự hiểu-biết và tầm-nhìn như vậy là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê thích] và sự chán-bỏ. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ,

người có được sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (6) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Giả sử có một cây có đầy đủ cành và lá, thì phần chồi, vỏ, phần gỗ mềm, và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi có sự kiềm-chế các giác quan, người có được sự kiềm-chế các giác quan là (2) có nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh ... là (3) có nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định ... là (4) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi sự đúng như chúng thực là ... là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ ... là (6) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

51 (9) Ngài Ānanda

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào một Tỷ kheo (a) nghe được một giáo lý người đó chưa nghe trước đó, (b) không quên những giáo lý người đó đã nghe trước đó, (c) mang đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc,¹¹⁹⁰ và (d) hiểu được điều người đó chưa hiểu trước đó?”¹¹⁹¹

“Thầy Ānanda học hiểu nhiều. Vậy xin mời thầy hãy tự mình làm rõ vấn đề này luôn.

“Vậy, đạo hữu Xá-lợi-phất, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.”

“Được, này đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, (1) một Tỷ kheo học Giáo Pháp

theo những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. (2) Người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (3) Người đó làm cho người khác lặp lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe nó và học nó. (4) Người đó tụng đọc lại Giáo Pháp một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (5) Người đó suy xét, xem xét, và dùng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe nó và học nó. (6) Người đó nhập kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở một nơi an cư có những Tỷ kheo trưởng lão sống ở đó là những người học rộng, là những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), là những người thiện thảo về Giáo Pháp, những người thiện thảo về giới-luật, những người thiện thảo về những điều toát-yếu (đại-cương, của kinh điển). Rồi lúc này lúc khác (trong kỳ an cư), người đó đến gặp họ và vấn hỏi: ‘Thưa quý thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị trưởng lão đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về những chỗ (luận điểm) còn làm nghi ngờ. Nay đạo hữu Xá-lợi-phất, chính theo cách này (giúp cho) một Tỷ kheo nghe được một giáo lý người đó chưa nghe được trước đó, không quên những giáo lý người đó đã nghe được, mang tâm đến với những giáo lý đó mà người đó đã quen thuộc, và hiểu được điều người đó chưa hiểu được.”

“Nay đạo hữu, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời là cái cách mà điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Ānanda. Và chúng tôi coi thầy Ānanda là người có được sáu phẩm chất này: (1) Vì thầy Ānanda đã học hiểu Giáo Pháp bằng những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. (2) Thầy Ānanda chỉ dạy Giáo Pháp cho

những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (3) Thầy Ānanda làm cho người khác lặp lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe nó và học nó. (4) Thầy Ānanda tụng đọc lại Giáo Pháp một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (5) Thầy Ānanda suy xét, xem xét, và dùng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe nó và học nó. (6) Thầy Ānanda nhập kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở một nơi an cư có những Tỳ kheo trưởng lão sống ở đó là những người học rộng, là những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), là những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về những điều toát yếu (của kinh điển). Rồi lúc này lúc khác (trong kỳ an cư), thầy Ānanda đến gặp họ và vấn hỏi: ‘Thưa quý thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị trưởng lão đó sẽ khai mở cho thầy ấy những điều chưa được khai mở, làm rõ cho thầy ấy những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của thầy ấy về những chỗ (luận điểm) còn làm nghi ngờ.”

52 (10) *Người Giai Cấp Chiến-Sĩ*

Lúc đó bà-la-môn Jāṇussoṇī đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

(1) “Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của người giai cấp chiến-sĩ (khattiya)? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự (hỗ trợ, bận tâm) cái gì? Họ chủ định về (nhắm tới) cái gì? Mục tiêu rõ ràng (tốt bụng) của họ là cái gì?”¹¹⁹²

“Này bà-la-môn, những người giai cấp chiến-sĩ mục tiêu sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự quyền-lực; họ chủ định về lãnh-thổ; và mục tiêu rõ ràng của họ là sự thống-trị.”

(2) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những bà-la-môn? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì?

Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?”

“Này bà-la-môn, những bà-la-môn mục tiêu sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự những chú thuật Vệ-đà; họ chủ định về sự cúng-tế; và mục tiêu rốt ráo của họ là (được tái sinh lên) cõi trời brahmā (phạm thiên giới).”

(3) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những gia-chủ? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?”

“Này bà-la-môn, những gia-chủ mục tiêu sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự nghề-nghiệp của mình; họ chủ định về công-việc làm ăn; và mục tiêu rốt ráo của họ là hoàn thành công-việc làm ăn.”

(4) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những phụ-nữ? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?”

“Này bà-la-môn, những phụ-nữ mục tiêu sự giàu-có; họ tìm kiếm sự làm-đẹp (trang điểm); họ phụng sự (hỗ trợ) những con trai của họ; họ chủ định về sự không có đối-thủ (như thê thiếp của chồng...); và mục tiêu rốt ráo của họ là quyền-uy (như trong cung, trong nhà...).”

(5) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những kẻ-trộm? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?”

“Này bà-la-môn, những kẻ-trộm mục tiêu sự trộm-cướp; họ tìm kiếm những chỗ rậm rạp che núp; họ phụng sự nghề-nghiệp của họ;¹¹⁹³ họ chủ định những nơi tối tăm; và mục tiêu rốt ráo của họ là sự không bị nhìn thấy.”

(6) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những tu-sĩ? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?”

“Này bà-la-môn, những tu-sĩ mục tiêu sự kiên-nhẫn và hiền-từ; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng giới-hạnh; họ chủ định về sự ‘không-có-gì’;¹¹⁹⁴ và mục tiêu rốt ráo của họ là Niết-bàn.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm biết rõ mục-tiêu, sự tìm-kiếm, sự phụng-sự, chủ-định, và mục-tiêu rốt ráo của người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, những phụ-nữ, những kẻ-trộm, và những tu-sĩ.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [*tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên*] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy coi con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ nay cho đến cuối đời.”

53 (11) Sự Chuyên Chú

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, có thứ (pháp) gì, nếu được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, tốt lành trong kiếp này và tốt lành trong kiếp sau?”

“Có một thứ như vậy, này bà-la-môn.”

“Và đó là gì?”

“Đó là sự chuyên-chú (không phóng dật, không lơ tâm, không lơ tu).

(1) “Này bà-la-môn, chẳng hạn (như nguyên lý là) mọi dấu chân của muôn thú đều nằm lọt trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là bậc nhất về kích cỡ trong số đó; cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, tốt lành trong kiếp này và tốt lành trong kiếp sau.

(2) “Chẳng hạn như mọi thanh kèo của một ngôi nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái, ngã vào đỉnh mái, hội tụ về đỉnh mái, và đỉnh mái được tuyên bố là bậc nhất trong số đó; cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ ... có thể thành tựu cả hai sự tốt lành ...

(3) “Chẳng hạn như một người cắt lau sậy, sau khi cắt một bó cây sậy, túm lấy đầu của chúng, giữ mạnh phần gốc, giữ mạnh hai bên, và đập chúng; cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ ... có thể thành tựu cả hai sự tốt lành ...

(4) “Chẳng hạn như khi cắt lấy cuống một chùm xoài, thì tất cả những trái xoài trong chùm đều dính theo cuống đó; cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ ... có thể thành tựu cả hai sự tốt lành ...

(5) “Chẳng hạn như mọi hoàng tử con đều là những hạ thần của một vị vua quay chuyển bánh xe, và vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) đó là bậc nhất trong số họ; cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ ... có thể thành tựu cả hai sự tốt lành ...

(6) “Chẳng hạn như sự chiếu sáng của tất cả những sao trên trời không bằng $1/16$ sự chiếu sáng của mặt trăng, và sự chiếu sáng của mặt trăng được tuyên bố là bậc nhất trong số những tinh tú đó; cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ ... có thể thành tựu cả hai sự tốt lành ...

“Này bà-la-môn, đây là một thứ (pháp), nếu được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, tốt lành trong kiếp này và tốt lành trong kiếp sau.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy coi con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ nay cho đến cuối đời.”

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Vào dịp đó có Ngài Dhammika là Tỳ kheo cư trú trong huyện thị quê hương của mình, hay thường trú ở trong tất cả bảy tu viện trong huyện nhà của mình.¹¹⁹⁵ Ở đó, thầy Dhammika đã xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú, mắng chửi họ, làm hại họ, tấn công họ, và quát tháo họ, và những Tỳ kheo đó đã bỏ đi. Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tu viện.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với một đệ tử tại gia ở huyện nhà: “Chúng tôi đã phục vụ Tăng Đoàn các Tỳ kheo những y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh, nhưng những Tỳ kheo viếng trú đã bỏ đi. Họ không trú lại mà đi khỏi tu viện. Tại sao như vậy?”

(i) Rồi ý nghĩ này xảy đến với họ: “Thầy Dhammika này đã xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú, mắng chửi họ, làm hại họ, tấn công họ, và quát tháo họ, và những Tỳ kheo đó đã bỏ đi. Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tu viện. Chắc chúng ta nên tống tiễn thầy Dhammika khỏi tu viện.”

Rồi những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ thầy Dhammika và nói với thầy ấy: “Thưa thầy, mời thầy rời khỏi tu viện. Thầy đã trú ở đây đủ lâu rồi.”

Rồi thầy Dhammika bỏ đi đến ở một tu viện khác (thứ hai); rồi ở đó thầy ấy lại tiếp xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú, mắng chửi họ, làm hại họ, tấn công họ, và quát tháo họ, và những Tỳ kheo đó đã bỏ đi. Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tu viện. (ii) Rồi ý nghĩ này lại xảy đến với những đệ tử tại gia ở huyện nhà ... [Tiếp tục diễn ra như đoạn trên, đến chỗ họ đến gặp thầy Dhammika và mời thầy ấy đi khỏi:] “Thưa thầy, mời thầy đi khỏi tu viện. Thầy đã trú ở đây đủ lâu rồi.”

Rồi thầy Dhammika bỏ đi đến ở một tu viện khác (thứ ba); rồi ở đó thầy ấy lại tiếp xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú ... Họ không

trú lại, bỏ đi khỏi tu viện.

(iii) Rồi ý nghĩ này lại xảy đến với những đệ tử tại gia ở huyện nhà: “Thầy Dhammika này đã xúc phạm những Tỷ kheo đến viếng trú ... Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tu viện. Chắc chúng ta nên tống tiễn thầy Dhammika khỏi cả bảy tu viện ở huyện nhà.”

Rồi những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ thầy Dhammika và nói với thầy ấy: “Thưa thầy, mời thầy đi khỏi cả bảy tu viện ở huyện nhà.”

Rồi thầy Dhammika nghĩ rằng: “Ta đã bị tống khứ bởi những đệ tử tại gia khỏi tất cả bảy tu viện ở huyện nhà. Giờ ta phải đi đâu?” Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy ấy: “VẬY ta đến gặp đức Thế Tôn.”

Rồi thầy Dhammika mang theo bình bát và cà sa và đi đến Rājagaha. Đi dần dần sau nhiều chặng thầy ấy cũng đến được Rājagaha, và rồi thầy ấy đi lên Đỉnh Núi Kền Kền, ở đó thầy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã hỏi thầy ấy:

“Từ đâu thầy đến đây, này Bà-la-môn Dhammika?”¹¹⁹⁶

“Thưa Thế Tôn, những đệ tử tại gia ở huyện nhà của con đã tống khứ con khỏi tất cả bảy tu viện ở đó.”

“Đủ rồi, này Bà-la-môn Dhammika! Giờ thầy đã đến chỗ ta, tại sao lo lắng việc thầy đã bị tẩy chay khỏi những chỗ đó? Này Bà-la-môn Dhammika, trong quá khứ có một số nhà buôn đường biển đã giồng thuyền ra khơi, mang theo một con chim chỉ địa. Khi nào con thuyền vẫn chưa đến chỗ có thể nhìn đất liền, họ thả con chim ra. Nó lập tức bay phía đông, phía tây, phía bắc, phía nam, bay lên, bay tứ hướng. Nếu nó nhìn thấy đất liền ở đâu, nó bay thẳng tới đó. Nhưng nếu nó không thấy đất liền, nó bay trở lại thuyền. Theo cách giống vậy, khi thầy đã bị tống khứ khỏi những nơi đó, thầy đã tới chỗ ta.”

“Này Bà-la-môn Dhammika, trong quá khứ Vua Koravya có một

cây đa đề [banyan] hoàng gia tên là cây “Khéo Trồng”, nó có năm cành thân, có bóng mát dịu, và đẹp mắt. Tán của nó trải rộng tới mười hai do-tuần (dặm Ấn); hệ rễ của nó trải rộng năm do-tuần. Những trái quả của nó to bằng nồi nấu ăn và ngọt như mật ong nguyên chất. Nhà vua và những cung phi của ông dùng trái cây của một cành, quân đội dùng một cành khác, dân thị thành và dân quê dùng một cành khác, những tu sĩ và bà-la-môn dùng một cành khác, và những con thú và chim chóc ăn một cành khác. Chẳng ai cần canh giữ cành trái cây của mình, cũng không ai lấy trái cây ở cành của người khác.

“Rồi, Bà-la-môn Dhammika, có một người đến hái ăn nhiều trái tới mức no tràn, ăn xong bẻ gãy cành, rồi bỏ đi. Ý nghĩ này đã xảy đến với một vị thiên thần đang sống trên cây đó: ‘Thật đáng ngạc nhiên và lạ lùng, con người này xấu xa tới mức nào! Ông ta hái ăn nhiều trái cây tới mức no tràn, rồi bẻ gãy cành, và bỏ đi! Mình thấy chuyện này sẽ khiến sau này cây đa đề sẽ không ra trái nữa.’ Rồi sau đó cây đa đề đó không ra trái nữa. Sau đó, Vua Koravya đã đến gặp vua trời Đế-thích [Sakka], người trị vì những thiên thần, và thưa với vị trời: ‘Xin ngài lắng nghe, thưa đức trời được tôn kính, ngài nên được biết rằng cây đa đề hoàng gia không còn ra trái nữa.’

“Rồi vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm xảy ra một trận mưa bão lớn kéo đến đó, cuốn xoáy¹¹⁹⁷ và búng gốc cây đa đề.

“Rồi, này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên thần đã sống trên cây đó đứng qua một bên, buồn rầu và khổ sở, khóc đầy nước mắt. Vua trời Đế-thích đến gặp thiên thần đó và nói: ‘Này tiên, tại sao tiên lại đứng một bên, buồn rầu và khổ sở, khóc đầy nước mắt như vậy?’ – ‘Thưa Trời, là bởi do một trận mưa bão lớn đã đến, cuốn xoáy và búng gốc chỗ-ở của con.’ – ‘Nhưng, này tiên, tiên có làm theo phận sự của một cây trồng khi trận mưa bão lớn đến, cuốn xoáy và búng gốc chỗ-ở của tiên, hay không?’ – ‘Nhưng, thưa Trời, theo cách nào là một cây trồng

làm theo phận sự của một cây trồng?’ – ‘Ở đây, này tiên, những ai cần rễ thì lấy rễ; những ai cần vỏ cây thì lấy vỏ cây; những ai cần lá thì lấy lá cây; những ai cần hoa thì lấy hoa; và những ai cần trái thì lấy trái. Vì có điều như vậy tiên không cần phải khó chịu hay bất mãn. Đó là cách một cây trồng làm theo phận sự của một cây trồng’ (tức không sân không ưu với điều vốn thường xảy ra) – ‘Thưa Trời, con đã không làm theo phận sự của một cây trồng khi có trận mưa bão lớn đến, cuốn xoáy và bứng gốc chỗ-ở của con.’ – ‘Này tiên, nếu tiên muốn làm theo phận sự của một cây trồng, thì chỗ-ở của tiên có thể được hoàn phục trở lại như trước đây.’ – ‘Thưa Trời, con sẽ làm theo phận sự của một cây trồng. Mong sao chỗ-ở của con được trở lại như trước.’

“Rồi, này Bà-la-môn Dhammika, vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã làm một chiêu thức thần thông làm một trận mưa bão lớn đến, dựng đứng lại cây đa đề hoàng gia và rễ cây được bọc vỏ rễ trở lại.¹¹⁹⁸ Cũng giống như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, thầy có làm theo phận sự của một tu sĩ [sa-môn] khi những đệ tử tại gia ở huyện nhà đã tống khứ thầy khỏi tất cả bảy tu viện ở đó, hay không?”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào là một tu sĩ làm theo phận sự của một tu sĩ?”

“Ở đây, này Bà-la-môn Dhammika, một sa-môn thì không sỉ nhục (lại) người sỉ nhục mình, không mắng chửi người mắng chửi mình, và không tranh cãi với người tranh cãi mình. Đó là cách một tu sĩ làm theo phận sự của một tu sĩ.”

“Thưa Thế Tôn, con đã không làm theo phận sự của một tu sĩ khi những đệ tử tại gia ở huyện nhà đã tống khứ con khỏi tất cả bảy tu viện ở đó.”

(1) “Này Bà-la-môn Dhammika, trong quá khứ có một vị thầy tên là Sunetta (Diệu Nhân), là người sáng lập một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc (những khoái-lạc giác-quan). Vị

thầy Sunetta có nhiều trăm đệ tử. Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ được cộng sinh cộng trú với cõi trời.¹¹⁹⁹ Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

(2) “Trong quá khứ có một vị thầy tên là Mūgapakkha ... (3) ... có một vị thầy tên là Aranemi ... (4) ... có một vị thầy tên là Kuddālaka ... (5) ... có một vị thầy tên là Hatthipāla ... (6) ... có một vị thầy tên là Jotipāla, là người sáng lập một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc. Vị thầy Jotipāla có nhiều trăm đệ tử. Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này Bà-la-môn Dhammika, ông nghĩ sao? Có sáu vị thầy là những người sáng lập những giáo phái tâm linh, là những người không còn tham muốn dục-lạc, họ có nhiều trăm đệ tử. Nếu một người nào, với một cái tâm thù-ghét, si nhục và mắng chửi họ và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó không tạo được chút phước đức nào phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Nếu một người, với một cái tâm thù-ghét, đã si nhục và mắng chửi sáu vị thầy và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó đã tạo nhiều thất-phước. Nhưng nếu, một người, với một cái tâm thù-ghét, chỉ cần si nhục và mắng chửi một người nào đã thành tựu về chánh-kiến,¹²⁰⁰ thì người đó còn tạo rất nhiều thất-phước hơn nữa. Vì lý do gì? Này Bà-

la-môn Dhammika, ta nói rằng, không có sự tổn thương nào¹²⁰¹ đối với những người ngoài (ngoại đạo)¹²⁰² cho bằng (sự tổn thương) đối với những tu sĩ đồng đạo (của thầy). Bởi vậy, này Bà-la-môn Dhammika, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta không để sân hận khởi sinh trong tâm mình đối với những sa-môn đồng đạo.’¹²⁰³ Này Bà-la-môn Dhammika, thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.”

Sunetta, Mūgapakkha
Bà-la-môn Aranemi,
Kuddālaka, và Hatthipāla thanh niên bà-la-môn,
Là những vị thầy.

Và Jotipāla [được biết với tên] là Govinda
Quan chân tể của bảy [vị vua]:
Họ là những bậc vô hại,
Sáu vị thầy đều có được danh tiếng.

Không hư bại, được giải thoát bằng tâm bi-mẫn,
Họ đã vượt thoát khỏi gông-cùm dục-lạc.
Sau khi đã hết nhục-dục,
Họ được tái sinh trên cõi trời brahmā.

Họ có hàng trăm đệ tử,
Cũng không hư bại, được giải thoát bằng tâm bi-mẫn,
Đã vượt thoát khỏi gông-cùm dục-lạc.
Sau khi đã hết nhục-dục,
Họ cũng được tái sinh trên cõi trời brahmā.

Người có những ý nghĩ thù ghét,
Mắng chửi những bậc nhìn-thấy ngoài đạo,
Là những bậc đã không còn tham-dục,
[Là những bậc có tâm] đã đạt định,
Là đã tạo ra nhiều thất-phước!

Nhưng cái người có ý nghĩ thù ghét,
Mắng chửi một đệ tử của Phật,
Là một Tỳ kheo đã thành tựu chánh-kiến,
Thì càng tạo rất nhiều thất-phước hơn nữa!

Không ai nên tấn công một người thánh thiện,
Là người đã dẹp bỏ những tà-kiến này nọ (bậc Nhập-lưu)
Người đó được gọi là bậc thánh thứ bảy,
Trong Tăng đoàn những bậc thánh,
Là người tiêu diệt tham-dục,
Cho dù năm căn vẫn còn yếu:
Là tín, niệm, tấn, định, tuệ.

Nếu ai tấn công một Tỳ kheo,
Thì người đó đã tự làm hại mình,
Sau khi đã làm hại bản thân,
Rồi gây hại người khác.

Khi một người biết phòng hộ bản thân,
Tức là người khác cũng được phòng hộ.
Vì vậy người nên biết phòng hộ mình,
Thì bậc hiền trí không bao giờ bị tổn thương.

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

NHÓM LỚN

55 (1) Ngài Soṇa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào dịp đó Ngài Soṇa cũng đang ở Rājagaha trong khu Rừng Mát.¹²⁰⁴ Rồi, trong khi thầy Soṇa ở một mình trong chỗ ẩn cư, dòng ý nghĩ sau đây đã khởi lên trong tâm thầy ấy:

“Mình là một trong những đệ tử nỗ-lực (tinh tấn) nhất của đức Thế Tôn, nhưng tâm mình vẫn chưa được giải thoát khỏi ô-nhiễm bằng sự không-còn dính-chấp. Giờ trong nhà mình có nhiều của cải, và mình có khả năng vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm việc công đức. Hay mình bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, như vậy mình có thể thụ hưởng sự giàu có và làm việc công đức.”

Rồi, sau khi biết được loạt ý nghĩ trong tâm của thầy Soṇa, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn biến mất khỏi Đỉnh Núi Kền Kền và hiện ra ở khu Rừng Mát ngay trước mặt thầy Soṇa. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi mới được dọn sẵn cho mình. Thầy Soṇa kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy:

“Này Soṇa, khi thầy đang ở một mình trong chỗ ẩn cư, có phải loạt ý nghĩ này đã khởi lên trong tâm thầy hay không: ‘Mình là một

trong những đệ tử nỗ-lực (tinh tấn) nhất của đức Thế Tôn, nhưng tâm mình vẫn chưa được giải thoát khỏi ô-nhiễm bằng sự không-còn dính chấp. Giờ trong nhà mình có nhiều của cải, và mình có khả năng vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm việc công đức. Hay mình bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, như vậy mình có thể thụ hưởng sự giàu có và làm việc công đức’?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Soṇa, hãy nói ta nghe, trước kia khi thầy còn sống ở nhà, thầy có giỏi chơi đàn tỳ-bà không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Soṇa, thầy nghĩ sao? Khi dây đàn quá căng, cây đàn có kêu tiếng hay và dễ chơi hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Khi dây đàn quá lỏng, cây đàn có kêu tiếng hay và dễ chơi hay không?”

“Cũng không, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng, này Soṇa, khi dây đàn không quá căng và không quá lỏng mà được chỉnh ở bậc cân bằng, cây đàn có kêu tiếng hay và dễ chơi hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này Soṇa, nếu sự nỗ-lực được phát khởi một cách quá cố ép thì sẽ dẫn tới sự bất-an, và nếu sự nỗ-lực quá loi lỏng thì dẫn đến sự lười-biếng. Do vậy, này Soṇa, hãy chọn ra một mức cân bằng của sự nỗ-lực, đạt được sự cân đối của các căn tâm linh, và chọn lấy đối-tượng ngay đó.”¹²⁰⁵

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Soṇa đáp lại.

Sau khi đức Thế Tôn đã ban cho thầy Soṇa sự khởi xướng (giáo

giới) như vậy, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn biến mất khỏi khu Rừng Mát và hiện ra lại trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, một thời gian sau, thầy Soṇa đã chọn ra một mức cân bằng của sự nỗ-lực, đạt được sự cân đối của các căn tâm linh, và chọn lấy đối-tượng ngay đó. Rồi, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, không bao lâu sau đó thầy Soṇa, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, thầy ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy trực tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.” Và thầy Soṇa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

Sau khi đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, thầy nghĩ: “Vậy mình sẽ đến gặp đức Thế Tôn và tuyên bố về trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn.” Rồi thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải thoát thông qua trí-biết cuối cùng, người đó ý định (nhắm tới, chí hướng) tới sáu điều: sự từ-bỏ, sự tách-ly (thoát ly), sự không đau-đớn, sự tiêu diệt dục-vọng (diệt dục), sự phá bỏ dính-chấp (phá chấp), và sự không ngu-si (vô si).¹²⁰⁶

(1) “Thưa Thế Tôn, có thể có quý thầy ở đây nghĩ rằng: ‘Có thể do vị này chỉ dựa vào niềm-tin mà chí hướng tới sự từ-bỏ?’ Nhưng quý thầy không nên nghĩ như vậy. Một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), đã sống đời sống tâm linh và làm xong trách nhiệm, thì không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong.¹²⁰⁷ Người đó chí hướng tới sự từ-bỏ là vì người đó

không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục; là vì người đó không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận; là vì người đó không còn si nhờ đã phá bỏ si-mê.

(2) “Có thể có quý thầy ở đây nghĩ rằng: ‘Có thể do vị này chỉ khao khát lợi, vinh, danh mà chỉ hướng tới *sự sống tách-ly*?’ Nhưng quý thầy không nên nghĩ như vậy. Một Tỷ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ... Người đó chỉ hướng tới sự tách-ly là vì người đó không còn tham nhờ phá bỏ tham-dục ... không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận ... không còn si đã phá bỏ si-mê.

(3) Có thể có quý thầy ở đây nghĩ rằng: ‘Có thể do vị này đã từng rớt vào sự chấp nhậm những lễ nghi và giới cấm mê tín (giới cấm thủ) nên mới chú hướng tới *sự không đau-đón*?’¹²⁰⁸ Nhưng quý thầy không nên nghĩ như vậy. Một Tỷ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ... Người đó chỉ hướng tới sự không đau-đón là vì người đó không còn tham nhờ phá bỏ tham-dục ... không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận ... không còn si đã phá bỏ si-mê.

(4) “ ... Người đó chỉ hướng tới *sự tiêu diệt dục-vọng* là vì người đó không còn tham nhờ phá bỏ tham-dục ... không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận ... không còn si đã phá bỏ si-mê.”¹²⁰⁹

(5) “ ... Người đó chỉ hướng tới *sự tiêu diệt dính-chấp* là vì người đó không còn tham nhờ phá bỏ tham-dục ... không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận ... không còn si đã phá bỏ si-mê.

(6) “ ... Người đó chỉ hướng tới *sự không ngu-si* là vì người đó không còn tham nhờ phá bỏ tham-dục ... không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận ... không còn si đã phá bỏ si-mê.

“Thưa Thế Tôn, khi một Tỷ kheo được giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy, thì ngay cả những hình-sắc mạnh (khó cưỡng, hấp dẫn, tác động mạnh) được nhận biết bởi mắt có đi vào tầm của mắt, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm người đó

không bị tác động gì cả. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất lay động, và người đó chỉ quan sát sự biến-quá của nó.¹²¹⁰ Ngay cả những âm-thanh mạnh được nhận biết bởi tâm ... những mùi-hương mạnh được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị mạnh được nhận biết bởi lưỡi ... những sự những đối-tượng chạm xúc mạnh được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng mạnh được nhận biết bởi tâm có đi vào tâm của tâm, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm của người đó không bị tác động gì cả. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt sự bất lay động, và người đó chỉ quan sát sự biến-quá của nó.

“Thưa Thế Tôn, giả sử có một núi đá không có đường nứt hay khe hở nào, là một khối đá liền. Nếu một trận mưa bão mạnh đến từ đông thì cũng không thể làm nó lay, lắc, hay động đập gì cả; nếu một trận mưa bão đến từ tây .. nam ... bắc thì cũng không thể làm nó lay, lắc, hay động đập gì cả. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo đã được giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy, thì ngay cả những hình-sắc mạnh được nhận biết bởi mắt có đi vào tâm của mắt ... ngay cả những hiện-tượng mạnh được nhận biết bởi tâm có đi vào tâm của tâm, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm người đó không bị tác động gì cả. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt sự bất lay động, và người đó chỉ quan sát sự biến-quá của nó.”

Nếu ai chí hướng tới sự từ-bỏ,
 Và sự tách-ly của tâm;
 Nếu ai chí hướng tới sự không đau-đón,
 Và sự phá bỏ dính-chấp;
 Nếu ai chí hướng tới sự tiêu diệt dục-vọng,
 Và sự ngu-si của tâm:
 Thì khi nhìn thấy sự khởi-sinh của các cơ-sở cảm nhận (căn xú),
 Tâm của người đó được giải thoát hoàn toàn.

Đối với một Tỳ kheo có tâm bình-an,

Là người đã giải thoát hoàn toàn,
Thì không còn điều gì nữa để làm,
Cũng không [cần phải] làm thêm điều đã làm xong.

Giống một núi đá, một núi đã liền,
Thì không bị lay động bởi gió.
Cũng giống như vậy, những hình-sắc,
Những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị,
Những những đối-tượng chạm xúc, và những hiện-tượng,
Dù là rất đáng thích hay rất đáng chê,
Cũng không khuấy động được cái tâm của bậc vững-chãi.
Tâm bậc ấy vững-vàng và được tự-do (tự tại),
Và người ấy chỉ quan sát sự biến-quá của nó.

56 (2) Ngài Phagguṇa

Trong một lần vào lúc đó có Ngài Phagguṇa bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Rồi Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thầy Phagguṇa bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Vậy kính mong đức Thế Tôn đến thăm thầy ấy vì lòng bi mẫn.”
Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến chỗ thầy Phagguṇa. Thầy Phagguṇa nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa liền cử động (trở mình, xoay người) trên giường. Đức Thế Tôn đến nói với thầy ấy:

“Đủ rồi, này Phagguṇa, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi. Ta sẽ ngồi xuống đây.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với thầy Vakkali:

“Này Phagguṇa, ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, được mau thấy.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ.

“Giống như có một lực sĩ dùng kiếm bén chẻ cái đầu con ra vậy, như có những luồng gió bạo cắt xuyên qua đầu con vậy. Con đang không chịu đựng nổi.... Giống như có một lực sĩ siết chặt đầu con bằng một đai da cứng, như có những cơn đau dữ dội trong đầu con. Con đang không chịu đựng nổi.... Giống như có người bán thịt rành nghề hay người phụ việc của ông ta dùng dao bén mổ thịt rọc đứt bụng con bò, như có những luồng gió bạo rọc đứt bụng con vậy. Con đang không chịu đựng nổi.... Giống như có hai lực sĩ dùng cả hai tay nắm chặt một người yếu ớt và nướng người đó trên hồ than đang cháy, như có sự cháy thiêu trong bụng con vậy. Con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ.”¹²¹¹

Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ thầy Phagguṇa bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp; rồi sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Phagguṇa đã chết. Vào lúc chết, các căn của thầy ấy đều tĩnh lặng.

Rồi thầy Ānanda đến đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, không lâu sau khi Thế Tôn ra về thầy Phagguṇa

đã chết. Vào lúc chết, các căn của thầy ấy đều tĩnh lặng.”

“Này Ānanda, tại sao các căn của Tỳ kheo Phaggaṇa đều tĩnh lặng? Mặc dù tâm của thầy chưa được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên; hạ phần kiết sử), nhưng khi thầy ấy nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm của thầy ấy đã được giải thoát khỏi chúng.¹²¹²

“Này Ānanda, có sáu ích lợi của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp và việc xem xét ý nghĩa vào lúc thích hợp.¹²¹³ Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo chưa được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô, nhưng vào lúc chết người đó gặp được Như Lai. Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; Như Lai cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Đây là ích lợi thứ nhất của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp.

(2) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo chưa được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, nhưng người đó gặp một vị đệ tử của Như Lai. Vị đệ tử của Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp ... cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Đây là ích lợi thứ hai của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp.

(3) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo chưa được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, cũng không gặp được một vị đệ tử của Như Lai, nhưng người đó suy xét, xem xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe và đã học nó. Khi người đó làm như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Đây là ích lợi thứ ba của việc lắng nghe Giáo

Pháp vào lúc thích hợp.

(4) “Ở đây, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo đã được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô nhưng chưa được giải thoát trong sự tuyệt-dứt vô thượng của mọi sự chấp-thủ.¹²¹⁴ Vào lúc chết người đó gặp được Như Lai. Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp ... cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Đây là ích lợi thứ tư của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp.

(5) “Lại nữa, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo đã được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô nhưng chưa được giải thoát trong sự tuyệt-dứt vô thượng của mọi sự chấp-thủ. Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, nhưng người đó gặp một vị đệ tử của Như Lai. Vị đệ tử của Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp ... cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Đây là ích lợi thứ năm của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp.

(6) “Lại nữa, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo đã được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô nhưng chưa được giải thoát trong sự tuyệt-dứt vô thượng của mọi sự chấp-thủ. Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, cũng không gặp được một vị đệ tử của Như Lai, nhưng người đó suy xét, xem xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe và đã học nó. Khi người đó làm như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm nhẹ đô. Đây là ích lợi thứ hai của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp.

“Này Ānanda, đây là sáu ích lợi của việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp và việc xem xét ý nghĩa vào lúc thích hợp.”

57 (3) Sáu Giai Cấp

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa đã mô tả sáu loại (tái sinh, sinh thành):¹²¹⁵ loại đen, loại xanh, loại đỏ, loại vàng, loại trắng, và loại siêu trắng.

“Ông ta mô tả loại đen là những người giết bán thịt cừu, heo, gia cầm (gà, vịt, chim...), và nai; những người săn bắn và đánh bắt cá; những kẻ trộm cướp, những người đao phủ hành quyết, và những cai ngục; hay những người làm những nghề tàn ác.

“Ông ta mô tả loại xanh là những Tỳ kheo sống trên gai nhọn¹²¹⁶ hay những người chủ trương thuyết nghiệp, thuyết nghiệp quả.

“Ông ta mô tả loại đỏ là những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha).

“Ông ta mô tả loại vàng là những người tại gia mặc áo trắng là đệ tử của những khổ sĩ lừa thế.

“Ông ta mô tả loại trắng là những tu sĩ Ājīvaka nam và nữ.

“Ông ta mô tả loại siêu trắng là ông Nanda Vaccha, Kisa Saṅkicca, và Makkhali Gosāla.

“Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa đã mô tả sáu loại như vậy.”

“Nhưng này Ānanda, bộ cả thế gian này giao quyền (chấp thuận) cho ông Pūraṇa Kassapa mô tả sáu loại như vậy sao?”

“Chắc chắc không, thưa Thế Tôn.”

“Này Ānanda, giả sử có một người nghèo, nghèo khó, bần cùng. Người ta cứ ép đưa cho anh ta một miếng thịt và bắt: ‘Này ông bạn, ông phải mua miếng thịt này ăn và trả tiền.’ Theo cách tương tự, không có sự đồng ý của những tu sĩ và bà-la-môn, ông Pūraṇa Kassapa đã mô tả

sáu loại như vậy một cách ngu xuẩn, bất tài, không chuyên môn, và không thiện khéo. Nhưng, này Ānanda, ta mô tả về sáu loại [khác]. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Venerable Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này Ānanda, cái gì là sáu loại? (1) Ở đây, có người thuộc loại đen sản sinh một trạng thái đen. (2) Có người thuộc loại đen sản sinh một trạng thái trắng. (3) Có người thuộc loại đen sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. (4) Rồi, có người thuộc loại trắng sản sinh một trạng thái đen. (5) Có người thuộc loại trắng sản sinh một trạng thái trắng. (6) Có người thuộc loại trắng sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng.

(1) “Và, này Ānanda, theo cách nào người thuộc loại đen sản sinh một trạng thái (cảnh giới) đen? Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp kém—như một gia đình của người hạ tiện (*caṇḍāla*, chiên-đà-la, nô lệ), gia đình thợ đan tre, thợ săn bắn, thợ đóng xe ngựa, hay người hốt rác—gia đình thì nghèo khổ, thiếu ăn thiếu uống, khó có được thức ăn và quần áo, bươn sống vất vả; và người đó thô鄙, xấu xí, lùn tùn, nhiều bệnh tật như bệnh tật như mắt mù, bị què, bị gù vẹo, bị hay liệt. Người đó còn không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; nói chi tới vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; nói chi tới giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng.¹²¹⁷ Và, người đó còn hành xử sai trái trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người thuộc loại đen sản sinh một trạng thái đen.¹²¹⁸

(2) “Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc loại đen sản sinh một trạng thái trắng? Ở đây có người được sinh ra trong một gia đình thấp kém ... (*mô tả người nghèo thấp như đoạn kể trên*).

Nhưng, người đó hành xử đúng đắn trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người thuộc loại đen sản sinh một trạng thái trắng.¹²¹⁹

(3) “Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc loại đen sản sinh niết-bàn, là một trạng thái không đen cũng không trắng? Ở đây có người được sinh ra trong một gia đình thấp kém ... (*mô tả người nghèo thấp như đoạn kể trên*). Rồi, sau khi người đó cạo bỏ râu tóc, mặc khoát y cà sa màu vàng úa và từ giã đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia như vậy, người đó dẹp bỏ năm chướng-ngại, những ô-nhiễm của tâm, những điều (phẩm chất) làm suy yếu trí-tuệ; và rồi, với tâm mình đã được thiết lập một cách thiện khéo trong bốn nền-tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), người đó tu tập một cách đúng đắn bảy yếu-tố trợ giúp giác-ngộ (thất giác chi) và sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. Theo cách như vậy là một người thuộc loại đen sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng.

(4) “Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc loại trắng sản sinh một trạng thái đen? Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý—như một gia đình giàu có của người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), gia đình giàu có của bà-la-môn, hay gia đình giàu có của một gia chủ—gia đình thì giàu có, với nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều báu vật và tư trang, nhiều của cải và lúa gạo; và người đó thì đẹp trai, hấp dẫn, duyên dáng, có làn da đẹp bậc nhất. Người đó có được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng. Nhưng, người đó hành xử sai trái trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người thuộc loại trắng sản sinh một trạng thái đen.¹²²⁰

(5) “Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc loại trắng sản sinh một trạng thái trắng? Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý ... (*mô tả người giàu cao như đoạn kể trên*). Và, người đó hành xử đúng đắn trong hành động, lời nói, và tâm ý (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người thuộc loại trắng sản sinh một trạng thái trắng.¹²²¹

(6) “Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc loại trắng sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng? Ở đây có người được sinh ra trong một gia đình cao quý ... (*mô tả người giàu cao như đoạn kể trên*). Rồi, sau khi người đó cạo bỏ râu tóc, mặc khoát y cà sa màu vàng úa và từ giã đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia như vậy, người đó dẹp bỏ năm chướng-ngại, những ô-nhiễm của tâm, những điều (phẩm chất) làm suy yếu trí-tuệ; và rồi, với tâm mình đã được thiết lập một cách thiện khéo trong bốn nền-tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), người đó tu tập một cách đúng đắn bảy yếu-tố trợ giúp giác-ngộ (thất giác chi) và sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. Theo cách như vậy là một người thuộc loại trắng sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng.

“Này Ānanda, đây là sáu loại.”

58 (4) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Sáu đó là gì? Ở đây, bằng cách kiềm-chế một Tỳ kheo đã dẹp bỏ những ô-nhiễm (cần, nên, sẽ) được dẹp bỏ bằng cách kiềm-chế; bằng cách sử-dụng người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm được dẹp

bỏ bằng cách sử-dụng; bằng cách kiên-nhẫn chịu-đựng người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách kiên-nhẫn chịu-đựng; bằng cách tránh-né người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách tránh-né; bằng cách xua-tan người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách xua-tan; và bằng cách tu-dưỡng người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách tu-tập.¹²²²

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những ô-nhiễm (cần, nên, sẽ) được dẹp bỏ *bằng cách kiểm-chế*? Ở đây, sau khi quán xét (suy xét, quán chiếu) một cách kỹ-càng (như lý quán chiếu), một Tỳ kheo sống kiểm chế căn-mắt (nhãn căn). Những ô-nhiễm, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người sống không kiểm chế căn-mắt thì không khởi sinh trong người sống biết kiểm chế căn-mắt.

“Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỳ kheo sống kiểm chế căn-tai ... căn-mũi ... căn-lưỡi ... căn-thân ... căn-tâm. Những ô-nhiễm, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người sống không kiểm chế căn-tai ... căn-tâm thì không khởi sinh trong người sống biết kiểm chế căn-tai ... căn-tâm.

- “Những ô-nhiễm đó, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người sống không kiểm chế [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết kiểm chế.¹²²³ Đây được gọi là những ô-nhiễm (cần, nên, sẽ) được dẹp bỏ bởi sự kiểm-chế đã được dẹp bỏ bởi sự kiểm-chế.

(2) “Và cái gì là những ô-nhiễm được dẹp bỏ *bằng cách sử-dụng* đã được dẹp bỏ bằng cách sử-dụng? Ở đây, sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỳ kheo (i) sử dụng y-áo là chỉ (vì mục đích) để che thân khỏi cái lạnh; che thân khỏi cái nóng; che thân khỏi ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; và để che đậy những phần thân thể nhạy cảm....

“Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỳ kheo (ii) sử dụng *thức-ăn* khát thực được không phải vì sự khoái thích thức ăn, không

phải vì sự ham ăn ham uống mà làm độc hại cơ thể, không phải ăn để có sắc đẹp hay để làm đẹp thân thể—mà chỉ để giúp duy trì cơ thể được sống, khỏi bị nguy hại, và để trợ giúp đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cảm-giác (khổ sở, đói khát) đã có trước đó, và không tạo ra cảm giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không tội lỗi (vì khoái thích ăn uống), và sống được thư thái.’....

“Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỳ kheo (iii) sử dụng *chỗ-ở* là chỉ để che thân khỏi cái lạnh, che thân khỏi cái nóng, che thân khỏi ruồi muỗi, khỏi gió, khỏi nắng, và khỏi những côn trùng, bò sát ; và để tránh những rủi ro thời tiết biến đổi của các mùa, và dùng làm nơi ẩn dật để tu hành....

“Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỳ kheo (iv) sử dụng *thuốc-thang* và *những chu-cấp cho người bệnh* là chỉ để phòng tránh những cảm-giác hành đau đã khởi sinh và để duy trì sức khỏe.

- “Những ô-nhiễm đó, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không sử dụng (đúng đắn) [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết sử dụng (đúng đắn). Đây được gọi là những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách sử-dụng đã được dẹp bỏ bằng cách sử-dụng.

(3) “Và cái gì là những ô-nhiễm được dẹp bỏ *bằng cách kiên-nhẫn chịu-đựng*? Ở đây, sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; chịu đựng những lời nói thô tục và nhục mạ; người đó chịu nổi những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân.

- “Những ô-nhiễm đó, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không kiên nhẫn chịu đựng [những thứ đó] thì không

khởi sinh trong người sống biết kiên nhẫn chịu đựng. Đây được gọi là những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách kiên-nhẫn chịu-đựng đã được dẹp bỏ bằng cách kiên-nhẫn chịu-đựng.

(4) “Và cái gì là những ô-nhiễm được dẹp bỏ *bằng cách tránh-né*? Ở đây, sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỷ kheo tránh né voi dữ, ngựa hoang, bò hoang, và chó hoang; người đó tránh né rắn rít, gốc cây, gai nhọn, hầm hố, vực núi sâu, bãi rác rưởi, hầm chứa phân. Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, người đó tránh ngồi những chỗ ngồi không thích hợp, và tránh đi khát thực ở những khu không thích hợp, và tránh giao lưu với bạn xấu mà những Tỷ kheo đồng đạo hiền trí có nghi ngờ những người đó có làm những nghiệp xấu ác.

- “Những ô-nhiễm đó, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không tránh né [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết tránh né. Đây được gọi là những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách tránh-né đã được dẹp bỏ bằng cách tránh-né.

(5) “Và cái gì là những ô-nhiễm được dẹp bỏ *bằng cách xua-tan*? Ở đây, sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỷ kheo không dung dưỡng ý nghĩ nhục-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... những trạng thái bất thiện xấu ác khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng.

- “Những ô-nhiễm đó, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không xua tan [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết xua tan. Đây được gọi là những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách tránh-né đã được dẹp bỏ bằng cách tránh-né.

(6) “Và cái gì là những ô-nhiễm được dẹp bỏ *bằng cách tu-tập*? Ở đây, sau khi quán xét một cách kỹ-càng, một Tỷ kheo tu tập yếu-tố (giúp) giác-ngộ là *chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly,

sự chán-bỏ, sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Sau khi quán xét một cách kỹ-càng, người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự *phân-giải những hiện-tượng* (trạch pháp) ... yếu-tố giác-ngộ là sự *nỗ-lực* (tinh tấn) ... yếu-tố giác-ngộ là sự *hoan-hỷ* ... yếu-tố giác-ngộ là sự *chánh-định* ... yếu-tố giác-ngộ là sự *buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

- “Những ô-nhiễm đó, là khổ đau và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không tu tập [những thứ (yếu-tố giác-ngộ) đó] thì không khởi sinh trong người sống biết tu tập. Đây được gọi là những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách tu-tập đã được dẹp bỏ bằng cách tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

59 (5) *Dārukammika*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Nāḍika trong hội trường gạch. Lúc đó có gia chủ tên là Dārukammika (người buôn củi)¹²²⁴ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Gia đình chú có cho tặng quà cáp hay không, này gia chủ?”

“Thưa Thế Tôn, gia đình con có cho tặng quà cáp. Và những món quà được cúng tặng cho những Tỳ kheo là những A-la-hán hay đang trên đường (thánh đạo) đạt tới thánh quả A-la-hán, đó là những người sống tu trong rừng, những người đi khát thực thức ăn, và những người mặc y áo được làm từ giẻ rách.”¹²²⁵

“Này gia chủ, vì chú là một người tại gia đang thụ hưởng những dục-lạc (khoái-lạc giác-quan), đang sống ở nhà với đầy đủ con cháu,

dùng gỗ đàn hương từ Kāsi, mang vòng hoa, dùng dầu thơm, và phần sáp, và nhận vàng bạc, thật khó cho chú để biết được ‘ai là những A-la-hán hay đang trên con đường đạt tới thánh quả A-la-hán.’

(1) “Này gia chủ, nếu một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng mà bất an, kiêu căng, vô tích sự, nói nhiều, nói dong dài, tâm rối mờ, thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với những cái tâm lan man trôi giạt, với các giác-quan [căn cảm nhận] lơ lửng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng và không bất an, kiêu căng, hay vô tích sự, không nói nhiều, nói dong dài, mà tâm được thiết lập trong sự chánh-niệm, thường rõ-biết (thường tỉnh giác), đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, với các giác-quan được kiểm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(2) “Nếu một Tỳ kheo là người sống gần làng xóm là bất an, kiêu căng ... với các giác-quan [căn cảm nhận] lơ lửng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người sống gần làng xóm mà không bất an, kiêu căng ... với các giác-quan được kiểm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(3) “Nếu một Tỳ kheo là người đi khát thực thức ăn là bất an, kiêu căng ... với các giác-quan [căn cảm nhận] lơ lửng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người đi khát thực thức ăn mà không bất an, kiêu căng ... với các giác-quan được kiểm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(4) “Nếu một Tỳ kheo là người nhận lời mời đến dùng bữa ở nhà những người tại gia là bất an, kiêu căng ... với các giác-quan [căn cảm nhận] lơ lửng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người nhận lời mời đến dùng bữa ở nhà những người tại gia mà không bất an, kiêu căng ... với các giác-quan được kiểm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(5) “Nếu một Tỷ kheo là người mặc y áo làm từ giẻ rách mà bất an, kiêu căng ... với các giác-quan [căn cảm nhận] loi lổng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỷ kheo là người mặc y áo làm từ giẻ rách và không bị bất an, kiêu căng ... với các căn cảm nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

(6) “Nếu một Tỷ kheo là người mặc y áo được may tặng bởi những người tại gia là bất an, kiêu căng ... với các giác-quan [căn cảm nhận] loi lổng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỷ kheo là người mặc y áo được may tặng bởi những người tại gia mà không bị bất an, kiêu căng ... với các căn cảm nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi.

“Này gia chủ, giờ chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn. Khi chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn, tâm của chú sẽ được tự-tin. Khi tâm được tự tin, thì khi thân tan rã, sau khi chết, chú được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

“Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay con sẽ cúng dường tặng quà cho Tăng Đoàn.”¹²²⁶

60 (6) *Ngài Hatthi*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu vườn nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi những thiên thần hạ giới). Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỷ kheo trưởng lão đã tụ họp và ngồi với nhau trong hội trường, tham gia vào một cuộc đàm đạo về Giáo Pháp.¹²²⁷ Trong khi họ đang tham gia vào cuộc đàm đạo, Ngài Citta Hatthisāriputta đã liên tục chen ngang cuộc nói chuyện của họ.¹²²⁸ Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākotṭhita] mới nói với Ngài Citta Hatthisāriputta rằng:

“Khi các Tỳ kheo trưởng lão đang tham gia vào cuộc đàm đạo liên quan về Giáo Pháp, thầy đừng liên tục chen vào cuộc nói chuyện của họ mà phải chờ đến khi họ nói xong cuộc đàm đạo của họ.”

Khi điều này được nói ra, những Tỳ kheo là thân hữu của thầy Citta Hatthisāriputta đã nói lại với thầy Đại Câu-hi-la:

“Đừng chê bai Ngài Citta Hatthisāriputta. Ngài Citta Hatthisāriputta là khôn trí và có khả năng tham dự với những Tỳ kheo trưởng lão trong cuộc đàm đạo liên quan về Giáo Pháp.”

[Thầy Đại Câu-hi-la nói với họ:] “Này các đạo hữu, đối với những ai không biết được tiến trình tâm của người khác thì khó mà biết được điều này.

(1) “Ở đây, này các đạo hữu, có người tỏ ra cực kỳ hiền từ, khiêm tốn, và bình lặng khi đang ở gần Sư Thầy hay trước mặt những Tỳ kheo đồng đạo đang làm thầy chỉ dạy cho mình. Nhưng sau khi rời khỏi Sư Thầy và những đồng đạo đó, người đó dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ, khi người đó lơ lửng (thiếu kiểm chế các giác quan) và nói chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

- “Ví như một con bò hay ăn ruộng lúa bắp khi đang bị cột lại bằng dây thừng hoặc bị nhốt trong chuồng. Liệu có ai nói được một cách đúng đắn rằng: ‘Từ giờ con bò sẽ không bao giờ vô ăn ruộng lúa bắp này nữa’?”

“Chắc chắn không, thưa đạo hữu. Bởi có thể con bò đó sẽ phá đứt dây thừng hoặc xông khỏi chuồng và chạy tới ruộng lúa bắp.”

“Cũng giống như vậy, có những người đang ở đây cực kỳ hiền

lành. Nhưng sau khi rời khỏi Sư Thầy và những đồng đạo đó, người đó lại dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni ... người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

(2) “Rồi, này các đạo hữu, có người, khi đang tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Nhất thiên’, rồi người đó dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ, khi người đó lơ lửng (thiếu kiểm chế các giác quan) và nói chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

- “Ví như ở ngã tư đường đang có mưa, mưa lớn, có thể làm hết bụi đất và tạo ra bùn lầy. Liệu có ai nói được một cách đúng đắn rằng: ‘Từ giờ sẽ không bao giờ còn bụi đất ở ngã tư đường này nữa’?”

“Chắc chắn không, thưa đạo hữu. Bởi có thể người ta sẽ đi qua đi lại ngã tư, hoặc trâu bò và dê cừu¹²²⁹ sẽ đi qua đi lại, hoặc gió và nắng nóng sẽ làm bốc hơi nước, và bụi đất sẽ có trở lại.”

“Cũng giống như vậy, có người, khi đang tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Nhị thiên’, rồi người đó dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni ... người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

(3) “Rồi, này các đạo hữu, có người, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai.... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Nhị thiên’, rồi người dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ, khi người đó

loại lỏng (thiếu kiểm chế các giác quan) và nói chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

- “Ví như ở một hồ nước lớn không xa khu làng hay thị trấn đang có mưa, mưa lớn, ngập che hết những con ốc con trai,¹²³⁰ đá sỏi, và đá cuội. Liệu có ai nói được một cách đúng đắn rằng: ‘Từ giờ những con ốc con trai, đá sỏi và đá cuội sẽ không thấy ở hồ này nữa?’”

“Chắc chắn không, thưa đạo hữu. Bởi có thể người ta lấy nước từ hồ (để uống, dùng, tưới), hoặc trâu bò và dê sẽ uống nước hồ, hoặc gió và nắng nóng sẽ làm bốc hơi nước. Rồi những con ốc con trai, đá sỏi và đá cuội sẽ được thấy trở lại.”

“Cũng giống như vậy, có người, với sự lảng lạn của ý-nghi (tâm) và sự soi-xét (tứ), chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai. [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Nhị thiền’, rồi người đó dính líu với những Tỷ kheo [khác], những Tỷ kheo ni ... người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

(4) “Rồi, này các đạo hữu, có người, với sự phai biến của yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba.... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Tam thiền’, rồi người dính líu với những Tỷ kheo [khác], những Tỷ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ, khi người đó loại lỏng (thiếu kiểm chế các giác quan) và nói chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

- “Ví như thức ăn còn thừa lại từ bữa chiều hôm trước có lẽ do nó không hấp dẫn người ăn ngon ăn hết nó. Liệu có ai nói được một cách đúng đắn rằng: ‘Từ giờ thức ăn sẽ không bao giờ hấp dẫn người này nữa?’”

“Chắc chắc không, thưa đạo hữu. Bởi nếu thêm nhiều thức ăn sẽ không hấp dẫn người đó chừng nào những dưỡng chất đó vẫn còn đầy đủ trong cơ thể người đó, nhưng khi những dưỡng chất đó hết, thì có thể thức ăn đó sẽ lại hấp dẫn người đó.”

“Cũng giống như vậy, có người, với sự phai biến của yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba.... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Tam thiền’, rồi người đó dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni ... người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

(5) “Rồi, này các đạo hữu, có người, với sự đẹp bỏ sự sừng sự khổ ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư.... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Tứ thiền’, rồi người dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ, khi người đó lơ lửng (thiếu kiểm chế các giác quan) và nói chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

- “Ví như trên một thung lũng hẹp trên núi có một hồ nước nằm kín gió và do vậy không có sóng. Liệu có ai nói được một cách đúng đắn rằng: ‘Từ giờ sóng sẽ không bao giờ xuất hiện trong hồ này nữa’?”

“Chắc chắc không, thưa đạo hữu. Bởi có thể có những trận cuồng phong mưa bão ập đến từ hướng đông, hướng tây, hướng bắc, hay hướng nam và khuấy động hồ nước.”

“Cũng giống như vậy, có người, với sự đẹp bỏ sự sừng và sự khổ ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư.... [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đắc Tứ thiền’, rồi người dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni ... người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

(6) “Rồi, này các đạo hữu, có người, nhờ sự không-chú-tâm tới tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng, đường nét), chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng) của tâm.¹²³¹ [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đặc định vô-tướng của tâm’, rồi người dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ, khi người đó loay loảng (thiếu kiểm chế các giác quan) và nói chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị chiếm ngự bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.

- “Ví như một vị vua hay một quan thượng thư đã hành quân dọc đường lộ cái cùng với đội quân bốn binh chủng, và dựng lều cắm trại để nghỉ qua đêm trong một khu rừng rậm. Vì do những tiếng kêu la của voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, của đoàn kỵ binh, và âm thanh rùm beng của tiếng trống, trống thiết, tù và, và trống com, nên những tiếng dế đành lặn mất. Liệu có ai nói được một cách đúng đắn rằng: ‘Từ giờ sẽ không bao giờ còn tiếng dế kêu trong khu rừng này nữa’?”

“Chắc chắc không, thưa đạo hữu. Bởi cũng tới lúc nhà vua hay quan thượng thư đó sẽ (kéo quân) đi khỏi khu rừng, và tiếng dế kêu sẽ có trở lại.”

“Cũng giống như vậy, có người, có người, nhờ sự không-chú-tâm tới tất cả mọi dấu-hiệu, chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng) của tâm. [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người đặc định vô-tướng của tâm’, rồi người dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni ... người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”

Rồi một thời gian sau đó thầy Citta Hatthisāriputta đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Những Tỳ kheo thân hữu của thầy ấy đã đến gặp thầy Đại Câu-hi-la, và hỏi:

“Có phải thầy Đại Câu-hi-la đã bằng tâm mình bao trùm tâm của

thầy Citta Hatthisāriputta nên đã hiểu được rằng: ‘Thầy Citta Hatthisāriputta dù đã đắc những sự thiên-trú và những tầng thiên định như vậy và như vậy, nhưng thầy ấy vẫn sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục’? Hoặc có phải lúc đó những thiên thần đã mách bảo điều đó cho thầy?’”

“Này các đạo hữu, tôi đã bằng tâm mình bao trùm tâm của thầy Citta Hatthisāriputta và hiểu được rằng: ‘Thầy Citta Hatthisāriputta dù đã đắc những sự thiên-trú và những tầng thiên định như vậy và như vậy, nhưng thầy ấy vẫn sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục’? Và lúc đó những thiên thần cũng có mách bảo điều đó cho tôi.”

Rồi những Tỳ kheo thân hữu của thầy Citta Hatthisāriputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thầy Citta Hatthisāriputta đã đắc được những sự thiên-trú và tầng thiên định như vậy và như vậy, nhưng thầy ấy đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”

“Này các Tỳ kheo, chẳng bao lâu thầy Citta sẽ nghĩ đến việc xuất gia (trở lại) thôi.”¹²³²

Rồi không lâu sau đó, thầy Citta Hatthisāriputta lại cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, từ giã đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Rồi, nhờ sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp này, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, thầy Citta Hatthisāriputta, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Citta Hatthisāriputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.¹²³³

61 (7) Ở Giữa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu vườn nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi những thiên thần hạ giới). Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo trưởng lão đã tụ họp và ngồi với nhau trong hội trường, lúc đó sự đàm đạo này đã khởi sinh:

“Này các đạo hữu, điều này đã được đức Thế Tôn nói trong chương “*Pārāyana*” (Đáo Bỉ Ngạn), trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Metteyya*’:¹²³⁴

““Sau khi đã được cả hai đầu,
Người có trí không dính (kết) ở-giữa.
Ta gọi người đó là một đại nhân:
Là người tại đây đã thoát khỏi người đan dệt.”

“Này các đạo hữu, cái gì là đầu thứ nhất? Cái gì là đầu thứ hai? Cái gì là ở giữa? Và cái gì là người đan dệt?”

(1) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo nọ đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, sự tiếp-xúc là một đầu; sự khởi-sinh tiếp-xúc là đầu thứ hai; sự chấm-dứt tiếp-xúc là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-vọng đan dệt một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay nọ.¹²³⁵ Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết; hoàn-toàn hiểu điều nên được hoàn-toàn hiểu; và bằng cách làm như vậy, ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”¹²³⁶

(2) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, quá khứ là một đầu; tương lai là đầu thứ hai; hiện tại là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-

vọng đan dật một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay khác. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết ... ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”

(3) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, cảm-giác sướng là một đầu; cảm-giác khổ là đầu thứ hai; cảm-giác trung tính là ở giữa; và dục-vọng là người đan dật. Vì dục-vọng đan dật một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay khác. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết ... ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”

(4) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, phần danh là một đầu; phần sắc là đầu thứ hai; thức là ở giữa; và dục-vọng là người đan dật.¹²³⁷ Vì dục-vọng đan dật một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay khác. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết ... ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”

(5) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ) là một đầu; sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) là đầu thứ hai; thức là ở giữa; và dục-vọng là người đan dật.¹²³⁸ Vì dục-vọng đan dật một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay khác. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết ... ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”

(6) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, sự hiện-hữu cá thể là một đầu; nguồn-gốc sự hiện-hữu cá thể là đầu thứ hai; sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể là ở giữa; và dục-vọng là người đan dật.¹²³⁹ Vì dục-vọng đan dật một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay khác.

Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết; hoàn-toàn hiểu điều nên được hoàn-toàn hiểu; và bằng cách làm như vậy, ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”

Sau khi những điều này được nói ra, một Tỳ kheo nọ đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, chúng ta mỗi người giải thích theo cảm hứng riêng của mình. Giờ chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn nghe. Rồi khi đức Thế Tôn giảng giải vấn đề cho chúng ta, chúng ta nên lưu nhớ nó trong tâm.”

“Được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo đã xảy ra, [và hỏi]: “Thưa Thế Tôn, người nào trong chúng tôi đã đúng?”

[Đức Thế Tôn nói:] “Này các Tỳ kheo, theo một cách thì tất cả các thầy đều nói đúng, nhưng (theo một cách khác) hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói ý nghĩa ta muốn nói trong chương “*Pārāyana*” (Đáo Bỉ Ngạn), trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Metteyya*’:

““Sau khi đã được cả hai đầu,
Người có trí không dính (kết) ở-giữa.
Ta gọi người đó là một đại nhân:
Là người tại đây đã thoát khỏi người đan dệt.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, sự tiếp-xúc là một đầu; sự khởi-sinh tiếp-xúc là đầu thứ hai; sự chấm-dứt tiếp-xúc là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-vọng đan dệt một người thành tái sinh trong trạng thái hiện-hữu này hay khác. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết; hoàn-toàn hiểu điều nên được hoàn-

toàn hiệu; và bằng cách làm như vậy, ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.”¹²⁴⁰

62 (8) Sự Hiểu Biết (về các căn)¹²⁴¹

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó vừa đến thị trấn tên Daṇḍakappaka của những người Kosala. Rồi đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ chính và đến ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho đức Thế Tôn dưới một gốc cây, và các Tỳ kheo đó đi vô thị trấn Daṇḍakappaka để tìm một nhà nghỉ.

Lúc đó, Ngài Ānanda cùng một số Tỳ kheo đi xuống sông Aciravatī để tắm. Sau khi tắm xong, thầy ấy trở lên, vẫn mặc đồ và đứng lau khô mình (thân, đầu tóc, chân, tay). Rồi một Tỳ kheo nọ đã đến gần thầy Ānanda và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu Ānanda, có phải sau khi xem xét đầy đủ đức Thế Tôn đã tuyên bố về thầy Đề-bà-đạt-da (Devadatta): ‘Đề-bà-đạt-da bị dính vào cảnh giới đầy đọa, bị dính vào địa ngục, và ông ta sẽ ở đó cả đại kiếp, không thể được cứu độ’, hay đức Thế Tôn chỉ nói điều này theo nghĩa bóng?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.”¹²⁴²

Rồi thầy Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ câu chuyện [và nói thêm]: “Thưa Thế Tôn, sau khi điều này đã được nói ra, con đã nói với Tỳ kheo đó: ‘Này đạo hữu, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.’”

[Đức Thế Tôn nói:] “Này Ānanda, Tỳ kheo đó chắc là mới thụ giới, chưa xuất gia lâu, hoặc (nếu lâu thì) chỉ là một trưởng lão ngu khờ và dở tệ. Khi điều đó đã được ta tuyên bố một cách dứt khoát như vậy, sao Tỳ kheo đó còn thấy có gì mơ hồ bóng gió trong đó?”¹²⁴³ Này

Ānanda, ta không thấy một người nào khác ngoài Đề-bà-đạt-đa mà ta đã tuyên bố như vậy sau khi đã suy xét đầy đủ về ông ta. Chừng nào ta còn chưa nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu [nhỏ như đầu cọng tóc] phẩm chất sáng (thiện) nào trong con người Đề-bà-đạt-đa, thì ta vẫn tuyên bố về ông ta: ‘Đề-bà-đạt-đa bị dính vào cảnh giới đầy đọa, bị dính vào địa ngục, và ông ta sẽ ở đó cả đại kiếp, không thể được cứu độ’. Chính như vậy, này Ānanda, chỉ khi ta không nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu phẩm chất sáng nào¹²⁴⁴ trong con người Đề-bà-đạt-đa thì ta mới tuyên bố về ông ta như vậy.

“Giả sử có một hầm chứa phân sâu hơn chiều cao của một người, và một người chìm trong đó đầu bị ngập lụt. Rồi một người có mặt ở đó mong muốn người chìm được tốt lành, phúc lợi, và an toàn, mong muốn kéo được anh ta lên khỏi hầm phân. Rồi ông ta bước qua bước lại quanh hầm phân mà chẳng tìm thấy một phần xíu xiu nào, thậm chí như đầu cọng tóc, của người đó mà chưa bị dính phân để ông ta có thể nắm lấy nó và kéo anh ta lên. Cũng giống như vậy, chỉ khi ta không nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu phẩm chất sáng nào trong con người Đề-bà-đạt-đa, ta mới tuyên bố về ông ta: ‘Đề-bà-đạt-đa bị dính vào cảnh giới đầy đọa, bị dính vào địa ngục, và ông ta sẽ ở đó cả đại kiếp, không thể được cứu độ’.”

“Này Ānanda, nếu thầy muốn lắng nghe những sự hiểu-biết của Như Lai về các căn của một người, ta sẽ phân tách chúng cho thầy nghe.”

“Giờ là lúc, thưa đức Thế Tôn! Giờ là lúc để nói ra điều này, thưa bậc Phúc Lành! Đức Thế Tôn hãy phân tách những sự hiểu-biết của mình về các căn của một người. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu nhớ trong tâm.”

“Được rồi, này, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói

điều này:

(1) “Ở đây, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.’ Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vậy: ‘Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện (căn thiện) chưa bị bứng sạch. Từ gốc thiện¹²⁴⁵ đó phẩm chất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ không bị sa sút trong tương lai.’

“Ví như những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trong một cánh đồng tốt. Vậy theo thầy, những hạt giống đó sẽ mọc lên, lớn lên, và trưởng thành phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện chưa bị bứng sạch. Từ gốc thiện đó phẩm chất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ không bị sa sút trong tương lai.’

- “Chính theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự hiểu-biết về các căn của một người, có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người khác bằng tâm mình.

(2) Rồi, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện và

những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.’ Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vậy: ‘Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện (căn bất thiện) chưa được bứng sạch. Từ gốc bất thiện đó phẩm chất bất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ bị sa sút trong tương lai.’

“Ví như những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được đặt trên một tảng đá rộng. Vậy theo thầy, những hạt giống đó sẽ không mọc lên, lớn lên, hay trưởng thành phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện chưa được bứng sạch. Từ gốc bất thiện đó phẩm chất bất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ bị sa sút trong tương lai.’

- “Chính theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự hiểu-biết về các căn của một người, có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người khác bằng tâm mình.

(3) Rồi, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.’ Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vậy: ‘Người này thậm chí không có một chút xúu xiu [nhỏ như đầu cọng tóc] phẩm chất thiện nào. Người này có toàn những phẩm chất tối, bất thiện. Khi

thân tan rã, sau khi chết, người này sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.’

“Ví như, này Ānanda, những hạt giống bị sút bề, bị hư, bị hư hại bởi gió và nắng nóng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trong một cánh đồng tốt. Vậy theo thầy, những hạt giống đó sẽ không mọc lên, lớn lên, hay trưởng thành phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vậy: ‘Người này thậm chí không có một chút xiu xiu phẩm chất sáng nào. Người này có toàn những phẩm chất đen, bất thiện. Khi thân tan rã, sau khi chết, người này sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.’

- “Chính theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự hiểu-biết về các căn của một người, có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người khác bằng tâm mình.

Khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Đức Thế Tôn, đức Thế Tôn có thể mô tả ba loại người ngược lại với ba loại người đó?”

“Được, này Ānanda”, đức Thế Tôn nói.

(4) “Ở đây, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.’ Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vậy: ‘Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện

có mặt, nhưng người này có gốc thiện (căn thiện) chưa bị bứng sạch. Nhưng gốc thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ bị sa sút trong tương lai.’

“Ví như, này Ānanda, mớ than đang cháy, đang cháy đỏ, đang cháy rực được đặt trên một tảng đá rộng. Vậy theo thầy, chỗ than đó sẽ không cháy bùng thêm, gia tăng, và lan rộng phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Hoặc ví như, này Ānanda, vào buổi cuối chiều mặt trời đang sắp lặn đi. Vậy theo thầy, ánh sáng sẽ biến mất và sự tối sẽ có mặt phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Hoặc ví như, này Ānanda, vào lúc gần tới nửa đêm, là giờ ăn.¹²⁴⁶ Vậy theo thầy, ánh sáng *đã* biến mất và sự tối *đã* có mặt phải không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện chưa bị bứng sạch. Nhưng gốc thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ bị sa sút trong tương lai.’

- “Chính theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự hiểu-biết về các căn của một người, có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người khác bằng tâm mình.

(5) “Ở đây, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện

và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.’ Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vậy: ‘Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện (căn bất thiện) chưa bị bùng sạch. Nhưng gốc bất thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ không bị sa sút trong tương lai.’

“Ví như, này Ānanda, mớ than đang cháy, đang cháy đỏ, đang cháy rực được đặt trên một đồng cỏ khô hay củi khô. Vậy theo thầy, chỗ than đó sẽ cháy bùng thêm, gia tăng, và lan rộng phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Hoặc ví như, này Ānanda, vào lúc màn đêm đang biến đi và mặt trời đang mọc lên. Vậy theo thầy, sự tối sẽ biến mất và ánh sáng sẽ có mặt đúng không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Hoặc ví như, này Ānanda, vào lúc gần giữa trưa, là giờ ăn. Vậy theo thầy, sự tối *đã* biến mất và ánh sáng đã có mặt đúng không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện (căn bất thiện) chưa bị bùng sạch. Nhưng gốc bất thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ không bị sa sút trong tương lai.’

- “Chính theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự hiểu-biết về các căn của một người, có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm

tâm người khác bằng tâm mình.

(6) Rồi, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vậy: ‘Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.’ Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vậy: ‘Người này thậm chí không có một chút xú xiu [nhỏ như đầu cọng tóc] phẩm chất bất thiện nào. Người này có toàn những phẩm chất sáng, thiện. Người này sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.’

“Ví như, này Ānanda, mớ than nguội đã tắt lửa được đặt trên một đồng cỏ khô hay củi khô. Vậy theo thầy, chỗ than đó sẽ không cháy bùng thêm, gia tăng, và lan rộng phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vậy: ‘Người này thậm chí không có một chút xú xiu phẩm chất bất thiện nào. Người này có toàn những phẩm chất sáng, thiện. Người này sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.’

–“Chính theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự hiểu-biết về các căn của một người, có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người khác bằng tâm mình.

“Này Ānanda, trong ba (loại) người trước: có người không bị sa sút, người sẽ bị sa sút, và người bị dính trong cảnh giới đọa đày, dính trong địa ngục. Trong số ba người sau: có người không bị sa sút, người sẽ bị sa sút, và người hướng tới chứng ngộ Niết-bàn.”

63 (9) *Thâm Nhập*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp mang tính thâm nhập.¹²⁴⁷ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một bài giảng Pháp mang tính thâm nhập?

[1] “Những khoái-lạc giác-quan [dục-lạc] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những khoái-lạc giác-quan nên được hiểu; sự đa dạng của những khoái-lạc giác-quan nên được hiểu; sự chấm-dứt những khoái-lạc giác-quan được hiểu.

[2] “Những cảm-giác [thọ] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những cảm-giác nên được hiểu; sự đa dạng của những cảm-giác nên được hiểu; sự chấm-dứt những cảm-giác nên được hiểu.

[3] “Những nhận-thức [tưởng] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những nhận-thức nên được hiểu; sự đa dạng của những nhận-thức nên được hiểu; sự chấm-dứt những nhận-thức nên được hiểu.

[4] “Những ô-nhiễm [lậu hoặc] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những ô-nhiễm nên được hiểu; sự đa dạng của những ô-nhiễm nên được hiểu; sự chấm-dứt những ô-nhiễm nên được hiểu.

[5] “Nghiệp nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của nghiệp nên được hiểu; sự đa dạng của nghiệp nên được hiểu; sự chấm-dứt nghiệp nên được hiểu.¹²⁴⁸

[6] “Sự khổ nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của khổ nên được hiểu; sự đa dạng của sự khổ nên được hiểu; hậu quả của sự khổ nên được hiểu; sự chấm-dứt khổ nên được hiểu; con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ nên được hiểu.

(1) “Khi điều [1] (*kinh gốc thì lặp lại đây đủ lời của mỗi điều trên*) nói như vậy, vì lý do gì điều này được nói ra?

“Này các Tỳ kheo, đây là năm đối-tượng của khoái-lạc giác-quan: những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: ‘đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn’. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: ‘đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn’. Tuy nhiên, đây không phải là những khoái-lạc giác-quan; trong giới-luật của Thánh Nhân, đây được gọi là ‘những sự đối-tượng của khoái-lạc giác-quan’. Khoái-lạc giác-quan của một người là do ý-định nhục-dục của người đó.¹²⁴⁹

“Những thứ đẹp trong thế gian: không phải là những dục-lạc:
Ý-định nhục-dục của một người mới là dục-lạc của người đó;
Những thứ đẹp dễ chỉ như chúng thực là trong thế gian,
Nhưng người có trí thì loại bỏ tham muốn đối với chúng.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những khoái-lạc giác-quan? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của khoái-lạc giác-quan.¹²⁵⁰

“Và cái gì là sự đa dạng của những khoái-lạc giác-quan? Tham dục (tham muốn giác quan, nhục dục) đối với những hình-sắc là một, thêm nữa là tham dục đối với những âm-thanh, tham dục đối với những mùi-hương, tham dục đối với những mùi-vị, tham dục đối với những đối-tượng chạm xúc. Đây được gọi là sự đa dạng của những khoái-lạc giác-quan.

“Và cái gì là hậu quả của những khoái-lạc giác-quan? Một người sản sinh một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) tương ứng với mọi thứ [khoái-lạc giác-quan] người đó tham muốn và đó có thể là (thiện) quả

của sự phước-đức hay (ác) quả của sự thất-phước.¹²⁵¹ Đây được gọi là hậu quả của những khoái-lạc giác-quan.

“Và cái gì là sự chấm dứt những khoái-lạc giác-quan? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt những khoái-lạc giác-quan.

“Bát thánh đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những khoái-lạc giác-quan, gồm (tám phần): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những khoái-lạc giác-quan, nguồn gốc và sự khởi sinh của những khoái-lạc giác-quan, hậu quả của những khoái-lạc giác-quan, sự chấm dứt của những khoái-lạc giác-quan, và con đường dẫn tới sự chấm dứt những khoái-lạc giác-quan, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập này là sự (là để) chấm-dứt những khoái-lạc giác-quan.¹²⁵²

“Chính vì điều này nên điều [1] này đã được nói như vậy.

(2) “Khi điều [2] nói như vậy, vì lý do gì điều này được nói ra?

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác: cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác không sướng không khổ (trung tính).

“Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những cảm-giác? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của chúng.

“Và cái gì là sự đa dạng của những cảm-giác? Có cảm-giác sướng thuộc thể tục, có cảm-giác sướng thuộc tâm linh; có cảm-giác khổ thuộc thể tục, có cảm-giác khổ thuộc tâm linh; có cảm-giác trung tính thuộc thể tục, có cảm-giác trung tính tâm linh. Đây được gọi là sự đa dạng của những cảm-giác.

“Và cái gì là hậu quả của những cảm-giác? Một người sản sinh một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) tương xứng với mọi thứ [cảm-giác]

người đó trải nghiệm và đó có thể là (thiện) quả của phước-đức hay (ác) quả của thất-phước. Đây được gọi là hậu quả của những cảm-giác.

“Và cái gì là sự chấm-dứt những cảm-giác? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt những cảm-giác.

“Bát thánh đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những cảm-giác, gồm (tám phần): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những cảm-giác, nguồn gốc và sự khởi sinh của những cảm-giác, hậu quả của những cảm-giác, sự chấm dứt của những cảm-giác, và con đường dẫn tới sự chấm dứt những cảm-giác, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt những cảm-giác.

“Chính vì điều này nên điều [2] này đã được nói như vậy.

(3) “Khi điều [3] nói như vậy, vì lý do gì điều này được nói ra?

“Này các Tỳ kheo, có sáu nhận-thức: nhận-thức về những hình-sắc, nhận-thức về những âm-thanh, nhận-thức về những mùi-hương, nhận-thức về những mùi-vị, nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc, nhận-thức về những hiện-tượng thuộc/của tâm.

“Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những nhận-thức? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của chúng.

“Và cái gì là sự đa dạng của những nhận-thức? Một là nhận-thức về những hình-sắc, thêm nữa là nhận-thức về những âm-thanh, nhận-thức về những mùi-hương, nhận-thức về những mùi-vị, nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc, nhận-thức về những hiện-tượng thuộc/của tâm. Đây được gọi là sự đa dạng về những nhận-thức.

“Và cái gì là hậu quả của những nhận-thức? Ta nói rằng, những nhận-thức có hệ quả là sự diễn đạt.¹²⁵³ Người ta nhận thức (tưởng) cái gì theo bất cứ cách nào, thì người ta diễn đạt bản thân theo cách đó, [họ nói như vậy:] ‘Tôi tưởng như vậy, như vậy.’ Đây được gọi là hậu quả

của sự nhận-thức. (họ nhận thức ra sao nói ra như vậy; tưởng sao nói vậy).

“Và cái gì là sự chấm-dứt của những nhận-thức? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt những nhận-thức.

“Bát thánh đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những nhận-thức, gồm (tám phần): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những nhận-thức, nguồn gốc và sự khởi sinh của những nhận-thức, hậu quả của những nhận-thức, sự chấm dứt của những nhận-thức, và con đường dẫn tới sự chấm dứt những nhận-thức, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt những nhận-thức .

“Chính vì điều này nên điều [3] này đã được nói như vậy.

(4) “Khi điều [4] nói như vậy, vì lý do gì điều này được nói ra?

“Này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm: ô-nhiễm của/do nhục-dục, ô-nhiễm do hiện-hữu, và ô-nhiễm do vô-minh.

“Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những ô-nhiễm? Vô-minh là nguồn gốc và sự khởi sinh của chúng.

“Và cái gì là sự đa dạng của những ô-nhiễm? Có những ô-nhiễm dẫn tới (tái sinh trong) địa-ngục; có những ô-nhiễm dẫn tới cõi súc-sinh, có những ô-nhiễm dẫn tới cảnh giới nga-quỷ đầy đọa thống khổ; có những ô-nhiễm dẫn tới cảnh giới cõi-người; có những ô-nhiễm dẫn tới cảnh giới thiên-thần. Đây là sự đa dạng của những ô-nhiễm.

“Và cái gì là hậu quả của những ô-nhiễm? Người chìm đắm trong vô-minh sản sinh một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) tương ứng, đó có thể (thiện) quả của phước-đức hay (ác) quả của thất-phước. Đây được gọi là hậu quả của những cảm-giác.

“Và cái gì là sự chấm-dứt những ô-nhiễm? Khi chấm dứt vô-minh

là chấm dứt những ô-nhiễm. (lậu tận)

“Bát thánh đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm, gồm (tám phần): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những ô-nhiễm, nguồn gốc và sự khởi sinh của những ô-nhiễm, hậu quả của những ô-nhiễm, sự chấm dứt của những ô-nhiễm, và con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt những ô-nhiễm .

“Chính vì điều này nên điều [4] này đã được nói như vậy.

(5) “Khi điều [5] nói như vậy, vì lý do gì điều này được nói ra?

“Này các Tỳ kheo, chính là sự cố-ý ta gọi là nghiệp (kamma).¹²⁵⁴ Do đã có ý muốn, nên một người hành động bằng thân, bằng lời-nói, hay bằng tâm.

“Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những của nghiệp? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của nó.

“Và cái gì là sự đa dạng của nghiệp? Có nghiệp được ném trái trong địa-ngục; có nghiệp được ném trái trong cõi súc-sinh, có nghiệp được ném trái trong cảnh giới nga-quỷ bị đày đọa; có nghiệp được ném trái trong cảnh giới cõi-người; có nghiệp được ném trái trong cảnh giới thiên-thần. Đây là sự đa dạng của nghiệp.

“Và cái gì là hậu quả của nghiệp? Ta nói, hậu quả của nghiệp có ba dạng, đó là: [được ném trái] ngay trong kiếp này, hay trong kiếp [kế] sau, hay trong những thời kiếp sau nữa. Đây được gọi là hậu quả của nghiệp.¹²⁵⁵

“Và cái gì là sự chấm-dứt của nghiệp? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt nghiệp.¹²⁵⁶

“Bát thánh đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, gồm

(tám phần): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được nghiệp, nguồn gốc và sự khởi sinh của nghiệp, hậu quả của nghiệp, sự chấm dứt của nghiệp, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt nghiệp .

“Chính vì điều này nên điều [5] này đã được nói như vậy.

(6) “Khi điều [6] nói như vậy, vì lý do gì điều này được nói ra?

“Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; những sự buồn sầu, than khóc, lao khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng là khổ; không được thứ mình muốn là khổ; nói tóm lại, năm-uẩn bị dính chấp là khổ.

“Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của khổ? Dục-vọng là nguồn gốc và sự khởi sinh của khổ.

“Và cái gì là sự đa dạng của khổ? Có sự khổ cùng cực; có sự khổ nhẹ; có sự khổ phai biến chậm; có sự khổ phai biến nhanh. Đây được gọi là sự đa dạng của khổ.

“Và cái gì là hậu quả của khổ? Ở đây, có người bị chi phối bởi sự khổ, với một cái tâm bị ám muội bởi nó, bởi những sự buồn sầu, những sự lao khổ, những sự than khóc; người đó đó khóc lóc đầm ngực và bị rối trí. Hoặc hay là, do bị chi phối bởi sự khổ, với một cái tâm bị ám muội bởi nó, người đó ra tay tìm kiếm ở bên ngoài, nói rằng: ‘Ai biết một chữ hay hai chữ nào để làm chấm-dứt sự khổ này không?’¹²⁵⁷ Ta nói rằng, sự khổ làm cho người ta rối trí hoặc tìm kiếm. Đây được gọi là hậu quả của sự khổ.

“Và cái gì là sự chấm-dứt khổ? Khi chấm dứt dục-vọng là chấm dứt khổ đau.

“Bát thánh đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, gồm (tám phần): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự khổ, nguồn gốc và sự khởi sinh của sự khổ, hậu quả của sự khổ, sự chấm dứt khổ, và con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt khổ .

“Chính vì điều này nên điều [6] này đã được nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết pháp mang tính thâm nhập đó.”

64 (10) Tiếng Gầm Sư Tử

“Này các Tỳ kheo, có sáu năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, rống lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma (phạm-thiên; bánh xe Giáo Pháp).¹²⁵⁸ Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là.¹²⁵⁹ Vì Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, nên đây là một năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, rống lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(2) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là.¹²⁶⁰ Vì Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp ...’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(3) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và

sự thoát-ra khỏi những tầng thiên định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-định (siêu định, như ‘diệt thọ tướng định’...).¹²⁶¹ Vì Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiên định ...’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(4) “Lại nữa, Như Lai nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình, đó là: một lần sinh, hai lần sinh ... [*giống kinh 6:2, đoạn (4)*] ... Như Lai nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. Vì Như Lai nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình ... với những tổng quan và chi tiết như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (*túc mạng minh*) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(5) “Lại nữa, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, Như Lai nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... [*giống kinh 6:2, đoạn (4)*] ... và Như Lai hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Vì Như Lai ... hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (*thiên nhãn minh*) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(6) “Lại nữa, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Như Lai an trú trong đó. Vì Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ ... nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai (*lậu tận minh*) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

“Đây là sáu năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, rống lên tiếng gầm sư tử trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘điều có thể là có thể, điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Như Lai đã hiểu được trí-biết này.

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘hậu-quả của sự mang nghiệp trong quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có thể và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Như Lai đã hiểu được trí-biết này.

(3) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra những tầng thiền định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-thiền’ đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Như Lai đã hiểu được trí-biết này.

(4) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘sự nhớ lại những cõi kiếp quá khứ’ (túc mạng minh) đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Như Lai đã hiểu được trí-biết này.¹²⁶²

(5) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết về ‘sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh’ (thiên nhãn minh) đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi

được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Như Lai đã hiểu được trí-biết này.

(6) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết về ‘sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ (lậu tận minh) đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Như Lai đã hiểu được trí-biết này.

(1) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, trí-biết về ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định.

(2) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘hậu-quả của sự mang nghiệp trong quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có-thể và những nguyên-nhân’ đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định.

(3) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra đối với những tầng thiên định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-định’ đúng như chúng thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định.

(4) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự nhớ lại những cõi kiếp trước’ (túc mạng minh) đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định.

(5) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh’ (thiên nhãn minh) đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định.

(6) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ (lậu tận minh) đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định.

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, định-tâm là đạo; thiếu định-tâm là sai

đạo.”

NHÓM 2

THÁNH QUẢ BẮT LAI

65 (1) *Bắt Lai*

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả Bắt-lai. Sáu đó là gì? Sự thiếu niềm-tin, thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự bất-an về mặt đạo đức, sự lười-biếng, sự mờ-rối của tâm, và sự thiếu trí-tuệ. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả Bắt-lai.

“Này các Tỳ kheo, nếu dẹp bỏ sáu điều, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả Bắt-lai. Sáu đó là gì? Sự thiếu niềm-tin, thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự bất-an về mặt đạo đức, sự lười-biếng, sự mờ-rối của tâm, và sự thiếu trí-tuệ. Nếu dẹp bỏ sáu điều này, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả Bắt-lai.”

66 (2) *A-la-hán*

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự đờ-đẫn, sự buồn-ngủ, sự bất-an, sự hối-tiếc, sự thiếu niềm-tin, và sự lơ tâm phóng dật. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, nếu dẹp bỏ sáu điều, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự đờ-đẫn, sự buồn-ngủ,

sự bất-an, sự hối-tiếc, sự thiếu niềm-tin, và sự lơ tâm phóng dật. Nếu dẹp bỏ sáu điều này, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

67 (3) *Bạn Hữu*

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có những bạn xấu, những đồng hành xấu, và những đồng đạo xấu, khi đó người đó đi theo, dựa theo, và chú tâm (tác ý) theo những bạn xấu và làm theo gương của họ, (1) thì không thể nào người đó hoàn thành bốn phận về thiện-hành (hành-vi đúng đắn). Không hoàn thành bốn phận về thiện-hành, (2) thì không thể nào người đó hoàn thành bốn phận của một học-nhân. Không hoàn thành bốn phận của một học-nhân (3) thì không thể nào người đó hoàn thành về giới-hạnh. Không hoàn thành về giới-hạnh, (4) thì không thể nào người đó dẹp bỏ tham-dục giác quan (nhục dục), (5) tham dục đối với thể-sắc (sắc dục), hay (6) tham-dục đối với vô-sắc (vô-sắc dục).¹²⁶³

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có những bạn tốt, những đồng hành tốt, và những đồng đạo tốt, khi đó người đó đi theo, dựa theo, và chú tâm (tác ý) theo những bạn tốt và làm theo gương của họ, (1) thì có thể người đó sẽ hoàn thành bốn phận về thiện-hành (hành-vi đúng đắn). Sau khi đã hoàn thành bốn phận về thiện-hành, (2) thì có thể người đó sẽ hoàn thành bốn phận của một học-nhân. Sau khi đã hoàn thành bốn phận của một học-nhân, (3) thì có thể người đó sẽ hoàn thành về giới-hạnh. Sau khi đã hoàn thành về giới-hạnh, (4) thì có thể người đó sẽ dẹp bỏ tham-dục giác quan (nhục dục), (5) tham dục đối với thể-sắc (sắc dục), hay (6) tham-dục đối với vô-sắc (vô-sắc dục).”

68 (4) *Thích Gặp Gỡ Giao Lưu*

“Này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo là người thích gặp gỡ (người này người nọ), người vui thích sự gặp gỡ, người hết lòng thích gặp gỡ; là người thích tụ tập (nhóm, nhiều người), người vui thích sự tụ tập, người hết lòng thích tụ tập, thì không thể nào người đó thấy vui thích sự ở một-mình ở nơi tách-ly (ẩn dật). (2) Người không vui thích sự ở một-mình ở nơi tách-ly thì không thể nào có được đối-tượng (thiền) của tâm.¹²⁶⁴ (3) Người không có được đối-tượng (thiền) của tâm thì không thể nào hoàn thành chánh-kiến. (4) Người không hoàn thành chánh-kiến thì không thể nào hoàn thành chánh-định. (5) Người không hoàn thành chánh định thì không thể nào dẹp bỏ những gông-cùm. (6) Không dẹp bỏ những gông-cùm thì không thể nào người đó chứng ngộ Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo là người không thích gặp gỡ, người không vui thích sự gặp gỡ, người không hết lòng thích gặp gỡ; là người không thích tụ tập, người không vui thích sự tụ tập, người không có lòng thích tụ tập, thì có thể vui thích sự ở một-mình ở nơi tách-ly (ẩn dật). (2) Người vui thích sự ở một-mình ở nơi tách-ly thì có thể có được đối-tượng (thiền) của tâm. (3) Người có được đối-tượng (thiền) của tâm thì có thể hoàn thành chánh-kiến. (4) Người hoàn thành chánh-kiến thì có thể hoàn thành chánh-định. (5) Người hoàn thành chánh-định thì có thể dẹp bỏ những gông-cùm. (6) Sau khi dẹp bỏ những gông-cùm thì có thể người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn.”

69 (5) Một Thiên Thần

Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Sáu đó là gì? Tôn kính vị Sư Thầy, tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính sự tu tập, là dễ tu sửa được, và có đạo hữu

tốt. Sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.”

Đây là điều vị thiên thần đó đã nói. Vị Sư Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời ... [*Phật kể lại nguyên câu chuyện ở trên*] ...”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này mới được Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt, như sau đây. Thưa Thế Tôn, ở đây (1) một Tỳ kheo tự mình tôn kính vị Sư Thầy và nói lời đề cao sự tôn kính dành cho vị Sư Thầy; người đó khuyến khích những Tỳ kheo không tôn kính Sư Thầy nên tu dưỡng sự tôn kính dành cho Sư Thầy, và vào lúc thích hợp, một cách chân thành và chân thực, người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo biết tôn kính Sư Thầy. (2) Người đó tự mình tôn kính Giáo Pháp ... (3) ... tôn kính Tăng Đoàn ... (4) ... tôn kính sự tu tập ... (5) ... là để tu sửa được ... (6) ... có đạo hữu tốt, và nói lời đề cao sự có đạo hữu tốt; người đó khuyến khích những Tỳ kheo không có đạo hữu tốt nên có những đạo hữu tốt, và vào lúc thích hợp, một cách chân thành và chân thực, người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo có những đạo hữu tốt. Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy là con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều đã được ta nói ra một cách vắn tắt như vậy.

“Ở đây, này Xá-lợi-phất, một Tỷ kheo tự mình tôn kính vị Sư Thầy ... [*Phật lặp lại y nội dung thầy Xá-lợi-phất mới nói*] ... người đó nói lời đề cao những Tỷ kheo có được những đạo hữu tốt. Ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách vắn tắt nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

70 (6) Định Tâm

(I) “Này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo không có sự định-tâm (sự định-tâm đó) được bình an, siêu phàm, đắc được nhờ sự làm tĩnh-lặng, và đạt tới sự hợp-nhất thì (1) không thể nào người đó có thể: vận dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*): biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân ... [*giống đoạn (1) kinh 6:02 ở trên*] ... bay tới cõi trời brahma. (2) Không thể nào người đó có thể, với tai thiên thánh (*thiên nhãn thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, ở cõi trời và ở cõi người, ở xa và ở gần. (3) Không thể nào người đó có thể: hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác (*tha tâm thông*) ... [*giống đoạn (3) kinh 6:02 ở trên*] ... một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát. (4) Không thể nào người đó có thể: nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (*thiên nhãn minh*) ... [*giống đoạn (4) kinh 6:02 ở trên*] ... với những tổng quan và chi tiết của chúng. (5) Không thể nào người đó có thể: bằng mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... [*giống đoạn (5) kinh 6:02 ở trên*] ... người đó có thể hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình. (6) Không thể nào người đó có thể: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận*), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó có thể an trú trong đó.

(II) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có sự định-tâm được bình an, siêu phàm, đắc được nhờ sự làm tĩnh-lặng, và đạt tới sự hợp-nhất thì (1) có thể người đó có thể: vận dụng nhiều loại thần thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) ... *[tiếp tục như đoạn (1) kể trên]* ... (2) Có thể người đó có thể: với tai thiên thánh (*thiên nhãn thông*) ... *[tiếp tục như đoạn (2) kể trên]* ... (3) Có thể người đó có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác (*tha tâm thông*) ... *[tiếp tục như đoạn (3) kể trên]* ... (4) Có thể người đó có thể: nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*) ... *[tiếp tục như đoạn (4) kể trên]* ... (5) Có thể người đó có thể: với mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*) ... *[tiếp tục như đoạn (5) kể trên]* ... (6) Có thể người đó có thể: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận*)... *[tiếp tục như đoạn (6) kể trên]* ...”

71 (7) Có Khả Năng Chứng Ngộ

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không có khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt (khác biệt) nào,¹²⁶⁵ [cho dù] đang sẵn có một cơ-sở thích hợp. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được những điều đúng như chúng thực là: ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự suy-đòi’, và (2) ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự ổn-định’, và (3) ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự phân-biệt’, và (4) ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự thâm-nhập’; (5) Và người đó không tu tập một cách kỹ càng, và (6) người đó không làm những điều thích hợp. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không có khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt nào, [cho dù] đang có sẵn một cơ-sở thích hợp.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt, khi đang sẵn có một cơ-sở thích hợp. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được những điều đúng như chúng thực là: ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự suy-đòi’, và (2)

‘Đây là những phẩm chất thuộc sự ổn-định’, và (3) ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự phân-biệt’, và (4) ‘Đây là những phẩm chất thuộc sự thâm-nhập’; (5) Và người đó tu tập một cách kỹ càng, và (6) người đó làm những điều thích hợp. Có được sáu phẩm chất này, một Tỷ kheo là có khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt, khi đang có sẵn một cơ-sở thích hợp.”

72 (8) Sức Mạnh

“Này các Tỷ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỷ kheo là không có khả năng đạt được sức mạnh trong sự định-tâm (định lực). Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỷ kheo không thiện khéo trong việc chứng đắc sự định-tâm; (2) người đó không thiện khéo trong (duy trì) thời gian định-tâm; (3) người đó không thiện khéo trong việc thoát ra khỏi sự định-tâm (tầng thiền định); (4) người đó không tu tập một cách kỹ càng; (5) người đó không tu tập một cách kiên định; và (6) người đó không làm điều thích hợp. Có sáu phẩm chất này, một Tỷ kheo là không có khả năng đạt được sức mạnh của sự định-tâm.

“Này các Tỷ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỷ kheo là có khả năng đạt được sức mạnh trong sự định-tâm (định lực). Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỷ kheo thiện khéo trong việc chứng đắc sự định-tâm; (2) người đó thiện khéo trong (duy trì) thời gian định-tâm; (3) người đó thiện khéo trong việc thoát ra khỏi sự định-tâm (tầng thiền định); (4) người đó tu tập một cách kỹ càng; (5) người đó tu tập một cách kiên định; và (6) người đó làm điều thích hợp. Có được sáu phẩm chất này, một Tỷ kheo là có khả năng đạt được sức mạnh của sự định-tâm.”

73 (9) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (1)

“Này các Tỷ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không

có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: tham-dục, sân-giận, sự buồn-ngủ và đờ-đần, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ; và người chưa nhìn thấy rõ ràng ‘sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác-quan’ bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là. Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: tham-dục, sân-giận Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.”

74 (10) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (2)

“Này các Tỳ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại, nhận thức tham-dục, nhận thức ác-ý, nhận thức gây-hại. Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất.”

NHÓM 3

THÁNH QUẢ A-LA-HÁN

75 (1) Trong Sự Khổ Đau

“Này các Tỳ kheo, có sáu điều này, một Tỳ kheo sống trong sự khổ đau ngay trong kiếp này—với sự sâu khổ, thống khổ, và cơn sốt—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi đến xấu dữ. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại, nhận thức tham-dục, nhận thức ác-ý, nhận thức gây-hại. Có sáu điều này, một Tỳ kheo sống trong sự khổ đau ngay trong kiếp này—với sự sâu khổ, thống khổ, và sốt nã—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi đến xấu dữ.

“Này các Tỳ kheo, có sáu điều này, một Tỳ kheo sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này—không có sự sâu khổ, thống khổ, và sốt nã—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi đến tốt lành. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ từ-bỏ, ý nghĩ thiện-ý, ý nghĩ vô-hại, nhận thức từ-bỏ, nhận thức thiện-ý, và nhận thức vô-hại. Có được sáu điều này, một Tỳ kheo sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này—không có sự sâu khổ, thống khổ, và sốt nã—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi đến tốt lành.”

76 (2) Thánh Quả A-la-hán

“Này các Tỳ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự tự-ta (ngã mạn), sự tự-ti (ty mạn), sự kiêu-ngạo (quá mạn), sự tự-đại (tự đánh giá mình cao siêu so với mình thực), sự bướng-bỉnh, và sự tự-hèn (tự nhận mình là thấp hèn). Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có

khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán.¹²⁶⁶

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự tự-ta, sự tự-ti Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

77 (2) Người Thượng Nhân

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, người tu là không có khả năng chứng ngộ sự khác-biệt nào của bậc thượng nhân về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh hiền. Sáu đó là gì? Đó là: sự mờ-rối của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), sự không phòng hộ các cửa của các giác-quan [các căn cảm-nhận], sự thiếu tiết-độ trong ăn uống, sự hai mặt ngụy tạo, và sự xu nịnh. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có khả năng chứng ngộ sự khác-biệt nào của người thượng nhân về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh hiền.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ sự khác-biệt của người thượng nhân về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh hiền. Sáu đó là gì? Đó là: sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng ngộ sự khác-biệt của người thượng nhân về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của bậc thánh hiền.”

78 (4) Hạnh Phúc

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một người có nhiều hạnh phúc và niềm vui ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt nền tảng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo vui thích Giáo Pháp, vui thích sự tu-tập [tâm; thiền tập], vui thích sự từ-bỏ, vui thích

sự sống độc thân, vui thích sự không đau-đón (tức tránh xa kiểu tu hành xác đau đón), và vui thích sự không tăng-phóng (không để phóng tâm này nọ). Có được sáu phẩm chất này, một có nhiều hạnh phúc và niềm vui ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt nền tảng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm.”

79 (5) Thành Tựu

“Có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không có khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mà người đó chưa thành tựu hay tăng cường một phẩm chất thiện mà người đó đã thành tựu. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không thiện khéo về sự đạt-được, (2) không thiện khéo trong sự mất-đi, (3) không thiện khéo về những phương-tiện; (4) người đó không khởi tạo mong-muốn để thành tựu những phẩm chất thiện mình chưa thành tựu; (5) người đó không phòng-hộ những phẩm chất thiện mình đã thành tựu; (6) người đó không hoàn-thành những trách phận bằng sự nỗ-lực kiên định. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không có khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mình chưa thành tựu hay tăng cường một phẩm chất thiện mình đã thành tựu.

“Có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mà người đó chưa thành tựu và tăng cường một phẩm chất thiện mà người đó đã thành tựu. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo thiện khéo về sự đạt-được, (2) thiện khéo về sự mất-đi, (3) thiện khéo về những phương-tiện; (4) người đó khởi tạo mong-muốn để thành tựu những phẩm chất thiện mình chưa thành tựu; (5) người đó phòng-hộ những phẩm chất thiện mình đã thành tựu; (6) người đó hoàn-thành những trách phận bằng sự nỗ-lực kiên định. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mình chưa thành tựu và tăng cường một phẩm chất thiện mình đã thành tựu.”

80 (6) *Sự Lớn Lao*

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo không bao lâu sẽ đạt tới sự lớn lao và rộng lớn trong những phẩm chất [thiện]. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có nhiều ánh-sáng;¹²⁶⁷ có nhiều nỗ-lực; có nhiều cảm-hứng; người đó không tự-mãn; người đó không lơ lảng bồn phận đối với (việc tu tập) những phẩm chất thiện; và người đó vươn mình xa hơn nữa. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo không bao lâu sẽ đạt tới sự lớn lao và rộng lớn trong những phẩm chất [thiện].”

81 (7) *Địa Ngục (1)*

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Sáu đó là gì? Người sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo, có tham muốn xấu ác, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có được sáu phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Sáu đó là gì? Người kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cấp, kiêng cử tà dục tà dâm, kiêng cử nói láo nói sai; người có ít tham muốn (tri túc, thanh bần), và người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được sáu phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

82 (8) *Địa Ngục (2)*

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Sáu đó là gì? Người sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo; người đó tham lam, và hỗn hào. Có được sáu phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Sáu đó là gì? Người đó kiên cố sát sinh, kiên cố gian cấp, kiên cố tà dục tà dâm, kiên cố nói dối nói sai; người không tham lam, và không hỗn hào. Có được sáu phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”

83 (9) Trạng Thái Bậc Nhất

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không có niềm-tin, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, bất-an về mặt đạo đức; người đó lười biếng, và không có trí; và chỉ lo lắng về thân thể và mạng sống. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được niềm-tin, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và biết sợ-hãi về mặt đạo đức; người đó nỗ-lực (tinh tấn), và có trí; và người đó không lo âu về thân thể và mạng sống. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất.”

84 (10) Những Đêm

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có sáu phẩm chất, thì dù cho ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có sự suy-đòi những phẩm chất thiện, không có sự tăng trưởng. Sáu đó là gì? (1) một Tỳ kheo có những tham muốn mạnh mẽ, cảm thấy sâu khổ, và bất mãn với mọi thứ

y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; người đó (2) không có niềm-tin, (3) thất đức (thiếu giới hạnh), (4) lười biếng, (5) tâm trí mờ-rối (thất niệm), và (6) không có trí. Khi một Tỳ kheo có sáu phẩm chất này, thì dù cho ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có sự suy-đòi, không có sự gia-tăng, trong những phẩm chất thiện.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có sáu phẩm chất, thì dù ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện, không có sự suy đồi. Sáu đó là gì? (1) một Tỳ kheo không có những tham muốn mạnh mẽ, không cảm thấy sầu khổ, và biết hài lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; người đó (2) được phú cho niềm-tin, (3) đức hạnh (có giới hạnh), (4) có nỗ-lực (tinh tấn), (5) có chánh-niệm, và (6) có trí. Khi một Tỳ kheo có được sáu phẩm chất này, thì dù ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có tăng-trưởng những phẩm chất thiện, không có sự suy đồi.”

NHÓM 4

SỰ NGUỘI-MÁT

85 (1) Sự Ngươi Mát

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không có khả năng chứng ngộ sự nguội-mát vô thượng. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không trấn áp cái tâm vào lúc nó cần bị trấn áp; (2) người đó không nỗ lực hết (cố gắng, dụng hết) cái tâm vào lúc nó cần được nỗ lực; (3) người đó không khích lệ cái tâm vào lúc nó cần được khích lệ; và (4) người đó không nhìn vào cái tâm với sự buông-xả vào lúc người đó cần nhìn nó với sự buông-xả. (5) Người đó có khuynh hướng (tính khí, căn cơ) thấp nhược, và (6) người đó vui thích sự hiện-hữu cá thể

(danh tính). Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ sự nguội-mát vô thượng.¹²⁶⁸

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ sự mát nguội vô thượng. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo biết trấn áp cái tâm vào lúc nó cần bị trấn áp; (2) người đó nỗ lực hết (cố gắng, dụng hết) cái tâm vào lúc nó cần được nỗ lực; (3) người đó khích lệ cái tâm vào lúc nó cần được khích lệ; và (4) người đó nhìn vào cái tâm với sự buông-xả vào lúc người đó cần nhìn nó với sự buông-xả. (5) Người đó có khuynh hướng cao thượng, và (6) người đó vui thích Niết-bàn. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ sự nguội mát vô thượng.”

86 (2) Những Cản Trở

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính (đúng đắn) trong những phẩm chất thiện lành.¹²⁶⁹ Sáu đó là gì? Người bị cản trở bởi nghiệp; người bị cản trở bởi sự ô-nhiễm; người bị cản trở bởi hậu-quả (của nghiệp; nghiệp quả); người không có niềm-tin; người không có mong-cầu; và người không có trí-khôn.¹²⁷⁰ Có sáu phẩm chất này, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, thì khi đang lắng nghe¹²⁷¹ Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Sáu đó là gì? Người không bị cản trở bởi nghiệp; người không bị cản trở bởi ô-nhiễm; người không bị cản trở bởi hậu-quả (của nghiệp; nghiệp quả); người được phú cho niềm-tin; người có mong-cầu;

và người có trí-khôn. Có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.”

87 (3) Kẻ Sát Nhân

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính (đúng đắn) trong những phẩm chất thiện lành. Sáu đó là gì? (1) Kẻ từng giết mẹ; (2) kẻ từng giết cha; (3) kẻ từng giết một A-la-hán; (4) kẻ với tâm thù ghét từng làm chảy máu Như Lai; (5) kẻ gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn; (6) người vô trí, ngu si, đần độn. Có sáu phẩm chất này, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Sáu đó là gì? (1) ... (5): *[tức không dính vào năm điều đoạn trên]*; (6) người có trí, thông minh, nhạy bén. Có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.”

88 (4) Người Muốn Lắng Nghe

“Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính (đúng đắn)

trong những phẩm chất thiện lành. Sáu đó là gì? Khi Giáo Pháp và giới-luật này đã được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, (1) người đó không mong muốn nghe; (2) người đó không chú tai lắng nghe; (3) người đó không thiết lập tâm mình để hiểu; (4) người đó nắm bắt sai ý nghĩa; (5) người đó vứt bỏ ý nghĩa;¹²⁷² và (6) người đó chọn cách-tin không phù hợp [với giáo lý].¹²⁷³ Có sáu phẩm chất này, thì ngay cả đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành. Khi Giáo Pháp và giới-luật này đã được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, (1) người đó mong muốn lắng nghe; (2) người đó chú tai lắng nghe; (3) người đó thiết lập tâm mình để hiểu; (4) người đó nắm bắt đúng ý nghĩa; (5) người đó vứt bỏ những điều không phải ý nghĩa; và (6) người đó chọn cách-tin phù hợp [với giáo lý]. Có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.”

89 (5) Chưa Đẹp Bỏ

“Này các Tỳ kheo, nếu chưa đẹp bỏ sáu điều, người tu là không có khả năng chứng ngộ sự thành-tựu chánh-kiến.¹²⁷⁴ Sáu đó là gì? Cách-nhìn vì sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự nắm chấp những nghi lễ tập tục mê tín (giới cấm thủ), tham (dục) dẫn tới cảnh giới đầy khổ, sân dẫn tới cảnh giới đầy khổ, và si dẫn tới cảnh giới đầy khổ. Nếu chưa đẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có khả năng chứng ngộ sự thành tựu về chánh-kiến.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ sự thành-tựu chánh-kiến. Sáu đó là gì? Cách-nhìn vì sự hiện-hữu cá thể (thân kiến) ... và si dẫn tới cảnh giới đầy khổ. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ sự thành tựu về chánh-kiến.”

90 (6) Đã Dẹp Bỏ

“Này các Tỳ kheo, người đã thành tựu chánh-kiến (Nhập-lưu) là đã dẹp bỏ sáu điều. Sáu đó là gì? Cách-nhìn vì sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự nắm chấp những nghi lễ tập tục mê tín (giới cấm thủ), tham (dục) dẫn tới cảnh giới đầy khổ, sân dẫn tới cảnh giới đầy khổ, và si dẫn tới cảnh giới đầy khổ. Người thành-tựu chánh-kiến là đã dẹp bỏ sáu điều này.”

91 (7) Không Còn Có Thể

“Này các Tỳ kheo, người đã thành tựu chánh-kiến (Nhập-lưu) thì không còn có thể [khả năng] làm khởi sinh sáu điều. Sáu đó là gì? Cách-nhìn vì sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự nắm chấp những nghi lễ tập tục mê tín (giới cấm thủ), tham (dục) dẫn tới cảnh giới đầy khổ, sân dẫn tới cảnh giới đầy khổ, và si dẫn tới cảnh giới đầy khổ. Người thành-tựu chánh-kiến thì không còn có thể làm khởi sinh sáu điều này.”

92 (8) Các Trường Hợp (1)

“Này các Tỳ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu chánh-kiến (Nhập-lưu) là (1) không còn có thể sống không tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy; (2) đối với Giáo Pháp; (3) đối với Tăng Đoàn; (4) đối với sự tu-tập; (5)

không còn có thể dựa vào điều gì không nên tin dựa,¹²⁷⁵ (6) không còn có thể tái sinh lần thứ tám, (tức bậc thánh Nhập-lưu chỉ còn tái sinh tối đa bảy kiếp nữa).¹²⁷⁶ Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

93 (9) Các Trường Hợp (2)

“Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu chánh-kiến là (1) không còn có thể coi một hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) nào là thường hằng; (2) không còn có thể coi một hiện-tượng có điều-kiện nào là sướng; (3) không còn có thể coi một hiện-tượng nào là bản ngã (hữu ngã, có tự tính); (4) không còn có thể làm những nghiệp nặng nghiêm trọng tạo quả báo tức thì (như giết người, tội ác...);¹²⁷⁷ (5) không còn có thể tin ‘sự thanh-lọc (bản thân) có được nhờ những hành vi mê tín hay vận may’; (6) không còn có thể tìm kiếm người đáng cúng dường ngoài chỗ này (tức ở ngoài Tăng Đoàn).¹²⁷⁸ Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

94 (10) Các Trường Hợp (3)

“Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu chánh-kiến là (1) không còn có thể giết mẹ; (2) không còn có thể giết cha; (3) không còn có thể giết một A-la-hán; (4) không còn có thể với tâm thù ghét làm chảy máu Như Lai; (5) không còn có thể gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn; (6) không còn có thể nhận người khác làm Vị Thầy của mình (ngoài Phật là vị đạo sư tối thượng).¹²⁷⁹ Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

95 (11) Các Trường Hợp (4)

“Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng]

xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu chánh-kiến là (1) không còn có thể dựa vào [quan điểm cho rằng] sự sướng khổ là do mình tạo ra; (2) không còn có thể dựa vào [quan điểm cho rằng] sự sướng khổ là do người khác tạo ra; (3) không còn có thể dựa vào [quan điểm cho rằng] sự sướng khổ là do mình và người khác tạo ra; (4) không còn có thể dựa vào [quan điểm cho rằng] sự sướng khổ là không do mình tạo ra mà chúng đã khởi sinh một cách ngẫu nhiên; (5) không còn có thể dựa vào [quan điểm cho rằng] sự sướng khổ là không do người khác tạo ra mà chúng đã khởi sinh một cách ngẫu nhiên; (6) không còn có thể dựa vào [quan điểm cho rằng] sự sướng khổ là không do mình và người khác tạo ra mà chúng đã khởi sinh một cách ngẫu nhiên. Vì lý do gì? Vì người đã thành tựu chánh-kiến đã rõ ràng nhìn thấy lý nhân-duyên và những hiện-tượng khởi sinh một cách có nhân-duyên. Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

NHÓM 5

ÍCH LỢI

96 (1) *Sự Xuất Hiện*

“Này các Tỳ kheo, sự xuất hiện (hiện thị) của sáu điều là hiếm thay trong thế gian. Sáu đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Sự tái sinh trong cõi giới những bậc thánh là hiếm thay trong thế gian. (4) Sự được phú cho các căn [cảm nhận] lành mạnh (không khiếm khuyết, không yếu kém) là hiếm thay trong thế gian. (5) Sự thông minh và nhạy bén là hiếm thay trong thế gian. (6) Sự mong muốn có được Giáo Pháp tốt lành là hiếm thay trong thế gian. Sự xuất

hiện của sáu điều này là hiếm thay trong thế gian.”

97 (2) *Những Ích Lợi*

“Này các Tỳ kheo, có sáu ích lợi trong việc chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Sáu đó là gì? (1) Người đó được cố định trong Giáo Pháp tốt lành; (2) người đó không còn có thể bị suy thoái; (3) sự khổ của người đó được phân định giới hạn (tức sự khổ chỉ còn trong một giai đoạn trước khi giác ngộ hoàn toàn); (4) người đó đi đến có-được (loại) trí-biết (minh) không phải cùng có được bởi những người [phàm tục] khác (tức là trí-biết của người giác ngộ là không thể được cùng-có bởi những người thế tục); (5) người đó đã rõ ràng nhìn thấy lý nhân-duyên; (6) người đó đã rõ ràng nhìn thấy những hiện-tượng khởi sinh một cách có nhân-duyên. Đây là sáu ích lợi trong việc chứng quả Nhập-lưu.”

98 (3) *Vô Thường*

“Này các Tỳ kheo, (1) không thể nào một Tỳ kheo còn coi một hiện-tượng có điều-kiện (một pháp hữu vi) nào là thường hằng mà sẽ có được cách-tin (niềm tin, cam kết) phù hợp [với giáo lý]. (2) Không thể nào một người không có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] mà sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’.¹²⁸⁰ (3) Không thể nào một người không bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, (1) có thể rằng một Tỳ kheo coi mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô thường thì sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Có thể một người có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] thì sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’. (3) Có thể một người đã bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự

chân-chính’ thì sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

99 (4) Khổ

“Này các Tỳ kheo, thực sự là, (1) không thể nào một Tỳ kheo còn coi một hiện-tượng có điều-kiện (một pháp hữu vi) nào là sướng mà sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Không thể nào một người không có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] mà sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’. (3) Không thể nào một người không bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, (1) có thể rằng một Tỳ kheo coi mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là khổ thì sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Có thể một người có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] thì sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’. (3) Có thể một người đã bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ thì sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

100 (5) Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, (1) không thể nào một Tỳ kheo còn coi một hiện-tượng có điều-kiện (một pháp hữu vi) nào là hữu ngã mà sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Không thể nào một người không có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] mà sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’. (3) Không thể nào một người không bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, (1) có thể rằng một Tỳ kheo coi mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô ngã thì sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Có thể một người có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] thì sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã được định của sự chân-chính’. (3) Có thể một người đã bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ thì sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

101 (6) Niết-bàn

“Này các Tỳ kheo, (1) không thể nào một Tỳ kheo còn coi Niết-bàn là khổ đau mà sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Không thể nào một người không có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] mà sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’. (3) Không thể nào một người không bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, (1) có thể rằng một Tỳ kheo coi Niết-bàn là hạnh phúc thì sẽ có được cách-tin phù hợp [với giáo lý]. (2) Có thể một người có được cách-tin phù hợp [với giáo lý] thì sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã được định của sự chân-chính’. (3) Có thể một người đã bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân-chính’ thì sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

102 (7) Không Thường Hằng (vô thường)

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về tính *vô-thường* trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu

vi).¹²⁸¹ Sáu đó là gì? (Người đó nhận thức:) (1) ‘Theo ta thấy, mọi hiện tượng có điều-kiện đều không thường hằng. (2) Tâm của ta sẽ không khoái thích bất cứ thứ gì trong thế gian. (3) Tâm của ta sẽ vượt khỏi toàn thể thế giới. (4) Tâm của ta sẽ ngã hướng tới Niết-bàn. (5) Những công-cùm của ta sẽ bị dẹp bỏ.¹²⁸² Và (6) ta sẽ có được đời sống sa-môn tối thượng.’¹²⁸³

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi này, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về tính vô-thường trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”

103 (8) Rút Dao Ra (khô)

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự *khô* trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện. Sáu đó là gì? (1) ‘Nhận-thức về sự không-còn khoái-thích sẽ được thiết lập đối với mọi hiện-tượng có điều-kiện, dứt khoát như một kẻ giết người đã rút dao ra. (2) Tâm của ta sẽ vượt khỏi toàn thể thế giới. (3) Ta sẽ thấy Niết-bàn là bình an. (4) Những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) của ta sẽ bị búng bỏ. (5) Ta sẽ thành người đã làm xong trách phận. Và (6) ta sẽ phụng sự vị Sư Thầy với tâm-từ.’

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi này, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự *khô* trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”

104 (9) Không Tự Tánh (vô ngã)

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự *vô-ngã* trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện. Sáu đó là gì? (1)

‘Ta sẽ không có ngã [tự tính, bản ngã] nào trong toàn thể thế giới.¹²⁸⁴
 (2) Những sự tạo nên cái ‘ta’ (tự ngã) sẽ chấm dứt trong ta. (3) Những sự tạo nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp) sẽ chấm dứt trong ta. (4) Ta sẽ đi đến có-được (loại) trí-biết (minh) không phải được cùng-có bởi những người [phàm tục] khác (tức là trí-biết của người giác ngộ là không thể cùng-có được những người thế tục). (5) Ta sẽ rõ ràng nhìn thấy lý nhân-duyên. Và (6) ta sẽ rõ ràng nhìn thấy được những hiện-tượng khởi sinh một cách do nhân-duyên.’

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi này, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự vô-ngã trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”

105 (10) Sự Hiện Hữu

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự hiện-hữu cần được dẹp bỏ; [và] người tu nên tu luyện trong ba phần tu-tập.¹²⁸⁵ Cái gì là ba loại sự hiện-hữu cần được dẹp bỏ? Đó là (1) sự hiện-hữu trong cõi dục-giới, (2) sự hiện-hữu trong cõi sắc-giới, và (3) sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới: đây là ba loại sự hiện-hữu cần được dẹp bỏ. Người tu cần tu tập trong ba phần tu-tập nào? Đó là tu tập (4) phần giới-hạnh bậc cao (phần đại thọ giới), (5) phần tâm bậc cao (phần thiền chứng), và (6) trong phần trí-tuệ bậc cao (phần trí-tuệ giải thoát). Người tu nên tu luyện trong ba phần tu-tập này. (ba phần giới, định, tuệ bậc cao của người xuất gia)

“Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ba loại sự hiện-hữu này và đã hoàn thành ba phần tu-tập này, người đó được gọi là một Tỳ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã phá bỏ gông-cùm, và bằng cách đã hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

106 (11) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, có ba loại dục-vọng này, và ba loại sự tự-ta này, cần được dẹp bỏ.¹²⁸⁶ Cái gì là ba loại dục-vọng cần được dẹp bỏ? Đó là (1) Dục-vọng khoái-lạc giác-quan (nhục dục), (2) dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu dục), và (3) dục-vọng chấm dứt hiện-hữu (phi hữu dục): đây là ba loại dục-vọng cần được dẹp bỏ. Và cái gì là ba loại sự tự-ta cần được dẹp bỏ? Đó là (4) sự tự-ta (ngã mạn), (5) sự tự-ti (ty mạn), và (6) sự ngạo-mạn (quá mạn): đây là ba loại sự tự-ta cần được dẹp bỏ.

“Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ba loại dục-vọng này và ba loại sự tự-ta này, người đó được gọi là một Tỳ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã phá bỏ công-cùm, và bằng cách đã hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta, người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

[Ba NHÓM Thêm Vào Phần Thứ Hai]¹²⁸⁷

NHÓM 1

NHÓM “BA-ĐIỀU”

107 (1) Tham

(1) “Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Tham, (2) sân, và (3) si. Đây là ba điều. Ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ (loại bỏ, trừ bỏ, từ bỏ) ba điều này. Ba đó là gì? (4) Tính không hấp-dẫn (ô uế, không sạch) cần được tu tập để dẹp bỏ tính tham, (tức thiền quán về sự không-hấp dẫn ô-ước của thân... để dẹp bỏ sự tham dục, nhục dục). (5) Tâm-từ nên được tu tập để dẹp bỏ tính sân, (tức thiền quán về tâm-từ để dẹp bỏ sự sân hận, thù ghét, bức tức). (6) Trí-tuệ nên được tu tập để dẹp bỏ tính si. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

108 (2) Những Hành Vi Sai Trái (ác hành)

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Hành vi thân sai trái, (2) hành vi miệng sai trái, và (3) hành vi tâm sai trái. Đây là ba điều. Có ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Hành vi thân thiện lành nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi thân sai trái. (5) Hành vi miệng thiện lành nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi miệng sai trái. (6) Hành vi tâm thiện lành nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi tâm sai trái. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

109 (3) Những Ý Nghĩ

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Ý nghĩ tham-dục, (2) ý nghĩ ác-ý, và (3) ý nghĩ làm-hại. Đây là ba điều. Có ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Ý nghĩ từ-bỏ nên được tu tập để dẹp bỏ ý nghĩ tham-dục. (5) Ý nghĩ thiện-ý nên được tu tập để dẹp bỏ ý nghĩ ác-ý. (6) Ý nghĩ vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ ý nghĩ làm-hại. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

110 (4) Những Nhận Thức

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Nhận thức tham-dục, (2) nhận thức ác-ý, và (3) nhận thức làm-hại. Đây là ba điều. Có ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Nhận thức từ-bỏ nên được tu tập để dẹp bỏ nhận thức tham-dục. (5) Nhận thức thiện-ý nên được tu tập để dẹp bỏ nhận thức ác-ý. (6) Nhận thức vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ nhận thức làm-hại. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

111 (5) Những Yếu Tố

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Yếu tố tham-dục, (2) yếu tố ác-ý, và (3) yếu tố làm-hại. Đây là ba điều. Có ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Yếu tố từ-bỏ nên được tu tập để dẹp bỏ yếu tố tham-dục. (5) Yếu tố thiện-ý nên được tu tập để dẹp bỏ yếu tố ác-ý. (6) Yếu tố vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ yếu tố làm-hại. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

112 (6) Sự Thỏa Mãn

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Quan điểm về sự toại-nguyện (thỏa mãn), (2) quan điểm có cái ‘ta’ (ngã kiến), và (3) quan điểm sai trái (tà kiến). Đây là ba điều. Ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Nhận thức về sự vô-thường nên được tu tập để dẹp bỏ quan điểm về sự toại-nguyện. (5) Nhận thức về sự vô-ngã nên được tu tập để dẹp bỏ quan điểm có cái ‘ta’. (6) Quan điểm đúng đắn (chánh kiến) nên được tu tập để dẹp bỏ quan điểm sai trái. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

113 (7) Không Hài Lòng

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Sự không vui-lòng, (2) sự làm-hại, và (3) hành vi trái với Giáo Pháp. Đây là ba điều. Ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Sự tùy-hỷ nên được tu tập để dẹp bỏ sự không vui-lòng. (5) Sự vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ sự làm-hại. (6) Hành vi đúng theo Giáo Pháp nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi trái với Giáo Pháp. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

114 (8) Biết Hài Lòng

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Sự không biết hài-lòng, (2) sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và (3) những tham-muốn mạnh mẽ. Đây là ba điều. Ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Sự biết hài-lòng nên được tu tập để dẹp bỏ sự không biết hài-lòng. (5) Sự rõ-biết (tỉnh giác) nên được tu tập để dẹp bỏ sự thiếu rõ-biết. (6) Sự ít tham-muốn nên được tu tập để dẹp bỏ sự tham-muốn mạnh mẽ. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

115 (9) *Khó Tu Sửa*

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Sự khó tu sửa được, (2) sự có bạn bè xấu, và (3) sự xao lãng tâm trí. Đây là ba điều. Ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Sự dễ tu sửa được nên được tu tập để dẹp bỏ sự khó tu sửa được. (5) Sự có bạn tốt nên được tu tập để dẹp bỏ sự có bạn xấu. (6) Sự chánh-niệm nên được tu tập để dẹp bỏ sự xao lãng tâm trí. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

116 (10) *Sự Bất An*

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này. Ba đó là gì? (1) Sự bất-an, (2) sự không kiềm-chế, và (3) sự lơ-tâm phóng dật. Đây là ba điều. Ba điều [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều này. Ba đó là gì? (4) Sự tĩnh-lặng nên được tu tập để dẹp bỏ sự bất-an. (5) Sự kiềm-chế nên được tu tập để dẹp bỏ sự không kiềm-chế. (6) Sự chuyên-chú nên được tu tập để dẹp bỏ sự lơ-tâm phóng dật. Đây là ba điều sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

NHÓM 2

ĐỜI SỐNG SA-MÔN

117 (1) *Quán Sát Thân*¹²⁸⁸

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, người tu là không có khả năng quán sát (thiền quán) *thân trong thân* [THÂN]. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú

gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các giác-quan [các căn cảm nhận], và không tiết độ trong ăn uống. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có khả năng quán sát thân trong thân.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng quán sát thân trong thân. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc ... và không tiết độ trong ăn uống. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng quán sát thân trong thân.”

118 (2) Quán Xét Thân Ở Bên Trong...

“Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, người tu là không có khả năng quán sát thân trong thân ở bên trong ... ở bên ngoài ... ở cả bên trong và bên ngoài quán sát *những cảm-giác trong những cảm-giác* [THỌ] ... những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên trong ... ở bên ngoài ... ở cả bên trong và bên ngoài quán sát *tâm trong tâm* [TÂM] ... tâm trong tâm ở bên trong ... ở bên ngoài ... ở cả bên trong và bên ngoài quán sát *những hiện-tượng trong những hiện-tượng* [PHÁP] ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng ở bên trong ... ở bên ngoài ... ở cả bên trong và bên ngoài. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các giác-quan [các căn cảm nhận], và không tiết độ trong ăn uống. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không có khả năng quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác những hiện-tượng trong những hiện-tượng ở cả bên trong và bên ngoài.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng quán sát thân trong thân ở bên trong những hiện-tượng trong những hiện-tượng ở cả bên trong và bên ngoài. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc ... và không tiết độ trong ăn uống. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng quán sát thân trong thân.”

119 (3) Tapussa

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, gia chủ Tapussa đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử. Sáu đó là gì? Niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật, niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, niềm-tin bất lay chuyển vào Tăng Đoàn, giới-hạnh thánh thiện (của bậc thánh), sự hiểu-biết thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện. Có được sáu phẩm chất này, gia chủ Tapussa đã đạt tới sự chắc-chắn về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử.”¹²⁸⁹

120 (4) — 139 (23) Bhallika ...

“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, gia chủ Bhallika ... gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) ... gia chủ Citta ở Macchikāsaṇḍa ... gia chủ Hatthaka ở Ālavī ... gia chủ Mahānāma (Đại Danh) người tộc Thích-ca ... gia chủ Ugga ở Vesālī ... gia chủ Uggata ... gia chủ Sūra ở Ambaṭṭha ... gia chủ Jīvaka Komārabhacca ... gia chủ Nakulapitā (cha của Nakula) ... gia chủ Tavakaṇṇika ... gia chủ Pūraṇa ... gia chủ Isidatta ... gia chủ Sandhāna ... gia chủ Vijaya ... gia chủ Vajjiyamāhita ... gia chủ Meṇḍaka ... đệ tử tại gia Vāsetṭha ... đệ tử tại gia Ariṭṭha ... đệ tử tại gia Sāragga đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử. Sáu đó là gì? Niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật, niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, niềm-tin bất lay chuyển vào Tăng Đoàn, giới-hạnh thánh thiện (của bậc thánh), sự hiểu-biết thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện. Có được sáu phẩm chất này, gia chủ Tapussa đã đạt tới sự chắc-chắn về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử.”

NHÓM 3

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

140 (1)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, sáu điều (pháp tu) cần được tu tập. Sáu đó là gì? Sự nhìn-thấy vô thường, sự-nghe vô thường, sự có-được vô thường, sự tu-tập vô thường, sự phục-vụ vô thường, và sự tưởng-niệm (tùy niệm) vô thường. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, sáu điều này cần được tu tập.”

141 (2)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, sáu điều (pháp tu) cần được tu tập. Sáu đó là gì? Sự tưởng niệm về Phật, sự tưởng niệm về Giáo Pháp, sự tưởng niệm về Tăng Đoàn, sự tưởng niệm về giới-hạnh, sự tưởng niệm về tâm rộng-lòng bố thí, và sự tưởng niệm về những thiên-thần. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, sáu điều này cần được tu tập.”

142 (3)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, sáu điều (pháp tu) cần được tu tập. Sáu đó là gì? Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, nhận-thức về sự đẹp-bỏ, nhận-thức về sự chán-bỏ, và nhận-thức về sự chám-dứt. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, sáu điều này cần được tu tập.”

143 (4) — 169 (30)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu* về tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* tham ... *sự phai-biến* tham ... *sự chấm-dứt* tham ... *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham Để có *sự từ-bỏ* tham, sáu điều này cần được tu tập.”

170 (31) — 649 (510)¹²⁹⁰

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* ... *sự hoàn-toàn hiểu* ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-mất* ... *sự phai-biến* ... *sự chấm-dứt* ... *sự buông-bỏ* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... *sự tức-giận* ... *sự hung-bạo* ... *sự chê-bai* ... *sự hỗn-xược* ... *sự ganh-ty* ... *sự ti-tiện* ... *sự lừa-dối* ... *sự mưu-mẹo* ... *sự bướng-bỉnh* ... *sự thái-quá* (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... *sự tự-ta* (ngã mạn) ... *sự kiêu-ngạo* ... *sự nhiễm-độc* ... *sự lơ-tâm phóng dật* Để có *sự từ-bỏ* *sự lơ-tâm phóng dật*, sáu điều này cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

—HẾT QUYỂN 6—

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản **PTS**)

Ce: phiên bản Tích Lan (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja: = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddeśa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Pet = Petakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsīnī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vây* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiền sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các

luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

1087 ► (Về số “sáu” và tên *Quyển* “Sáu”: coi chú thích đầu tiên của *Quyển* “Một”, sự giải thích tương tự về các số thứ tự và tên của *QUYỂN* kinh từ “Một” ... “Mười”.)

1088 [Nguyên văn câu này: *N’eva sumano hoti na dummano, upekkhako viharati sato sampajāno*. **Mp** giải nghĩa: “Không vui: không [đầy] vui thích đi kèm bởi tham-dục đối với một đối tượng dễ ưa đáng thích. Không buồn: không [đầy] sân-bực đối với một đối tượng khó ưa đáng ghét. Nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết (tỉnh giác): ở đây không phải nghĩa người đó buông xả do tâm rớt vào trạng thái ‘buông xả hay trung tính do không-biết’ (*aññāṇ’upekkhā*) nghĩa là thờ ơ, trơ không, vô ý thức đối với một đối tượng trung-tính; mà ở đây có nghĩa là: do có chánh-niệm và tỉnh-giác, người đó giữ được sự trung-dung (không thích không ghét, không này không nọ, bình tâm) đối với một đối tượng. Trong kinh này, ở đây, là chỉ về sự an trú trường trực của một A-la-hán.] (1251)

1089 [Coi kinh 5:139, ở đó ví dụ được thay bằng ‘một con voi đực của vua’.] (1253)

1090 [Sáu điều vô thượng này được lặp lại và nói thêm ở kinh 6:30 ở dưới.] (1254)

1091 [Sáu sự tưởng niệm này được nói lại ở kinh 6:10 và kinh 6:25 ở dưới.] (1255)

1092 [Nguyên văn câu này: *Ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano*. **Mp** nói rằng Mahānāma chỉ đang hỏi về những sự trợ giúp quan trọng nhất (sống còn) của bậc Nhập-lưu (*sotāpannassa nissayavihāram*).] (1256)

1093 [Sáu sự tưởng niệm sau đây cũng được giảng luận chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism**, chương 7.] (1257)

1094 [Nguyên văn câu cuối này: *Visamagatāya pajāya samappatto*. **Mp** giải thích: “Giữa những chúng sinh đã bị mất cân bằng (*visamagatesu*) bởi tham,

sân, si, người đó chứng đắc sự bình an và bình lặng (*samaṃ upasamaṃ patto hutvā*).” Từ cách giải nghĩa này cho thấy **Mp** coi chữ Pāli *sama* là đồng nghĩa với chữ *śama* trong tiếng Phạn [bình an]. Nhưng do lời kinh có thiết lập sự tương phản giữa trạng thái *visama* [không cân bằng, mất cân bằng, mất thăng bằng, hoặc không chân chính, không đúng đắn] là bản chất cách sống của người phạm tục và trạng thái *sama* mà bậc thánh tu chứng được, thì đúng hơn rằng chữ Pāli *sama* là tương ứng với chữ *sama* trong tiếng Phạn (không phải *śama*). Hai bản kinh tương đương trong Hán tạng cũng ủng hộ nghĩa này. Trong luận giảng Hán tạng **SĀ² 156**, chỗ **T II 432c15–16**, có ghi: 怨家及己親族。於此二人。無怨 憎想。心常平等 (*Dù đối với kẻ thù hay người thân thuộc, người tu đều không có ý nghĩ hung bạo mà tâm luôn được cân bằng*). Luận giảng khác của Hán tạng **T 1537.8**, chỗ **T XXVI 492c13–15**, có ghi 於不平等 諸有情類。得住平等。於有惱害諸有情類。住無惱害 (*Giữa những chúng sinh mất cân bằng, người đó đạt được sự cân bằng; giữa những chúng sinh khổ ải, người đó sống không khổ ải*). Cho dù trái với cách hiểu của **Mp** về chữ *sama*, cách diễn dịch này cũng xác thực được nghĩa của bài kinh.] (1258)

1095 [*Dhammasotaṃ samāpanno*. **Mp** giải nghĩa là: “Người đó đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp gồm có minh-sát tuệ”. Vì cách diễn đạt tiếng Pāli dễ dàng hiểu được đó là nói về trí của thánh đạo (*sotāpanna*), nên tôi không hiểu tại sao **Mp** diễn dịch chữ *dhammasota* thành minh-sát (*vipassanā*) thay vì nghĩa là thánh đạo (*ariyamagga*). Trong kinh **SN 55:5** (quyển 5), 24–25, chữ *sota* được dùng như một ẩn dụ để chỉ Bát thánh đạo.] (1259)

1096 [Sáu loại đầu là những thiên thần thuộc sáu cõi trời dục-giới. Những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời *Brahmā* (*brahmakāyikā devā*) là những thiên thần của cõi trời *Brahmā* (phạm thiên giới) đó. Còn “những thiên thần cao hơn những thiên thần đó” là những thiên thần bậc cao hơn ở những cõi trời sắc-giới và vô-sắc-giới.] (1260)

1097 (Sự “học-hiểu” (học thức) được dịch ở đây nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “hiểu được ý-nghĩa” hay các thuật ngữ “hoàn-toàn hiểu” (liễu tri), “trực-tiếp biết” (tự trí, thấy biết).)

1098 (Những đoạn lời mẫu người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc {...} là giống nhau; kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (1)-(6) như vậy chứ không ghi tóm lược từ đoạn (2)... như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành **11:11** cũng ghi đầy đủ vậy). Người dịch Việt nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tương-niệm nào cũng quan trọng

và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tướng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.)

1099 [*Dhammā sārāṇīyā: nguyên tắc để hòa hợp.* **Mp** giải nghĩa chữ *sārāṇīyā* như nó có nghĩa là “phù hợp để được nhớ, đáng được nhớ” (*saritabbayuttakā*), nhưng học giả Edgerton, trong quyển **BHSD** (trang 593), thì coi chữ *saṃrañjana*, *saṃrañjanīya* có nghĩa là “lịch sự, dễ mến, lễ phép, thân thiện” là đúng với nghĩa của chữ tương đương trong tiếng Phạn. Năm trong sáu nguyên tắc này cũng đã được nói trong kinh **5:105**, trong kinh đó chúng được gọi là “những phương tiện để sống một cách thư thái an ổn” (*phāsuvihārā*).] (1261)

1100 [Nguyên văn chữ này: *appaṭivibhattabhogī*. **Mp** giải thích có hai cất giữ hay giữ lại (*dve paṭivibhattāni*), đó là sự giữ lại cho mình và sự giữ lại cho người khác. Giữ lại cho mình là người đó muốn cho đi phần nào và giữ lại phần nào cho riêng mình. Giữ lại cho người khác là người đó muốn giữ lại để cho một người nào đó, chứ không cho đưa ra hết cho mọi người. Một Tỷ kheo thì không được giữ lại theo những nghĩa đó.] (1262)

1101 (Thực ra kinh này giống hệt kinh kê trên, chỉ khác câu dẫn nhập và câu kết thúc này.)

1102 [*Nissāraṇīyā dhātuyo: những yếu tố của (tạo nên) sự thoát-khỏi.* So sánh kinh **5:200** trong đó mô tả một bộ năm yếu-tố khác tạo nên sự thoát-khỏi.] (1263)

1103 [*Arati: sự không vui-lòng.* Chữ này thường có nghĩa chỉ sự không thỏa mãn hay không thỏa lòng với đời sống xuất gia tu hành.] (1264)

1104 [Lời kinh ở đây dùng chữ *rāga*, trong ngữ cảnh này có lẽ chỉ những ‘thiên hướng cá nhân’ hơn là chỉ tham-dục. Thú vị là, trong kinh **MN 424**,33–34, chữ *upekkhā* (xả) là đối nghĩa với chữ *paṭigha* (ghét, bức, chê), là chữ đối cực của chữ *rāga* (tham, muốn). Chiếu theo nghĩa của chữ *upekkhā* (xả) là một trạng thái cân-bằng bên trong đối với cả hai sự đáng thích hấp dẫn và sự đáng chê đáng bức, thì sẽ suy ra chỗ này không đáng ngạc nhiên nếu chữ *xả* được đưa ra làm thuốc giải độc cho hai tính tham và chê.] (1265)

1105 [*Animittā cetovimutti: sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm.* **Mp** giải thích: “Sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm là: sự minh-sát mạnh mẽ (*balavavipassanā*). Nhưng những người đọc theo Bộ Kinh Dài (**DN**) thì nói đó là sự chứng thiền của thánh q uả A-la-hán (*arahattaphalasamāpattī*); nó được coi là vô dấu-

hiệu vì nó không có những dấu hiệu của tham, sân, si, những dấu hiệu của sắc, vô-sắc..., và những dấu hiệu của sự hữu-thường, hữu-ngã... (*sā hi rāga-nimittādīnañc’eva rūpanimittādīnañca niccanimittādīnañca abhāvā animittā ti vuttā*).] (1266)

1106 [*Nimittānusārī*: chạy theo những dấu hiệu. **Mp** giải thích: “Chạy theo những dấu hiệu là: chạy theo những dấu hiệu đã nói trên.” Và “những dấu hiệu được nói trên” đã được nói trong chú thích kể trên.] (1267)

1107 [Theo sự tương quan giữa những giai đoạn chứng-ngộ và sự loại bỏ ô-nhiễm thì sự nghi-ngờ và hoang-mang cùng với quan điểm có cái ‘Ta’ (ngã kiến) sẽ được loại bỏ bằng sự chứng đắc thánh quả Nhập-lưu, và cái ‘Ta’ (ngã) sẽ được loại bỏ bằng thánh quả A-la-hán [coi **SN 22:89** (quyển 3)]. Còn trong đoạn kinh này, sự còn nghi-ngờ chỉ là một tiêu chí để chỉ ra rằng người tu chưa loại bỏ được cái ‘Ta’ (ngã mạn) mà thôi.] (1268)

1108 [“Sống qua hay trải qua thời gian của mình” là tạm dịch nghĩa. Nguyên văn chữ gốc là *vihāraṃ kappeti* có nghĩa gốc là: “thu xếp nơi ở của mình”. Chữ *kappeti*, gọi tả về cách qua đời, cũng được dùng trong những cách diễn tả như chữ *jīvitam kappeti*: kiếm sống, tạo nên cuộc sống, như chữ *vāsam kappeti*: làm chỗ ở, tạo nên chỗ ở, trú ở, như *nisajjam kappeti*: ngồi, ngồi xuống ...] (1269)

1109 [Nguyên văn câu này: *Na bhaddakam maraṇam hoti, no bhaddikā kāla-kiriya*. Tiếng Pāli thường dùng cặp đôi hai từ để chỉ về cái chết là *maraṇa* và *kālakiriya*. **Mp** cho rằng “không có cái chết tốt lành” có nghĩa là bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa (*apāye paṭisandhim gaṇhāti*).] (1270)

1110 [Nguyên văn câu này: *Kammārāmo hoti kammarato kammārāmatam anuyutto*. Trong ngữ cảnh bài kinh, chữ *kamma* có nghĩa là công việc xây dựng, rất phổ biến trong những chùa chiềng, tu viện, như xây, sửa, nâng cấp những phòng ốc, chỗ này chỗ nọ.] (1271)

1111 [Nguyên văn câu này: *Papañcārāmo hoti papañcarato papañcārāmatam anuyutto*. **Mp** nói: “Sự tăng phóng ở đây là sự bội tăng của những ô-nhiễm xảy ra theo dục-vọng, tà-kiến này nọ, và sự tự-ta (ngã mạn), và sự nhiễm-độc” (*papañco ti taṇhādiṭṭhimānavasena pavatto madanākārasaṇḥito kilesapa-paṇco*).

- Về chữ *papañca*, coi thêm chú thích ở kinh **4:173**, chú thích ở đoạn (1) thứ

hai, tức chú thích có đuôi số (881).] (1272)

1112 [*Sakkāya*: nghĩa là ‘thân’, danh tánh, sự hiện-hữu cá thể. **Mp** giải nghĩa đó là: “Vòng luân hồi hiện-hữu trong ba cõi giới” (*tebhūmakavaṭṭam*).] (1273)

1113 [Nguyên văn là: *magō*, nghĩa gốc là “một thú vật”. **Mp** giải nghĩa đó là: “Người như thú” (*magasadiso*).] (1274)

1114 [Chữ gốc là *sāpekkho*. **Mp** giải nghĩa là *satanho*: với *dục-vọng*, còn mang theo *dục-vọng*, nhưng tôi tin nghĩa kinh ở đây có lẽ chỉ là “còn sự lo lắng, còn lo âu, còn ưu sầu”. Tiếng Pāli chữ *apekkhā* (lo, lo lắng) có thể chứa cả hai nghĩa ‘sự dính buộc’ và ‘sự lo lắng’.] (1275)

1115 [**Mp** nói: do vợ ông ta không có thể chữa trị cho ông bằng thuốc thang, nên bà ta đã cắt “tiếng gầm sư tử” (*sīhanāda*) để trị tâm bệnh của ông bằng cách tuyên bố một câu chân lý (*saccakiriya*) như vậy.] (1276)

1116 [Nguyên văn câu cuối: *bhaṭṭhakam brahmacariyam*. Không có gì lạ thường trong truyền thống Phật giáo có những cặp vợ chồng đã có con nhưng do họ hiểu đạo nên đã đồng ý với nhau giữ giới độc-thân (tức không quan hệ tính dục, giữ tám giới).]

1117 [Vì cấu trúc của điều (4) này là song hành với điều (5) và (6) ở dưới, chứ không song hành với ba điều đầu tiên, cho nên rõ ràng chữ *mam’accayena* không thuộc về chỗ này. Mặc dù cách ghi này đều có trong tất cả ba phiên bản đã được in, nhưng theo một chú giải bằng tiếng Tích Lan cổ [Sinhala] trong phiên bản **Ee** thì bỏ chữ này. Giống như ở hai điều cuối, câu này không có động từ tương lai là *bhavissati*. Thêm nữa, ngay chỗ này, cùng cách tuyên bố ‘sự-thật hiện-tại’ (cũng như hai điều cuối): lúc này Nakulamātā khẳng định bà ta *hiện tại* đã hoàn thiện về giới-hạnh, và nói rằng ai còn nghi ngờ thì có thể đến hỏi nhờ Phật xác minh. Như vậy, vì Nakulamātā đang nói về sự-thật *đang có rồi*, cho nên bà ta không cần nói tới lúc chồng bà qua đời là thì tương lai nữa, (chẳng hạn bà ta không cần phải nói: ‘khi ông chết tôi sẽ hoàn thiện giới-hạnh’). **Mp** cho rằng điều 4-6 là ba sự tuyên bố về sự-thật của Nakulamātā.] (1279)

1118 [Nguyên văn câu này: *Na ... imasmiṃ dhammavinaye ogādhappattā patigādhappattā assāsappattā*. Tất cả những yếu tố này đều để chỉ *phẩm chất tối thiểu là thánh quả Nhập-lưu*. Điều thú vị là bà ta đã tuyên bố mình đã đạt được chân-đứng trong Giáo Pháp và giới-luật (*dhammavinaya*) này, điều này

cho thấy trong một số ngữ cảnh chữ luật (*vinaya*) mang một nghĩa rộng hơn cái nghĩa chính là những điều luật, giới luật.] (1280)

1119 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”).

1120 [Nguyên văn câu cuối là: *Yāvadattham seyyasukham passasukham middhasukham anuyutto viharanto*. Trong kinh **5:206**, đoạn (4), cũng có nói về sự ‘thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ’, trong kinh đó những tật xấu này được gọi là *sự trói-buộc của tâm* (*cetaso vinibandha*).] (1281)

1121 [Về năm điều cần tu tập được nói trong đoạn kết này: quý vị coi thêm kinh **5:56**.] (1282)

1122 [Điều thú vị là: “*sự chánh-niệm về cái-chết lại dẫn đến kết cuộc đỉnh cao là sự bất-tử.*”] (1283)

1123 [Nguyên văn câu này: *Bahum vata me kataṃ assa*. **Mp** giải nghĩa là: “Con có thể thành tựu nhiều trong việc tu của con đối với giáo lý đó.” (*sāsane mama kiccaṃ bahu kataṃ assa*). **Mp-t** giải thích là: “Ta sẽ thành tựu nhiều trong việc tu của ta là một Tỷ kheo, điều đó sẽ có ích lợi cho ta.”] (1285)

1124 [**Mp-t** giải thích: “*Một bữa cơm khát thực*: là một bữa cơm khát thực có thể nuôi sống thân trong một ngày.” Cái ý mà thành ngữ Pāli *tadantaram . . . yadantaram* muốn nói ở đây không phải là người đó muốn sống đủ lâu để ăn một bữa cơm duy nhất, mà ý là, người đó ý thức rõ về *sự không chắc-chắn về cái chết sẽ đến bất cứ lúc nào*, nên người đó muốn được sống thêm *một khoảng thời gian* cho dù ngắn ngủi [chỉ bằng thời gian ăn một bữa cơm khát thực] để có thể tu tập Giáo Pháp. Nói cách khác, nếu thời gian để ăn một bữa cơm trong im lặng là khoảng 20 phút, người đó hy vọng được sống thêm một khoảng thời gian đó. (Nghĩa trong tiếng Việt có thể là: “*Không biết mình sẽ chết bất cứ lúc nào, nên luôn coi thời gian ‘khoảng 20 phút’ cũng là quý báu, do vậy phải nên chú tâm tu tập theo Giáo Pháp để hy vọng thành tựu được ít nhiều trước khi chết*”. Đó là một cách quán niệm về cái chết.)] (1286)

1125 (Những khả năng gây chết này cũng có ghi trong kinh **5:77**, đoạn (2), trong kinh đó chúng được gọi là ‘*những hiểm-họa tương lai*’ của một người sống tu

trong rừng.)

1126 [Tám dòng kệ cuối cũng có trong kinh **3:36**. Ở đây, cả ba phiên bản đều ghi là *te khemappattā* trong câu kệ cuối.] (1289)

1127 [Lời kinh dùng chữ số ít *himavantam pabbatarājam*. Tôi tạm dịch chữ *himavantam* ở thể số nhiều là “dãy núi Himalaya” mặc dù theo sau đó là câu thể số ít “vua” của những ngọn núi.] (1292)

1128 (Trú xứ: lĩnh vực, lãnh địa. Một câu trong kinh **MN 33** giải nghĩa: “Này các Tỷ kheo, theo cách nào một Tỷ kheo là thiện khéo về những trú xứ? Ở đây, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo hiểu được *bốn nền tảng chánh-niệm* (*satipaṭṭhāna*, tứ niệm xứ) đúng như chúng thực là. Này các Tỷ kheo, đây là cách một Tỷ kheo là thiện khéo về những trú xứ.)

1129 [**Mp** giải thích: “*Thiện khéo về chứng-nhập trong định* (*samādhissa samāpattikusalo*): người đó thiện khéo trong việc chứng đắc định, sau khi hiểu rõ loại thức ăn và khí hậu nào là phù hợp (?). *Thiện khéo về thời-gian chứng-nhập trong định* (*samādhissa ittikusalo*): người đó có khả năng duy trì sự định-tâm (tức trạng thái nhập định, tầng thiền định). *Thiện khéo về sự thoát-ra khỏi định* (*samādhissa vutthānakusalo*): người đó có thể thoát ra khỏi trạng thái định (tầng thiền định) vào một thời điểm đã định trước (trước khi nhập định). *Thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định* (*samādhissa kallitakusalo*): người đó có thể làm hoan hỷ cái tâm để đạt định, làm cho nó thích hợp để nhập định. *Thiện khéo về trú-xứ của định* (*samādhissa gocarakusalo*): sau khi tránh những điều không phù hợp và không hữu ích cho sự đạt định, người đó theo đuổi những điều phù hợp và hữu ích để đạt định, người đó biết ‘*Sự định tâm này lấy một dấu-hiệu (tướng) làm đối-tượng của nó; sự định tâm này lấy một đặc-tính làm đối-tượng của nó.*’ Còn *thiện khéo về giải-pháp đối với định* (*samādhissa abhinīhārakusalo*) là: để chứng nhập vào những tầng thiền định cao hơn và cao hơn, người đó có khả năng hướng [tâm] tới trạng thái định của tầng thiền định thứ nhất và thứ hai...”

- **Mp-t** bổ sung thêm mấy thông tin về các kỹ năng này như vậy: “*Thiện khéo về sự phù-hợp* là: có khả năng làm cho tâm chứng nhập [định] bằng cách loại bỏ những trạng thái ngược lại và bằng cách áp dụng một cách cân-đối điều hòa các nguyên nhân phối hợp cho sự định-tâm. *Thiện khéo về trú-xứ*: là thiện khéo về những điều cần phải làm để tạo ra sự định-tâm; thiện khéo về nơi mà nó diễn ra, tức là đề-mục thiền; và thiện khéo về sự kết hợp ‘sự chánh-niệm và sự rõ-biết’ để đến một nơi chốn để khát thực. *Thiện khéo về giải-pháp*: có khả

năng hướng dẫn hay dẫn dắt [tâm] đến trạng thái định của tầng thiền định thứ nhất, thứ hai... bởi vì những tầng thiền định đó thuộc về sự (trình độ, tu bậc) khác-biệt.” Để coi thêm những kỹ năng cần có để làm-chủ về thiền định, coi thêm kinh 7:40, 7:41, và toàn bộ Chương 34 (quyển 3) của *Bộ Kinh Liên Kết* (SN).] (1291)

1130 (Nghĩa bóng ở đây là: người tu tập được những điều như vậy là rất hùng mạnh, có thể chế phá cả dãy núi Hymalaya cao lớn chắc chắn đó, sá chi việc phá vỡ sự vô-minh ‘được so là chuyện nhỏ và dễ phá hơn nhiều’.)

1131 [**Mp** giải nghĩa chữ *anussatiṭṭhānāni* là *anussatikāraṇāni*: những nguyên nhân tưởng niệm, trong đó **Mp-t** lại nói: “Bản thân những sự tưởng niệm là ‘những nguyên nhân tưởng niệm’ trong đó chúng có chức năng là nguyên nhân (*hetubhāvato*) dẫn tới những ích lợi và hạnh phúc thuộc kiếp này và kiếp sau.] (1292)

1132 [“Này các Tỳ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan” (*Idampi kho bhikkhave ārammaṇaṃ karitvā*). Trong 05 bộ kinh Nikāya, chữ *ārammaṇa* không có nghĩa là “đối-tượng của thức” theo cách dùng thông thường, chỉ có trong Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*) và các luận giảng thì chữ đó mới được nói theo nghĩa đó. Nhiều chỗ trong các bộ kinh chữ *ārammaṇa* có thể chỉ một đối-tượng thiền, cho dù vai trò này thường được dùng bằng chữ *nimitta*, và nó không nhất thiết có nghĩa là “dấu-hiệu đối ứng” như trong các giảng luận thường nói. Tôi không dịch lời kinh ở đây để nói rằng người tu lấy sự tưởng niệm Phật là một đối-tượng, mà người tu làm nó thành một cơ sở, hay điểm xuất phát, để rời khỏi tham. Về nghĩa này, tôi đã lấy sự ủng hộ từ luận giảng **Mp-t**, trong đó có giải thích chữ *ārammaṇaṃ karitvā* như vậy: “Sau khi đã làm nó thành một điều-kiện (duyên), làm nó thành một nền-tảng (xứ)” (*paccayaṃ karitvā pāḍakam katvā*).

- **Mp-t** coi chữ “này” (*idam*) trong bỏ đề trên là chỉ trạng thái cận định (*upacārājjhāna*) đạt được nhờ sự tưởng niệm Phật. **Mp** thì giải thích chữ “được thanh lọc” (*visujjhanti*) ở đây có nghĩa là: “họ đạt tới Niết-bàn, sự thanh lọc tối thượng.”.] (1293)

1133 [**Mp** giải thích: Chữ “giữa nơi bị giam cầm (*sambādhe*): là giữa sự bị giam hãm trong năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan. “Đã khám phá ra lối-mở (*okāsādhigamo*): lối mở ở đây là sáu chủ-đề để tưởng niệm (quán tưởng, tùy quán) mà Phật đã khai mở.] (1294)

1134 [Trong kinh kể trước câu cuối này ghi là *idh'ekacce sattā visujjhanti*, trong kinh này thì ghi là *idh'ekacce sattā visuddhidhammā bhavanti*. Nhưng nghĩa không khác gì nhau.] (1295)

1135 [Nguyên văn câu này: *Manobhāvanīyassa bhikkhuno dassanāya upasaṅkamitum*. Các luận giảng đều giải thích chữ *manobhāvanīyā* có nghĩa là “những người gia tăng sự kính trọng”, hay “những người đáng được kính trọng” hơn là nghĩa “những người đã tu tập cái tâm”. Trong **Spk II 250,1–2** nói những Tỷ kheo đó là những *manobhāvanīyā*: những người, khi mình gặp, làm cho tâm (của mình) gia tăng sự thiện lành (*yesu hi diṭṭhesu kusalavasena cittaṃ vaḍḍhati*).] (1296)

1136 [Nguyên văn câu này: *Yaṃ nimittaṃ āgamma yaṃ nimittaṃ manasikaroto anantarā āsavānaṃ khayoti*. Về “sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm”, mời coi lại chú thích trong kinh **4:162**, chú thích (851). (Coi thêm kinh **SN 22:81** về thuật ngữ này).] (1297)

1137 [**Mp** giải thích nghĩa câu cuối là: “Trong thời đó khi nên được tu tập để loại bỏ sự đang ngồi trong sự an trú ban ngày thì nó xảy ra ngay cửa-tâm của người đó.”] (1298)

1138 [*Adhicittaṃ*: tâm bậc cao, thượng tâm. **Mp** giải nghĩa đó là chỉ: “Cái tâm của định và minh-sát tuệ”. Tỷ kheo Udāyī (tức Lāludāyī) thường nói sai lầm ngộ nhận trong những lời nói của thầy ấy về những luận điểm giáo pháp, và do vậy thường bị Phật quở trách.] (1299)

1139 [Thật đáng ngạc nhiên: đây có lẽ là chỗ duy nhất trong toàn bộ Kinh Tạng Nikāya mà ba tầng thiền định (*jhāna*) đã được đề cập đến như một “chủ-đề tưởng niệm” (*anussatiṭṭhāna*). Trong kinh cũng như trong luận giảng **Mp** cũng không giải thích lý do tại sao tầng thiền định thứ tư lại bị tách riêng thành một “chủ-đề tưởng niệm” riêng (chủ đề thứ (5) bên dưới). Thật ra, việc dùng cái tên “chủ-đề để tưởng niệm” (*anussatiṭṭhāna*) để đặt cho năm sự quán-tưởng được nói ra bởi thầy Ānanda, và chủ-đề thứ sáu được nói ra bởi Phật, có vẻ là trường hợp ‘có một không hai’ trong Kinh Tạng.] (1300)

1140 [Nguyên văn câu này: *Yathā divā tathā rattiṃ, yathā rattiṃ tathā divā*. Cũng giống trong kinh **4:41**. **Mp** giải thích nghĩa là: “Vào ban ngày người đó chú tâm tới nhận-thức về ánh sáng, ban đêm người đó cũng chú tâm như vậy. Vào ban đêm người đó chú tâm tới nhận-thức về ánh sáng, ban ngày người đó cũng chú tâm như vậy.”]

- Trong câu tiếp theo: “*đạt tới trí-biết và tầm-nhìn*”: ở đây là chứng ngộ mắt thiên-thánh (thiên nhãn minh), được gọi một cách khác là trí-biết và tầm-nhìn.] (1031)

1141 [Từ (i)-(ix) là 09 sự quán xét hay quán niệm về tử thi ở nghĩa địa, như đã được nói rõ trong các kinh quan trọng như Kinh Nền Tảng Chánh-Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta, Niệm Xứ), tức **DN 22.7–10**; **MN 10.12–30**.] (1302)

1142 [Câu này chắc hẳn muốn nói: tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) là cơ-sở để chứng được sáu loại ‘*trí-biết trực tiếp*’ (sáu minh, sáu tự trí).] (1303)

1143 [Nguyên văn Pāli câu này: *dassanānuttariyaṃ, savanānuttariyaṃ, lābhānuttariyaṃ, sikkhānuttariyaṃ, pāricariyānuttariyaṃ, anussatānuttariyaṃ*.] (1304)

1144 [*Sự hiếu khách, sự tiếp đãi (paṭisanthāra)*. Kinh **2:152** có nói hai loại tiếp đãi: tiếp đãi bằng những thứ vật chất (thức ăn, chỗ ở...) và tiếp đãi bằng Giáo Pháp.] (1305)

1145 [Ba loại nhận-thức cuối được giảng giải trong kinh **10:60**, đoạn (5), (6), (7).] (1306)

1146 [*Ācamayitvāna*: làm sạch bản thân. **Mp** giải thích nghĩa gốc là: người đó rửa sạch tay chân và súc miệng sạch sẽ.] (1307)

1147 [Nguyên văn: *Natthi attakāro, natthi parakāro*. Nghĩa gốc là: “Không có sự tự-mình-làm, không có sự người-khác-làm.” Tiếp theo, Đức Phật đã bác bỏ quan điểm này của ông bằng cách chỉ ra sự thật rõ ràng rằng ông bà-la-môn đi tới và đi lui theo ý-chí tự do (*sayam*) của mình (mà làm sao không có sự tự phát tự làm của mỗi người).] (1308)

1148 [*Ārambhadhātu*: tạm dịch là yếu tố tự-phát. **Mp** giải thích đó là: “*năng lượng xảy ra bằng sự khởi-sự (một hành động)*” (*ārabhanavasena pavattaviriyaṃ*). Hai yếu tố tiếp theo bên dưới, là *nikkamadhātu* và *parakamadhātu*, có thể được hiểu tương ứng là năng lượng cần có để duy trì một hành động và năng lượng cần có để hoàn thành nó. Ba yếu tố được đưa ra như thuốc giải cho chướng ngại “*đờ-đẫn và buồn-ngủ*” như lời trong kinh **1:18** và kinh **SN 46:51** (quyển 5), và là phương tiện tu dưỡng *yếu-tố giác-ngộ* là *sự nỗ-lực* (tinh tấn) như trong kinh **SN 46:2** (quyển 5).] (1309)

1149 [**Mp** không phân biệt ba yếu tố cuối ở đây là—*thāmadhātu*, *ṭhitidhātu*, và *upakkamadhātu*—mà đơn giản cho rằng chúng chỉ là những danh từ khác nhau để chỉ sự nỗ-lực mà thôi.] (1310)

1150 (Như chú thích thứ nhất ở kinh 5:201:) [**Be** và **Ee** đọc là *veḷuvane*; **Ce** đọc là *niceluvane*. **Mp** (của **Be**) có chữ *niculavane* trong bổ đề, và được giải thích là đồng nghĩa *mucalindavane*. Cả **PED** và **SED** đều ghi *nicula* là một loại cây (như cây nước mặn ở nước ngọt?), và được nhận dạng tên khoa học là *Bar-ringtonia acutangula*: cây lộc vùng.] (1209)

1151 (Như chú thích thứ hai ở kinh 5:201:) [Ở đây từ chữ của lời kinh khó định rõ được phần vấn đáp của Kimbila và Đức Phật là nói chung về những điều-kiện làm cho giáo lý của những vị Phật biến mất hay là nói về những điều-kiện làm cho giáo lý của Đức Phật (Thích-Ca) sẽ biến mất (sau khi Phật qua đời). **Mp** dường như ủng hộ nghĩa đầu. **Mp** giảng luận rằng Kimbila đã từng là một Tỷ kheo trong của Đức Phật Kassapa (Ca-Điếp) trong đại kiếp trước, vào cái thời mà giáo lý của vị Phật đó đang bị suy tàn. Giờ thầy ấy hồi tưởng lại thời kiếp quá khứ đó và muốn tìm hiểu từ Đức Phật hiện tại (Thích-Ca) về nguyên nhân gây ra sự sa sút của Giáo Pháp trong thời kiếp trước. Nhà sư Brahmāli đã không đồng tình với tôi về điều này, và thầy ấy viết rằng: “[Bản dịch] này dường như cho rằng Kimbila chỉ đang suy nghĩ những điều về thế gian, về những Như Lai như một loại chúng sinh. Nhưng đối với tôi thì có lẽ thầy ấy đặc biệt quan tâm đến ‘điều gì sẽ xảy ra sau khi Đức Phật Thích-Ca qua đời.’”] (1210)

1152 (Kinh này giống kinh 5:201, chỉ khác ở những điều (5) và (6).)

1153 [Coi kinh 5:30 để so sánh. Mặc dù cấu trúc của hai kinh giống nhau, nhưng nội dung chính Phật nói thì khác hẳn nhau; do vậy người ta có thể không chấp nhận hay phân loại chúng là hai kinh song hành.] (1312)

1154 [Tôi đọc theo **Ce** là *ārāmiko vā samaṇuddeso vā sahadhammiko vā*. Còn cả hai phiên bản **Be** và **Ee** đều không có chữ *sahadhammiko vā*. Ở đây **Be** ghi rất khác là: *idān’ imaṃ āyasmantaṃ ārāmiko vā upaṭṭhahissati samaṇuddeso vā taṃ tamhā samādhimhā cāveṣṣati*, nghĩa là: “Giờ một người giúp việc trong chùa hay một sa-di sẽ phục vụ vị thầy này, như vậy sẽ làm cho vị ấy rút ra khỏi định.” **Ee** thì ghi giống **Be**, chỉ khác động từ là *ghaṭṭessati* (đánh lại, xúc phạm, kích động) thay vì là *upaṭṭhahissati*.] (1313)

1155 [Nguyên văn câu này: *Araññaṣaṇṇaṃyeva manasi karissati ekattaṃ*. **Mp**

giải thích “*sự hợp-nhất*” là: người đó sẽ mang tâm tới ‘nhận-thức về khu rừng’ mà thôi, một trạng thái nhất-điểm của sự đồng nhất (nhất thể)” (*ekasabhāvaṃ, ekaggatābhūtāṃ araṇṇasaññaṃ yeva citte karissati*). Câu chữ ở đây làm gọi nhớ về kinh **MN 121**, 20–21 có câu “*araṇṇasaññaṃ paṭicca manasi karoti ekattaṃ*”: người đó chú tâm tới sự hợp-nhất tùy thuộc vào nhận-thức về khu rừng.] (1314)

1156 [**Mp** giải thích: “*Bằng những lời này, Phật đã đề cao việc sống tu ở trong rừng* (hơn là sống tu ở gần hay ở trong làng mạc, thị trấn, thành phố).] (1315)

1157 [Con voi đực của Vua Pasenadi được gọi tên là “Seta” (“trắng”) vì thân nó màu trắng. Tiếp sau chữ “*nāga*” được dùng để gọi những con vật, cây, hay những thứ to lớn (khổng lồ), như trong lời kinh kể tiếp.] (1216)

1158 [Ở đây có sự chơi chữ. Câu nói của Phật—*āgum na karoti*—là cách lấy chữ *nāga* từ chữ *na* + *āgum*, nghĩa “không-ác”. *Nāga* do vậy trở thành hình dung từ chỉ Đức Phật, hay nghĩa rộng hơn, chỉ những bậc A-la-hán. Coi thêm kinh **Sn 527**: *Āgum na karoti kiñci loke . . . nāgo tādī pavuccate tathattā*, nghĩa là: “*Người làm chuyện vô-ác trong thế gian ... bậc ổn-định vì lý do đó được gọi là một nāga*”. Coi thêm kinh **Th 1249** (= **SN 8:08** (quyển 1)) có câu: *Nāganāmo’si bhagavā*, nghĩa là: “*Bậc ấy được gọi tên là Nāga, bậc Thế Tôn*”.] (1317)

1159 [**Mp** nhận dạng Udāyī này chính là Kāludāyī. Tuy nhiên, cũng cùng thi kệ này ở **Th (689–704)** thì đó chỉ nói Udāyī chỉ là Udāyī, trong khi những thi kệ chỗ khác **Th (527–36)** thì Udāyī được cho là Kāludāyī. Điều này cho thấy sự nhận dạng của **Mp** về người sáng tác bài thi kệ này là sai. Bản kinh tương đương trong Hán tạng, **MĀ 118** (ở **T I 608b2–609a3**), có nhiều điểm hữu ích để tôi so sánh và suy ra nghĩa của các câu thi kệ trong tiếng Pāli.] (1318)

1160 [Chỗ này **Be** ghi là *vanā nibbanam āgataṃ*. **Ce** và **Ee** thì ghi là *nibbānam* để thay chữ *nibbanam*. **Mp** giải thích nghĩa: “*Từ rừng ô-nhiễm, người đó đã đi đến sự quang đăng; người đó đã chứng ngộ Niết-bàn, không còn rừng ô-nhiễm nữa*” (*kilesavanato nibbanam kilesavanarahitam nibbānam āgataṃ sampattam*). Đường như **Ce** và **Ee** đã lấy luôn chữ *nibbāna* từ câu luận giải này để đưa vô thành lời thi kệ luôn; (Thầy Thích Minh Châu cũng dịch từ phiên bản đó thành câu “*Từ rừng, đến Niết-bàn*”). Phiên bản Hán tạng ở **T I 608c2** thì ghi 於林離林去, nghĩa là: “*Từ trong rừng người đó rời khỏi rừng*”, điều này cũng ủng hộ nghĩa gốc được ghi trong **Be**.] (1319)

1161 [Chữ *saccanāmo* không phải nghĩa là ‘người có tên là sự-thật’ mà có nghĩa là “người đúng thực như tên gọi” (người xứng danh, bậc hữu danh hữu thực), tức tên gọi của người đó xứng với trạng thái hay tầm vóc của người đó. **Mp** giải thích câu này là: “Người đó được đặt tên đúng như thực, được đích thực gọi tên, được chính xác gọi là một ‘nāga’ chỉ vì lý do người đó không làm điều xấu ác” (*tacchanāmo bhūtanāmo āgum akaraṇeneva nāgoti evaṃ avi-tathanāmo*). Bản kinh tương đương Hán tạng [T I 608c7] có ghi chữ Hán là 一切龍中龍, 真諦無上龍, nghĩa đại ý là: “bậc ấy là nāga trong tất cả những nāga, đích thực nāga là bậc vô thượng.”] (1320)

1162 [Nguyên văn chữ này là *assāsa*: nó có thể mang cả hai nghĩa là sự thở-vô và sự yên-ủi, trong đó nghĩa thứ hai là chỉ trạng thái A-la-hán. **Mp** nói: giống như sự thở-vô và thở-ra là điều nhất thiết để voi được sống, sự chứng đắc thánh quả (*phalasamāpatti*) cũng là điều không thể thiếu đối với Đức Phật, và chính chỗ đó là chỗ Phật vui thích có được.] (1324)

1163 (Như trong kinh 5:233 có nói ý rằng: Một Tỳ kheo sống tu ở một nơi quá lâu thì tạo ra nhiều sự trói-buộc với những công việc, dính líu với những người tại gia... ở nơi đó, thì khi đi khỏi chỗ đó sẽ bị mang theo nhiều lo-lắng hay luyến ái. Do vậy những người tu không nên sống tu lâu ngày ở một chỗ. Tôi nghĩ ý lời kinh này nhắc lại điều quan trọng đó.)

1164 [Chữ này đọc theo **Be** là *loke viharati*. **Ce** và **Ee** ghi là *loke virajjati*, có nghĩa “trở nên tách ly khỏi thế gian”, là cũng không tương ứng với ví dụ; (vì trong ví dụ là *sen sống trong nước* chứ không sống tách khỏi nước).] (1325)

1165 [*Sự tắt-ngấm* nghĩa đen là ngọn lửa đã tắt ngấm và nghĩa bóng là người đã chứng ngộ Niết-bàn...] (1326)

1166 [**Mp** giải nghĩa câu này như là: “Những nāga A-la-hán sẽ biết nāga Phật đã được dạy bởi nāga, này trưởng lão Udāyī.” Mặc dù **Mp** giải nghĩa như vậy, tôi vẫn nghi bản thân lời kệ ở đây muốn nói chính Đức Phật là người đã dạy về nāga (về những phẩm chất của một ‘người khổng lồ’). Luận giảng bên Hán tạng [ở 608c29] ủng hộ sự nghi ngờ của tôi, trong đó có ghi: 龍中龍所說, nghĩa là: “Lời đó được nói bởi bậc nāga trong số những nāga.”] (1237) (Người dịch Việt không thực sự nhìn ra nghĩa của câu kệ này cũng như những lời luận giải của **Mp** và của Hán tạng.)

1167 [Chỗ này tôi chọn lời kinh gốc được ghi trong **Be** là *sakadāgānipatto* [thấy

cũng giống cách ghi trong phiên bản viết tay Miến Điện] khác với cách ghi của **Ce** và **Ee** là *sakadāgāmī satto*. Sự nhầm lẫn của chữ *s* và *p* rất hiếm thấy trong phiên bản chép tay bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala). Tuy nhiên, lời luận giải trong **Mp** là *sakadāgānipuggalo hutvā* cho thấy luận sư của **Mp** đã căn cứ theo nghĩa chữ gốc là *sakadāgāmī satto*. Không thể nào có sự chép sai hay sai đổi như vậy, vì thời đại của các luận giảng là sau thời đại của kinh gốc.] (1329)

1168 [Trong kinh **MN 89.18**, Purāṇa và Isidatta là hai quan thị vệ trong triều của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala (Kiền-tát-la) nhưng họ có sự tôn kính đối với Phật hơn là đối với nhà vua. Lòng thương kính Phật của họ cũng được nói trong kinh **SN 55:06** (quyển 5).] (1330)

1169 [**Mp** giải thích: “Thầy Ānanda nói vậy bởi vì thầy ấy cũng không biết lý do vì sao.” Nhà sư Brahmāli viết rằng: “Tôi hiểu thầy Ānanda chỉ đơn giản nói rằng điều đó nên được hiểu đúng theo lời Phật đã nói”, và thầy Brahmāli gợi ý diễn dịch câu đó là: “Thưa chi, thì nghĩa nó là vậy, như nó đã được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.” Tuy nhiên, lúc này lời tuyên bố của Phật về nơi-đến (của họ) vẫn chưa được giải thích. Lời giải thích chỉ nằm ở cuối kinh, khi Đức Phật tuyên dương những ưu-điểm của hai vị đệ tử tại gia đã chết.] (1331)

1170 [Chỗ này **Ce** ghi chữ *ambakapaññā*; **Be** ghi chữ *ammakasaññā*, nghĩa là: “nhận-thức của một phụ nữ”, hay “ý tưởng của một phụ nữ”, nhưng kinh **10:75** của phiên bản **Be** có ghi là *ammakapaññā*. Ở đây, **Ee** ghi chữ *ambakasaññā* ở đây nhưng trong đoạn kết lại ghi chữ *ambakapaññā*. Rõ ràng chữ ghi đầu tiên trong **Ee** là do lỗi ghi chép, có lẽ do sự chép nhầm chữ *s* và *p*. Chữ *ambaka* trong **Ce** và **Ee** (hoặc chữ *ammaka* trong **Be**) là xuất thân từ chữ *ammā* nghĩa là “mẹ”, nghĩa chung là chỉ “những phụ nữ”. **Mp-t** giải thích: “*Ammakā* (hay *ambakā*) có nghĩa là những phụ nữ [nghĩa gốc là *hạng những người mẹ*]. Đây là một chữ ẩn dụ. Đó là, những người mẹ, là hạng những người mẹ, là những người làm mẹ, được thấy có trong số những phụ nữ” (*Ammakāti mātugāmo. Upacāravacanañh’etaṃ. Itthīsu yadidaṃ ammakā mātugāmo jananī janikā*). **SED sv** nói rằng chữ *ambā* có nghĩa “một người mẹ, một phụ nữ tốt [dùng như đại từ để gọi một cách kính trọng].” Trong bản tương đương bên Hán tạng [**T II 258c8–9**] thì không có ý chê bai ‘những phụ nữ’ mà chỉ nói riêng về cá nhân của cô Migasālā mà thôi: “Nữ đệ tử tại gia Migasālā là ngu dốt và ít trí tuệ” (鹿住優婆夷愚癡少智).] (1332)

1171 [Nguyên văn câu cuối này: *Sāmaṃyikampi vimuttiṃ na labhati*. **Mp** giải thích nghĩa là người đó không phải lúc này có được lúc kia có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ từ việc lắng nghe Giáo Pháp. Tuy nhiên, **Paṭiṣ II**

40,16–17 thì định rõ chữ gần đồng nghĩa với ‘*sự giải-thoát tạm thời*’ là *samayavimokkho*, chính là *bốn tầng thiền định sắc-giới (jhāna)* và *bốn tầng chứng đắc vô-sắc giới (cattāri ca jhānāni, catasso ca arūpasamāpattiyo, ayam samayavimokkho)*, điều này phân biệt rõ những trạng thái chứng đắc (tạm thời) đó so với sự giải-thoát thường hằng rốt ráo, chính là *bốn thánh đạo, bốn thánh quả của đời sống tâm linh*, và *Niết-bàn (cattāro ca ariyamaggā, cattāri ca sāmāññaphalāni, nibbānañca, ayam asamayavimokkho)*. (Tóm lại, thành ngữ “*sự giải-thoát tạm thời*” là chỉ những sự chứng đắc thiền định sắc giới và vô-sắc giới, còn “*sự giải-thoát rốt ráo*” là những thánh đạo, thánh quả, và Niết-bàn).] (1334)

1172 [Lời kinh chỉ ghi là *tam hi tesam*, không chỉ rõ là *tam* nào được đề cập. **Mp** giải thích đó chính là sự [làm nên sự] phán xét (*tam pamāṇakaraṇam*).] (1335)

1173 [Nguyên văn câu cuối này: *Imaṃ puggalaṃ dhammasotaṃ nibbahati*. **Mp** diễn dịch là: “sự hiểu-biết của minh-sát, đang diễn ra mạnh mẽ, mang người đó đi; nó sẽ dẫn người đó đến cõi giới của những bậc thánh.”] (1336)

1174 [Lời kinh ghi là *lobhadhammā*: “*những trạng thái tham*”, mà **Mp** giải nghĩa: “*đơn giản đó chỉ là tham*” (*lobho yeva*).] (1337)

1175 [Chỗ này tôi làm theo bản in giấy của **Ce**. Bản điện tử của **Ce** ghi không đúng câu này.] (1338)

1176 [Ở đây, và trong đoạn (6) bên dưới, tôi đọc theo **Ce** là chữ *vacīsamsārā*, đây cũng là chữ được ghi trong luận giảng **Mp** (của **Ce**). Còn **Be** và **Ee** ghi là *vacīsāṅkhārā*. **Mp** giải thích nghĩa ở đây: “*Chỉ là những lời nói chuyện trao đổi qua lại*” (*ālāpasallāpavasena vacanān’eva*). Nhưng chữ *vacīsamsāro* cũng có trong kinh **2:63**, trong đó có chú thích đầu tiên giải nghĩa đó là *những sự tranh luận công kích giữa những (phe) nhóm Tỳ kheo*. (Mời coi lại kinh đó và chú thích của nó).] (1339)

1177 [**Mp** giải nghĩa chỗ này là: “*Purāṇa* siêu xuất hơn về giới-hạnh, còn *Isidatta* thì siêu xuất hơn về trí-tuệ. (Bậc) giới-hạnh của *Purāṇa* là sánh ngang với (bậc) trí-tuệ bậc cao của *Isidatta*; (bậc) trí-tuệ của *Isidatta* là sánh ngang với (bậc) giới-hạnh bậc cao của *Purāṇa*.”] (1340)

1178 [*Người chuyên về Giáo Pháp: Dhammayogā*. **Mp** nói rằng đây là tên gọi những người chuyên thuyết giảng về Giáo Pháp (*dhammakathikā*), nhưng nó

có thể được dùng để chỉ chung những người tu nổi bật chuyên chú theo cách tiếp cận Giáo Pháp (hơn là tu thiền). Cách dùng chữ này trong kinh này dường như có một không hai. Sự phân biệt giữa những người tu thiền và những người chuyên tâm về Giáo Pháp cho thấy kinh này được nói ra lúc đã muộn, vì hai dòng tu này từ lâu đã có và được phân ra trong Tăng Đoàn.] (1343)

1179 [Nguyên văn câu này: *Jhāyanti pajjhāyanti*. Giọng kinh mang nghĩa chế nhạo. **Be** thì dùng luôn một dãy 04 động từ là: *jhāyanti pajjhāyanti nijjhāyanti avajjhāyanti* (thiền ngẫm, ngẫm nghĩ, suy ngẫm, nghiền ngẫm). Các dùng với chữ *jhāyanti* (thiền, thiền ngẫm) này cũng có trong kinh **11:09**; kinh **MN 50.13**.] (1344)

1180 [Nguyên văn câu cuối: *Amataṃ dhātum kāyena phusitvā viharanti*. **Mp** giải nghĩa là: “Chỗ này chỉ yếu tố Niết-bàn (niết-bàn giới), được gọi là ‘bất-tử’ vì nó không còn sự chết. Sau khi đã chọn một chủ-đề thiền, trong những giai đoạn họ an trú sau khi đã chạm vào [yếu tố ‘bất-tử’] đó bằng thân của tâm (tâm thể).”] (1345)

1181 [Nguyên văn câu cuối này: *Gambhīraṃ atthapadaṃ paññāya ativijja passanti*. **Mp** giải nghĩa là: “Cái ‘vấn đề sâu sắc và giản minh’ là chỉ những giáo pháp quan trọng thâm sâu như: các uẩn, các yếu-tố (giới), các cơ-sở cảm-nhận (xứ), và vân vân, chúng vốn là vi tế và (thực nghĩa) ẩn kín. Họ hiểu thấu chúng sau khi đã thâm nhập chúng bằng trí-tuệ của minh-sát và của thánh đạo (*sahavipassanāya maggapaññāya*).”] (1346)

1182 [Du sĩ Moliyasīvaka cũng có trong kinh **SN 36:21** (quyển 4), trong đó ông đã hỏi Đức Phật có đúng hay không ‘mọi cảm-giác đều do những nghiệp quá khứ mà có’?]. (1347)

1183 [Về chữ “Giáo Pháp có thể được nhìn thấy một cách trực tiếp” hay nói khác “Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được” (*sandiṭṭhiko dhammo*), mời coi lại những giảng giải trong các kinh **3:53–54**.] (1348)

1184 [*Lobhadhammā*: trạng thái kết nối với tham, pháp dính tham; **Mp** giải thích đó là “những yếu tố dính với nó” (*taṃsampayuttadhammā*). Tương tự, *dosadhammā*: trạng thái kết nối với sân, pháp dính sân; *mohadhammā*: trạng thái kết nối với si, pháp dính si.] (1349)

1185 [*Lỗi thuộc thân, lỗi về thân*, hay *lỗi thân* là tạm dịch chữ “*kāyasandosam*”, **Mp** giải thích nghĩa là có phẩm chất ‘bị lỗi’ ‘bị sai’ trong cửa-thân (*kāyadvārassa dussanākāraṃ*). Tiếp theo là chữ lỗi thuộc miệng và lỗi thuộc

tâm (*vacīsandosam* và *manosandosam*). (Có thể nghĩa ở đây là: *lỗi trong thân hành* dẫn tới hành-động sai trái, *lỗi trong khẩu hành* dẫn tới lời-nói sai trái, và *lỗi trong tâm hành* dẫn tới tâm-ý sai trái.)] (1350)

1186 [Cả hai vị Tỳ kheo đều tuyên bố, theo hai cách ngược nhau, rằng bậc A-la-hán đã tẩy sạch sự tự-ta (ngã mạn) theo cả ba cách so sánh: tự-ta siêu hơn, tự-ta kém hơn, và tự-ta ngang bằng.] (1351)

1187 [Nguyên văn câu này: *Attho ca vutto attā ca anupanīto*. Như trong kinh 3:72 (cũng có ghi một câu tương tự đồng nghĩa “*Chỉ tuyên bố ý nghĩa, chứ không đưa bản ngã (của người nói, người giảng dạy) vào trong đó.*”, coi chỗ chú thích cuối cùng của kinh 3:72), chỗ này có sự ‘chơi chữ’ giữa hai từ *attho* (mục tiêu, đích) và *attā* (cái ‘ta’, bản ngã).] (1352)

1188 [**Mp** giải thích chữ *ussesu* là những người tốt hơn, siêu hơn; còn chữ *omesu* là những người thấp hơn, kém hơn; và chữ *samatte* là những người tương đồng, ngang bằng, giống nhau, và giải thích rằng: “*Những A-la-hán không xếp bậc bản thân mình theo sự tự-ta là cao hơn, kém hơn, và ngang bằng.*”] (1353)

1189 [Đây gần giống như kinh 5:24; trong kinh này được mở rộng thêm điều thứ (1), và do vậy năm điều (1)-(5) trong kinh 5:24 trở thành điều (2)-(6) trong kinh này.] (1354)

1190 [Nguyên văn câu (c) này: *cetasā samphuṭṭapubbā te ca samudācaranti*. Cách diễn đạt lời kinh như vậy nghe thấy lạ, bất thường. **Mp** không luận giải về cách diễn đạt này, chỉ coi đó như cách thông thường (và cứ đọc sao hiểu vậy).] (1355)

1191 [Đoạn này, đoạn có nội dung song hành với đoạn đầu của kinh 10:55, ở mấy điều như (b), (c)... có những cách ghi khác nhau trong các phiên bản kinh. Quý vị muốn tìm hiểu các từ nguyên chỗ này, mời coi thêm chú thích đầu tiên (2065) ở kinh 10:55).

1192 [Những câu hỏi trong tiếng Pāli là: *kiṃadhippāyā, kiṃupavicārā, kiṃadhiṭṭhānā, kiṃabhinivesā, kiṃpariyosānā*.] (1356)

1193 [Tôi đọc chữ này như trong **Ce** là *sathādhiṭṭhānā*, khác với **Be** và **Ee** ghi là *satthādhiṭṭhānā* (nghĩa: *vũ khí là sự hỗ trợ của họ*), là thứ giúp họ. **Mp** không bàn luận về chữ này, nhưng nghĩa “*nghề nghiệp* hay *tay nghề* (trộm cướp)” liên kết tốt hơn với ‘*những chỗ rậm rạp che núp*’, ‘*chỗ tối tăm*’, và mục tiêu ‘*không bị nhìn thấy*’.] (1357)

1194 [Nguyên văn cụm chữ này: *Ākiñcaññābhinivesā*. **Mp** coi cụm chữ này có nghĩa là tâm của họ chú nhấm tới trạng thái *không-còn nắm-giữ điều gì (nig-gaṇaṇabhāve)*.] (1358)

1195 [**Mp** không đưa ra thông tin gì về vị Tỷ kheo Dhammika này, và vị Tỷ kheo này cũng không được nói đến trong kinh nào khác trong năm bộ kinh *Nikāya*.] (1359)

1196 [Lạ thay, không hiểu sao Phật lại gọi thầy là bà-la-môn (*brāhmaṇa*), cả hai luận giảng **Mp** và **Mp-t** đều không giải thích tại sao Phật lại gọi như vậy. Đây có lẽ là chỗ *duy nhất* trong toàn bộ Kinh Tăng mà Phật đã gọi một Tỷ kheo là ‘bà-la-môn’ trước tên riêng của người đó.] (1360)

1197 [Chỗ này đọc theo **Ce** và **Be** là *pavattesi*, khác với **Ee** ghi là *pātesī*: (cây) “*bị ngã xuống*”; cách ghi này cũng là biến thể của cách ghi trong **Ce** và **Be**. **Mp** giải nghĩa chữ *pavattesi* là *parivattesi*.] (1361)

1198 (Các phiên bản kia thì ghi: “vỏ rễ cây được chữa lành lại”.)

1199 [*Brahmalokasahavyatāya*: tạm dịch là ‘*được đồng hành cộng trú với cõi trời (phạm thiên)*’. Đây là một cách diễn đạt hơi lạ thường trong kinh văn, cách diễn đạt này cũng xảy ra trong kinh **DN 19.59**. Luận giảng **Sv II 670,13–14** thì nói rằng: “Câu ‘*Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ đồng hành cộng trú với cõi trời*’ có nghĩa là: ông ta giảng đạo để dạy đạo để dẫn tới sự tái sinh và cùng sống chung cõi với vị dẫn tới sự đồng loại với trời Brahmā (Phạm thiên) trong cõi trời *brahma* (phạm thiên giới)” (*sāvakānañca brahmalokasahavyatāya maggaṃ desesī ti brahmaloke brahmunā sahaḥbhāvāya maggaṃ kathesi*).] (1362)

1200 [Một người đã thành tựu chánh-kiến: *diṭṭhisampannaṃ*. Đó thấp nhất cũng đã là một bậc Nhập-lưu.] (1363)

1201 [Nhà sư Brahmāli đã nhắc tôi chú ý đến một chỗ dẫn-nhập trong **DOP** (trang 744) đối với danh từ *khanti*² có nghĩa: “*sự tổn thương*”, được cho là xuất phát từ động từ *khaṇati*¹ có nghĩa: “*làm tổn thương, làm bị thương, làm hư hại*”. Chữ này *không phải* là chữ Pāli tương đương với chữ *kṣānti* trong tiếng Phạn [*kṣānti* = *khanti*¹ trong **DOP**] có nghĩa là: “*sự nhẫn nhịn*” hay “*sự chấp nhận*”. **Mp** giải nghĩa chữ *khanti* ở đây là: “*sự đào bới những đức-hạnh của một người*” (*attano guṇakhaṇanaṃ*), nhưng **DOP** thì chỉ ra rằng những

luận giảng thường muốn quy kết chữ *khaṇati*¹ (“làm tổn thương”) thành chữ *khaṇati*² (“đào bới”). Chữ tương đương trong tiếng Phạn là *khanti*² có thể có nghĩa như chữ *kṣhati* xuất phát từ chữ *kṣaṇoti* có nghĩa là: “làm tổn thương, làm bị thương, gây vết thương”; coi thêm giảng luận **SED sv** về chữ *kshan*.] (1364)

1202 [Đối với những người ngoài: *ito bahiddhā*. Ở đây chỉ những người ngoài đạo Phật, những người ngoài đạo, ngoại đạo.] (1365)

1203 [Câu cuối này **Ce** ghi là *na no āmasabrahmacārisu*; **Be** ghi *na no samasa-brahmacārisu*; **Ee** ghi *na no sabrahmacārisu*. **DOP sv** nói chữ *āma*³ có nghĩa “cùng một nhà; thuộc một nhà” và cho rằng chữ *āma-sabrahmacāri* (n) có nghĩa là “một tu sinh tôn giáo cùng thuộc một nhà hay một cộng đồng.” Tuy nhiên đây chỉ là một tham khảo duy nhất, vì dường như trong các bộ kinh Nikāya không có chỗ nào ghi nghĩa này.] (1366)

1204 [Đây là Tỷ kheo Soṇa Koḷivīsa, được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những Tỷ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), [coi kinh **1:205**]. Thi kệ của thầy ấy là **Th 632–44**. Các thi kệ **Th 638–39** nói về ví dụ đàn tỳ-bà; các thi kệ **Th 640–44** là giống thi kệ ở cuối kinh này. Câu chuyện về thầy Soṇa có ghi trong một phiên bản mở rộng trong Luật Tạng **Vin I 179–85**, từ đó dẫn tới việc Đức Phật cho phép các Tỷ kheo mang dép có quai (xăng-đan).] (1367)

1205 [Nguyên văn câu cuối ghi trong **Ce** và **Ee** là: *Viriyasamatam adhiṭṭhaha, indriyānam ca samatam paṭivijjha, tattha ca nimittam gaṇhāhi*. Trong đó **Ce** và **Ee** có chữ *viriyasamatam*, còn **Be** ghi chữ *vīriyasamatham* [nhưng ở bên dưới thì ghi chữ *indriyānaṇṇa samatam*]. **Mp** (của **Ce**) cũng ghi chữ *viriyasamatham* trong một bổ đề. Sự luận giải trong **Mp** dường như cũng ủng hộ chữ *viriyasamatham*. **Mp** ghi rằng: (a) “Chọn ra (quyết định) mức cân bằng của sự nỗ-lực (tinh tấn) nghĩa là: chọn lấy sự tĩnh-lặng (thiền định) kết hợp với sự nỗ-lực (*viriyasampayuttam samatham adhiṭṭhaha*); có nghĩa là: ‘nối kết sự nỗ-lực với sự tĩnh-lặng’.” (b) *Đạt được sự cân đối của các căn tâm linh* nghĩa là: giữ sự cân đối, là một sự cân bằng của các căn tâm linh như: căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tinh tấn căn), căn trí-tuệ (tuệ căn), căn chánh-niệm (niệm căn) Khi niềm-tin được nối kết với trí-tuệ và trí-tuệ nối kết với niềm-tin; khi sự nỗ-lực được nối kết với sự định-tâm và sự định tâm nối kết với sự nỗ-lực, thì sự cân bằng của các căn sẽ được duy trì. Nhưng sự chánh-niệm lúc nào cũng hữu ích, vì vậy nó phải luôn được mạnh mẽ. (c) *Chọn lấy hay nắm lấy đối-tượng* nghĩa là: khi có mặt sự cân bằng, thì đối tượng có thể khởi sinh một cách rõ

ràng, giống như sự phản chiếu khuôn mặt của một người trong gương; và bạn nên nắm lấy (*gaṇhāhi*) đối-tượng này—đưa ra được (*nibbattehi*, làm ra, tạo ra, có được, nắm được) đối-tượng của sự tĩnh-lặng (thiền định), của minh-sát (thiền quán), của thánh đạo, và của thánh quả. Như vậy là Phật đã giảng giải về đề-mục (chủ đề) thiền cho thầy ấy, dẫn tới thánh quả A-la-hán.”

- Đoạn kinh tương đương trong Hán tạng lại ghi những lời hoàn toàn khác về sự chỉ định của Đức Phật cho thầy Soṇa, trong đó, ở **T I 612a28–29**, ghi là: “Do vậy thầy nên phân biệt thời gian này [Làm sao chữ *samataṃ* lại bị biến đổi thành chữ *samayaṃ*?], xem xét dấu-hiệu (tướng, *nimitta*) này và không được lơ tâm phóng dật.” (是故汝當分別此時。觀察此相。莫得放逸); còn ở **T II 62c17–18** thì ghi rằng: “Do vậy thầy nên tu tập bằng cách chọn lấy [đối-tượng] theo một cách cân bằng; đừng dính chấp, đừng lơ tâm phóng dật, và đừng nắm giữ những dấu-hiệu (tướng).” (是故汝當平等修習攝受，莫著、莫放逸、莫取相); còn trong **T II 612b19–20** thì ghi rằng: “Nếu thầy có thể trụ/ở ở-giữa, thì đây là một sự tu tập ưu việt.” (若能在中者。此則上行); chỉ có ở **T XXII 844c1–2** thì ghi gần nghĩa nhất với phiên bản Pāli: “Thầy nên cân bằng sự nỗ-lực, cân bằng các căn.” (應等精進等於諸根).] (1368)

1206 [Các chữ này lần lượt trong tiếng Pāli là: *nekkhammādhimutto*, *pavivekādhimutto*, *abyāpajjhādhimutto*, *taṇhakkhayādhimutto*, *upādānak-khayādhimutto*, *asammohādhimutto*. **Mp** nói mỗi chữ đều biểu tả phẩm chất của thánh quả A-la-hán.] (1369)

1207 [Nguyên văn câu này là: *Karaṇīyaṃ attano asamanupassanto katassa vā paṭicayaṃ*. **Mp** giải nghĩa chữ *paṭicayaṃ* là “sự tiến-thêm bằng cách làm đi làm lại (điều đã làm xong)” (*punappunaṃ karaṇena vaḍḍhiṃ*). (Ở đây dịch Việt gọn bằng động từ chung là “làm thêm”, theo nghĩa “tăng thêm, bồi thêm, lặp lại thêm” những gì đã làm xong).] (1370)

1208 [Nguyên văn câu này: *Sīlabbataparāmāsaṃ . . . sārato paccāgacchanto*. Cách diễn đạt này thường để nói (sự tránh bỏ) những cách tu khổ hạnh hành xác cực đoan đầy đau đớn của những người tin cách tu đó là cốt lõi để tu tập tâm linh. ([Coi thêm phần chú thích (B) ở kinh **3:78**].) (1371) (Về cách tu hành-xác đau đớn, coi lại kinh **3:156**, đoạn (2).)

1209 [Ở ba điều cuối là (4), (5), (6) này: tất cả ba phiên bản đều chỉ ghi câu tóm lược cuối (là vì ... phá bỏ si mê) như vậy.] (1372)

1210 [Người đó chỉ quan sát sự biến qua của nó (*vayañc 'assānupassati*). **Mp** giải nghĩa là: “Người đó nhìn thấy sự khởi-sinh và biến-mất của tâm đó.” (*tassa c'esa cittassa uppādampi vayampi passati*). (Tức là, người đó chỉ quan sát tâm đó sinh và diệt, chứ không nhận thành tâm-tư hay nhận-thức này nọ.) (1373)

1211 [Những ví dụ này tả về sự đau đớn của người bệnh nặng cũng có trong các kinh **MN 97.29**, **SN 35:87**.] (1374)

1212 [Điều này có nghĩa thầy ấy là một bậc thánh Bất-lai khi qua đời.] (1375)

1213 [Ở đây, bên dưới (1)-(6) tôi làm theo **Be** và **Ee**, trong đó những ích lợi thứ nhất, thứ hai, thứ tư và thứ năm là có được từ *sự lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp* (*kālena dhammassavane*); còn ích lợi thứ ba và thứ sáu là có được từ *sự tự suy xét quán xét ý nghĩa vào lúc thích hợp* (*kālena atth'upaparikkhāya*). **Ce** thì gộp 02 ích lợi thứ ba và thứ sáu thành một, điều này nghe có vẻ không thỏa đáng lắm, cho dù lý do là trong hai tình huống này người tu đều không nghe được Giáo Pháp.] (1376)

1214 [*Anuttare upadhisāṅkhaye: sự chấm-dứt tối thượng* hay *sự tuyệt-dứt vô thượng của mọi chấp-thủ* (nói gọn là *không-còn dính chấp, đã phá sạch chấp-thủ*). **Mp** định nghĩa đây là trạng thái Niết-bàn. Về *sự chấp-thủ* (*upadhi*), mời coi lại chú thích ở kinh **2:02**, chú thích của nó (219) như sau:

[... **Mp** định nghĩa rõ ba loại “*chấp-thủ*” (chấp giữ, dính chấp, *upadhi*) chính là: *năm-uẩn, những ô-nhiễm, và những sự tạo-tác cố-ý* (hành) (*khandha, kilesa, abhisāṅkhārā*). Sự từ-bỏ những thứ này là đồng nghĩa với Niết-bàn. Sự cố-gắng để đạt tới sự từ-bỏ này là sự nỗ-lực (chánh tinh tấn) cùng với minh-sát tuệ và thánh đạo.] (219)

1215 [*Mô tả về sáu loại (tái) sinh* (*chaḷabhijātiyo*). Pūraṇa Kassapa là một trong sáu vị thầy giáo phái vào thời Đức Phật. Kinh này là kinh *duy nhất* trong các bộ kinh Nikāya nói về sáu loại giai cấp kiểu như vậy. Trong kinh **DN 2.17**, ông Pūraṇa Kassapa được mô tả là một người chủ trương ‘*thuyết không-làm-gì*’ (*akiriyavāda*), nhưng trong kinh **SN 46:56** (quyển 5), thì ‘*thuyết phi nhân-duyên*’ (*ahetukavāda*) được cho là của ông khởi xướng.] (1378)

1216 [*Bhikkhū kaṇṭakavuttikā: những Tỳ kheo sống trên gai nhọn*. Nghĩa ở đây không rõ ràng, nhưng cái giọng là miệt thị, chê bai. Luận giảng **Mp** chỉ nói mấy chữ này là chỉ những sa-môn (*samaṇa*).] (1379)

1217 [Đoạn mô tả giai cấp chiên-đà-la này cũng có trong các kinh **3:13**, **4:85**, nhưng trong kinh **6:57** này, trong tất cả ba phiên bản, đều đặt chữ *nesādakule* trước chữ *veṇakule*.] (1381)

1218 (Đoạn này Phật nói cũng giống đoạn (1) trong kinh **4:85**, chỉ khác là trong kinh đó Phật gọi đó là “*người đi từ tối tới tối*”.)

1219 (Đoạn này Phật nói cũng giống đoạn (2) trong kinh **4:85**, chỉ khác là trong kinh đó Phật gọi đó là “*người đi từ tối tới sáng*”.)

1220 (Đoạn này Phật nói cũng giống đoạn (3) trong kinh **4:85**, chỉ khác là trong kinh đó Phật gọi đó là “*người đi từ sáng tới tối*”.)

1221 (Đoạn này Phật nói cũng giống đoạn (4) trong kinh **4:85**, chỉ khác là trong kinh đó Phật gọi đó là “*người đi từ sáng tới sáng*”.)

1222 [Nguyên văn Pāli của cả đoạn này là: *āsavā saṃvarā pahātabbā, āsavā paṭisevanā pahātabbā, āsavā adbhivāsanā pahātabbā, āsavā parivajjanā pahātabbā, āsavā vinodanā pahātabbā, āsavā bhāvanā pahātabbā*. Sáu cách tu này, theo sau cách “*những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách nhìn-thấy*” (*āsavā dassanā pahātabbā*), được nói một cách chi tiết trong kinh *Sabbāsava Sutta* (**MN 2**), trong đó những sự giảng giải cũng giống trong kinh này.] (1382)

1223 [Câu này không có trong **Be**, nhưng có trong **Ce** và **Ee** và có các câu song hành tương ứng trong mỗi phần từ (2)-(6) nói về những phương pháp dẹp bỏ những ô-nhiễm, (được đánh dấu -).] (1383)

1224 [Tên ông có nghĩa là “*người buôn củi*”. **Mp** nói rằng ông được gọi tên như vậy vì ông sống bằng nghề bán củi.] (1384)

1225 [Ba phẩm chất này, như (1), (3), (5) bên dưới, là của những người tu theo hạnh khổ hạnh, tức tu theo 13 giới của hạnh đầu-đà (*dhutaṅga*) đã được Đức Phật cho phép. Trái lại, (2), (4), (6) là các phẩm chất của những người tu không theo hạnh đầu-đà, đó là: sống gần làng, nhận lời mời đến dùng bữa trưa tại nhà của những người tại gia, và mặc y áo được may tặng bởi người tại gia.] (1385)

1226 [**Mp** kể rằng: một thời gian sau đó, có 500 Tỷ kheo sau khi đến thăm các gia đình, họ đã hoàn tục trở lại đời sống tại gia. Khi nghe được điều này, ông gia chủ Dārūkammika đã nói: “*Điều đó thì liên quan gì đến ta?*” và niềm-tin của ông không dao động chút nào. Do đã tiên tri trước sự việc này nên Phật đã

nói với ông: “*Khi chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn, tâm của chú sẽ được tự-tin.*” Về những công đức đặc biệt của việc cúng dường cho Tăng Đoàn, mời coi lại kinh **MN 142.7–8.**] (1386)

1227 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *abhidhammakathaṃ kathenti*. **Mp** giải thích đây là “*cuộc nói chuyện liên quan đến Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)*” (*abhidhammamissakaṃ kathaṃ*), nhưng tôi thì cho rằng chữ *abhidhammakathaṃ* ở đây chỉ đơn giản là một chữ mang tính tham khảo (như muốn nói Giáo Pháp là vi diệu, nên họ dùng chữ như vậy chứ thực ra không phải nói về đề tài ‘Vi Diệu Pháp’). Về cách diễn đạt này cũng có trong những kinh khác, mời coi lại chú thích ở đoạn (3) của kinh **5:79.**] (1387)

1228 [‘*Chen ngang, chặn ngang*’ là tạm dịch chữ *kathaṃ opātetī* (được ghi trong **Ce** và **Be**; còn **Ee** ghi chữ *opātesī*, ở thì quá khứ bất định không rõ ràng). **Mp** giải nghĩa là: “Thầy ấy làm gián đoạn cuộc thảo luận của họ và chen vô giảng giải theo ý mình” (*tesaṃ kathaṃ vicchinditvā attano kathaṃ katheti*).] (1388)

1229 [Nguyên văn chữ cuối là *gopāsū*. Tôi dịch theo ý của **Mp** là: *gāvo ca ajikā ca.*] (1389)

1230 [‘*Những con ốc con trai*’ (hay *sò nước ngọt, chem chép...*) là dịch chữ *sippisambuka*. **PED** gợi ý là “con hào” vì có chữ *sippi*, nhưng hào hay vẹm, nghêu, hến... là thuộc loài ở biển (còn đây là hồ nước trong làng). Cách diễn dịch của tôi để tránh cái khó (của danh từ chung về các loài giáp xác. Và người dịch Việt dịch chung là ‘*những con ốc con trai*’, thường thấy nằm ở dưới hồ hay ao nước trong hay cạn).] (1390)

1231 [*Animittaṃ cetosamādhim*: (trạng thái) *định-tâm vô dấu-hiệu hay vô tướng của tâm*. **Mp** nói: “*Tất cả mọi dấu-hiệu* là những dấu hiệu như *vô-thường, khổ...vân vân*. *Sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm* là sự minh-sát mạnh mẽ (*balavavipassanāsamādhim*).] (1391)

1232 [Nguyên văn câu này: *Sarissati nekkhammassa*. **Mp** giải nghĩa là: “*Thầy ấy sẽ nhớ những đức-hạnh của việc xuất gia.*” (và sẽ nhanh xuất gia trở lại thôi).] (1392)

1233 [**Mp** giải thích thầy Citta này đã bỏ tu hoàn tục tới 7 lần và xuất gia 7 lần. Lý do về sự bất khả năng này là trong thời kiếp Đức Phật Ca-diếp (Buddha Kassapa) thầy Citta đã từng xúi một Tỷ kheo bỏ tu hoàn tục. Do vậy, mặc dù thầy có đầy đủ những điều-kiện trợ giúp để chứng thánh quả A-la-hán, nhưng

do nghiệp cũ phải trả nên thầy ấy cứ xuôi ngược xuất gia rồi hoàn tục tới 7 lần trước khi đạt tới thánh quả A-la-hán.] (1393)

1234 [Đây chính là kinh **Sn 1042**. Tissa Metteyya là một môn sinh bà-la-môn. Chương “*Pārāyana*” (*Đáo Bỉ Ngạn, Vượt Qua Bờ Kia*) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển *Kinh Tập*, thuộc *Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ)*. (Giống như chú thích thứ hai trong kinh **3:32**).] (1394)

1235 [**Mp** giải nghĩa: “Sự tiếp-xúc (*phassa*) ở đầu thứ nhất là một ‘cá thể hiện-hữu’ hay ‘sự hiện-hữu cá thể’ (*attabhāva*) được sinh ra bằng cách tiếp-xúc. Nguồn-gốc của sự tiếp-xúc (*phassasamudaya*, xúc khởi) là đầu thứ hai, đó là sự hiện-hữu tương lai được sinh ra cùng với điều-kiện (duyên) của nó—điều-kiện của nó chính là sự tiếp-xúc của những nghiệp (*kamma*) đã được làm trong kiếp hiện-hữu này. Sự chấm-dứt tiếp-xúc (*phassanirodha*, xúc diệt) là Niết-bàn. Niết-bàn được cho là ở-giữa bởi nó cắt đôi dục-vọng, dục-vọng là người đan dệt.”

- Theo ý kiến tôi thì chúng ta chỉ cần coi và hiểu một cách đơn giản là *sự chấm-dứt tiếp-xúc (phassanirodha)* chỉ là vậy, không nhất thiết phải là Niết-bàn (tịch diệt), mà chỉ là sự ngưng/hết tiếp-xúc vào lúc kết liễu kiếp hiện-hữu này. Dục-vọng là người đan dệt hay may dệt kết dính sự tiếp-xúc của một kiếp hiện-hữu với sự khởi đầu sự tiếp-xúc vào lúc bắt đầu sự hiện-hữu mới. (Nghĩa là, dục-vọng là sự kết nối kiếp hiện-hữu trước và sau; còn dục-vọng là còn tái hữu tái sinh; diệt-dục là hết tái hữu tái sinh, là Niết-bàn).] (1396)

1236 [**Mp** giải nghĩa là: “Điều nên được trực-tiếp biết (*abhiññeyyam*) là bốn Diệu Đế; điều nên được hoàn-toàn hiểu (*pariññeyyam*) là cặp đôi *diệu đế về khổ* (khổ đế) và *diệu đế về nguồn-gốc khổ* (khổ tập đế). Ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự chấm-dứt khổ của vòng luân-hồi; người đó đó kết thúc và xóa sạch nó.”] (1379)

1237 [**Mp** giải thích: “Thức—gồm cả thức tái-sinh và những loại thức khác—được cho là ở-giữa bởi vì nó xảy ra là điều-kiện (duyên) tạo ra phần danh-sắc”.] (1398)

1238 [**Mp** giải thích: “Thức của nghiệp là ở-giữa; hoặc chỗ này, do nghiệp là nằm trong cơ-sở tâm (tâm xứ) trong số những cơ-sở bên trong (nội xứ), nên thức là nằm ở-giữa; hoặc nói cách khác, thức *javana* (thức tác động, thức đồng lực) là tùy thuộc vào một cơ-sở bên trong (nội xứ)—bởi do [nó tùy thuộc theo] sự hiện thị ở cửa-tâm—và do đó nó được gọi là ở-giữa.”

- (Người dịch Việt đã cố gắng chuyển ngữ chính xác những chú thích luận giải của kinh này, nhưng tới lúc này người dịch cũng chưa thấu hiểu thực-nghĩa của những lời chú giải này (*về mặt kỹ thuật và học thuật của Vi diệu pháp về tâm thức*). Quý vị có thể nhờ một vị thầy thiện thạo về Vi Diệu Pháp hay tâm thức học Phật giáo giảng giải thêm về những chú giải này).] (1399)

1239 [Mp giải thích như: “‘Sự hiện-hữu cá thể’ (*sakkāya*, danh tính, thân này) là sự luân hồi hiện-hữu trong ba cõi giới của nó. *Nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể* là sự thật về nguồn-gốc (tập đế); *sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể* là sự thật về sự chấm-dứt (diệt đế).”

- Lại nữa, như ý kiến của tôi trong chú thích (1396) ở đoạn (1), tôi diễn dịch và coi một cách đơn thuần như vậy: *sự hiện-hữu cá thể* là chỉ sự hiện-hữu hiện tại; *nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể* là sự khởi sinh của sự hiện-hữu kế tiếp; còn *sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể* là sự kết thúc sự hiện-hữu hiện tại (chứ không nhất thiết đã là Niết-bàn tịch diệt). Và dục-vọng, bằng cách tạo ra sự tái sinh, đã đan dệt kết dính sự hiện-hữu hiện tại với sự hiện-hữu tương lai.] (1400)

1240 [Trong kinh tương đương của Hán tạng, **SĀ 1164 (T II 310b20–311a2)**, thì những điều giải nghĩa là *khác* với phiên bản Pali. Trong bản Hán tạng thì các Tỷ kheo chỉ đưa ra có 05 cách giải nghĩa về bài thi kệ này, chúng lần lượt (đầu thứ nhất, đầu thứ hai, và ở-giữa) là: (1) sự tiếp-xúc, nguồn-gốc của nó, và cảm-giác; (2) quá khứ, tương lai, và hiện tại; (3) sự sướng, sự khổ, và sự không sướng không khổ (trung tính); (4) sự hiện-hữu, nguồn-gốc của nó, và cảm-giác; (5) danh-tính và nguồn-gốc của nó [còn chữ ở-giữa thì không có ghi, bị mất]. Khi họ đến hỏi Phật, Phật đã giảng giải đó là: (6) *sự tiếp-xúc, nguồn-gốc của nó, và cảm-giác*.

- Phần thi kệ trong Hán tạng không có chữ nào tương ứng (đồng nghĩa) với chữ *mantā* trong bài kệ của phiên bản Pāli này.] (1401)

1241 [Ở đây tôi ghi tên kinh dựa theo phần thi kệ tóm lược (*uddāna*) ở cuối chương theo phiên bản **Be**. Đối với tôi phiên bản **Ce** là không rõ ràng chỗ này.] (1402)

1242 [Cũng như ở kinh **6:44**. Hình như đây là cách thầy Ānanda chỉ đơn giản nói rằng Phật đã nói như vậy thì nghe như vậy, cứ đơn giản hiểu theo nghĩa đen của lời Phật nói ra, chứ bản thân thầy ấy cũng không biết có nghĩa bóng gió nào khác.] (1403)

1243 [Nguyên văn câu cuối này: *Kathañhi nāma yaṃ mayā ekaṃsena byākatam tattha dvejjhā āpajjissati*. Câu trả lời của Phật thuộc cách trả lời thứ nhất đối với một câu hỏi, là *trả lời một cách dứt dạc dứt khoát*. Về bốn cách trả lời một câu hỏi mà Phật đã dạy, mời coi lại đoạn (A) của kinh **3:67**, và kinh **4:42**.] (1404)

1244 [Nguyên văn câu này: *Vālaggaḥiṇittudanamattampi sukkadhammaṃ: không nhìn thấy một phần phẩm chất sáng nào thậm chí nhỏ như đầu cọng tóc*; (ở đây người dịch Việt dịch gọn là: *không nhìn thấy thậm chí chút xíu phẩm chất sáng nào* và mở ngoặc ghi lời kinh gốc [*nhỏ bằng đầu cọng tóc*]). **Mp** giải thích là: “Một lượng nhỏ có thể được nhìn thấy trên đầu cọng tóc; hay một lượng nhỏ đến mức có thể bị chọt hay đẩy bởi đầu một cọng tóc.”] (1405)

1245 [Tôi đọc chữ này theo **Ce** là *kusalamūlā*; còn **Be** và **Ee** thì ghi là *kusalā*.] (1407)

1246 [Nguyên văn câu này: *Abhidose aḍḍharattam bhattakālasamaye*. **DOP sv** ghi là *aḍḍha* định nghĩa chữ *aḍḍharattam* là “nửa-đêm”. Về chữ *bhattakālasamaye*, nói rằng đó là “thời gian một bữa ăn của cung đình” (*rājakulānam bhattakālasaṅkhāte samaye*). Có lẽ vào thời Đức Phật, trong cung đình tính kết thúc một ngày bằng một bữa ăn khuya (nửa đêm) như vậy.] (1408)

1247 [Nguyên văn câu đầu tiên này: *Nibbedhikapariyāyaṃ vo bhikkhave dhammapariyāyaṃ desessāmi*. **Mp** diễn dịch là: “Một bài thuyết giảng mang tính thâm nhập là bài thuyết giảng thâm nhập và phá vỡ đồng tham [sân, si] vốn chưa được thâm nhập và phá vỡ trước giờ.”] (1409)

1248 [Lời kinh gốc chỗ này ghi chữ nghiệp (*kamma*) ở thể số ít và cả số nhiều. Tôi chọn dùng một thể số ít để thuận nghe.] (1410)

1249 [Trái với cả ba phiên bản, tôi thì coi cái câu cuối này *saṅkapparāgo purisassa kāmo* là câu mở đầu hay dòng mở đầu của một bài kệ quen thuộc đã được trích vô đây thành một câu văn xuôi. Mục đích là để cho bài kệ dưới đây có 4 hàng, thay vì năm hàng. Coi kinh **SN 1:34** (quyển 1), trong đó bài kệ này chỉ có bốn hàng. **Mp** giải thích chữ *saṅkapparāgo* là “nhục dục khởi sinh bởi (theo cách của) ý-định” (*saṅkappavasena uppannarāgo*). *Kāmasaṅkappa* là một trong ba loại ý-nghĩ bất thiện, và điều này cũng đã rõ theo ngữ cảnh của lời kinh. Để biết thêm, coi thêm **CDB 366**, chú thích 72. Phần thi kệ không có trong phiên bản Hán tạng tương đương, **MÃ 111**.] (1411)

1250 [Mp giải thích đây là sự tiếp-xúc cùng lúc có hai chức năng (*sa-hajātaphassa*), vừa là nguồn gốc vừa là sự khởi sinh.] (1412)

1251 [Mp giải thích nghĩa ở đây là: “Người tham muốn những dục-lạc cõi trời, bằng cách hoàn thiện những hành-vi tốt (thiện hành), sẽ được tái sinh trong cõi thiên thần [và có được] một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) như vậy nhờ thiện quả của công-đức. Còn bằng cách dính vào những hành-vi xấu (ác hành), người đó được tái sinh trong cảnh giới khổ đau [và có được] một sự hiện-hữu cá thể là ác quả của sự vô công-đức hay thất phước.”] (1413)

1252 [Về cụm chữ cuối cùng trong câu này, Mp nói rằng chính đời sống tâm linh (tu hành) của đạo (Phật) (*brahmacariyasāṅkhāto maggo va*) được gọi là *sự chấm-dứt những khoái-lạc giác-quan*.

- Chúng ta sẽ thấy mỗi phần tiếp theo đều theo ‘khuôn-mẫu’ *bốn diệu đế*, cộng thêm hai điều là sự đa-dạng (*vemattatā*) và hậu-quả (*vipāka*), thiện quả hay ác quả.] (1414)

- (Trong rất nhiều kinh Phật dùng đoạn ‘mẫu’ này để mô tả người đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, Niết-bàn: “*người đó đã sống đời sống tâm linh, đã đặt xuống gánh nặng...*”: theo nghĩa này thì “*đời sống tâm linh*” là trạng thái A-la-hán, Niết-bàn. Như vậy trong trường hợp này dịch nguyên gốc là “... *đời sống sống tâm linh mang tính thâm nhập này là sự chấm-dứt những khoái-lạc giác-quan* (... hay những cảm-giác, nhận-thức, ô-nhiễm, nghiệp, sự khổ).” Còn nếu ai thường nghĩ “*đời sống tâm linh mang tính thâm nhập*” chính là đời sống xuất gia tu hành thì trong trường hợp này có thể đọc là “... *đời sống sống tâm linh mang tính thâm nhập này là để chấm-dứt những khoái-lạc giác-quan* (... hay những cảm-giác, nhận-thức, ô-nhiễm, nghiệp, sự khổ). Nhưng nghĩa đầu là đúng với nghĩa lời kinh.).]

1253 [Nguyên văn câu này: *Vohāravappakam . . . saññam vadāmi*. Mp giải nghĩa: “*Sự diệt đạt, gồm cả sự nói ra, là hậu quả của sự nhận-thức.*”] (1416)

1254 [Nguyên văn câu này: *Cetanā 'ham bhikkhave kammam vadāmi*. Ở đây có thể hiểu câu này có nghĩa là: sự cố-ý là yếu tố “cần thiết” để tạo ra nghiệp, chứ không phải bản thân sự cố-ý đó luôn luôn và trong mọi trường hợp tạo ra nghiệp. Đây được coi là một sự ‘thủ thế’ hay ‘cái cán’ để đối ứng với quan điểm của đạo Ni-kiền-tử (Jain) cho rằng tất cả mọi hành-động, dù cố ý hay không cố ý, đều tạo nghiệp.

- Bản kinh tương đương trong Hán tạng, **MĀ 111**, at **T I 600a23–24**, thì ghi như vậy: “Theo cách nào một người hiểu được nghiệp? Có hai loại nghiệp, đó là: sự cố-ý (ý định) và nghiệp [được tạo ra] khi một người đã cố-ý.” (云何知業。謂有二業思。已思業。).] (1417)

1255 [Coi lại chú thích thứ nhất trong kinh **3:34** và chú thích thứ hai trong kinh **3:100**. Bản kinh tương đương trong Hán tạng, **MĀ 111**, thì chỗ này có ghi 04 loại nghiệp quả như đã được ghi trong tất cả các kinh từ **4:232–4:233** (tối, sáng, tối và sáng, không tối không sáng). Nhưng **MĀ 15** (chỗ **T I 437b26**) chỉ nói về hai loại hậu-quả, hoặc trong kiếp này hay trong một kiếp sau, chứ không nói loại thứ ba nào.] (1419)

1256 [Chỗ này có thể được hiểu theo nghĩa là: do sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) cho sự cố-ý (ý định), và nghiệp có thể được giải thích đồng nghĩa sự cố-ý, nên suy ra sự tiếp-xúc là điều-kiện cho nghiệp; (do vậy khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt nghiệp).] (1420)

1257 [Nguyên văn cả câu này là: *Ko ekapadam dvipadam jānāti imassa dukkhassa nirodhāya*. **Mp** giải thích: “Nghĩa ở đây là: ‘ai biết câu thần chú nào, câu thần chú một chữ hay hai chữ?’” (thì chỉ để tôi tụng một cái cho hết-khổ!). Bản kinh tương đương trong Hán tạng **T I 600b17–18** dùng chữ 呪 (= 咒), có nghĩa là “bùa chú”.] (1421)

1258 [Thật lạ là ở đây chỉ nói về 06 năng-lực của Như Lai (và do vậy mới có bài kinh này nằm trong Quyển “Sáu” này). Thông thường người ta nói về 10 năng-lực của Như Lai [thường được ghi là *nāṇabalāni*: những năng-lực của trí-biết, minh lực]. Trong kinh **10:21** có ghi đầy đủ 10 năng-lực. 10 năng-lực cũng được ghi trong kinh **MN 12.9–20**, và được phân giải trong **Vibh 335–344** (của **Be** từ 809–31).] (1422)

1259 [Một số ví dụ về ‘điều có thể’ (*thāna*) và ‘điều không thể’ (*aṭṭhāna*) có ghi trong các kinh **1:268–295**; **MN 115.12–19**; và trong **Vibh 335–338** (của **Be** §809).] (1423)

1260 [‘Tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ là tạm dịch cụm chữ ‘*thānaso hetuso*’. **Mp** giải thích chữ ‘sự có-thể’ (xảy ra) (*thāna*) là điều-kiện (duyên, *paccaya*). Cõi theo **Vibh 338–339** (của **Be** §810), nó coi đây là trí-biết về những điều-kiện làm cho nghiệp đưa đến một kết-quả trong sự liên kết với bốn yếu-tố có thể tăng cường hay cản trở sự chín-muồi của nghiệp, bốn yếu-tố đó là: cõi giới (*gati*, là nơi tái sinh của một người), những sự dính-

chấp (*upadhi*, là thân và tâm của một người), thời gian (*kāla*), và sự cố-gắng (*payoga*). Còn ‘nguyên nhân’ (*hetu*) thì chính là nghiệp (*kamma*).] (1424)

1261 [Bốn tầng thiền định (*jhāna*) được nói nhiều trong các bộ kinh *Nikāya*. 08 sự giải-thoát (*vimokkha*) có ghi trong kinh **8:66**. 03 loại định-tâm (*samādhi*) có ghi trong kinh **8:63**: đó là trạng thái (i) định-tâm có tầm [ý-nghĩ], có tứ [sự soi-xét]; (ii) định-tâm không tầm, chỉ có tứ; và (iii) định-tâm không tầm, không tứ. 09 sự chứng-định hay siêu-định (*samāpatti*) chính là 09 sự an-trú từ thấp tới cao (*anupubbavihārā*) như đã được nói trong kinh **9:32**. Sự ô-nhiễm (*saṃkilesa*) là một phẩm chất dẫn tới sự suy-đòi; sự thanh-tẩy (*vodāna*) là một phẩm chất làm nên sự khác-biệt (tức sự tiến-bộ về thiền định, về tâm linh); và sự thoát-ra (*vuṭṭhāna*), theo **Vibh 342–43** (của **Be** §828), chính là sự thanh-tẩy và sự thoát-ra. Sự thanh-tẩy ở đây có nghĩa là sự thiện-thạo trong tầng thiền định thấp hơn (ví dụ Nhất thiền) chính là nền tảng tốt cho tầng thiền định cao hơn (ví dụ Nhị thiền); bản thân sự thoát-ra có nghĩa là sự thoát ra khỏi (trạng thái) tầng thiền định.] (1425)

1262 [**Ce** và **Be** có dùng những dấu chấm lửng [...] để muốn nói ba đoạn (4), (5), (6) lẽ ra được ghi đầy đủ như trong kinh **6:2**. Nhưng để đọc cho gọn, tôi chỉ ghi như vậy, không cần ghi thêm những dấu chấm lửng (để người đọc khỏi phải liên tưởng tới những đoạn dài như trong kinh **6:2**).] (1426)

1263 [Theo luận giảng về Vi Diệu Pháp, **As 239,25–240,2** (của **Be** §362), giải thích chữ *rūparāga* là “tham muốn và tham dục đối với sự hiện-hữu [trong cõi] sắc giới” (*rūpabhavā chandarāgo*) và *arūparāga* là “tham muốn và tham dục đối với sự hiện-hữu [trong cõi] vô-sắc giới” (*arūpabhavā chandarāgo*). Chữ “tham dục” họ dùng có vẻ để chỉ sự (dục-vọng) ‘mạnh mẽ’ đối với những cõi hiện-hữu lành sạch đó, tôi cảm giác sẽ hữu ích hơn nếu dịch chữ *rāga* một cách nhất quán là tham-muốn. (?).] (1427)

1264 [‘Đối-tượng (thiền) của tâm’ là tạm dịch chữ *cittassa nimittaṃ*. **Mp** giải nghĩa đó là: “Đối-tượng của tâm trong sự định-tâm và minh-sát, là phương diện của sự định-tâm và minh-sát” (*samādhivipassanācittassa nimittaṃ samādhivipassanākāraṃ*). **Mp** rõ ràng đã diễn dịch chữ này theo hai nghĩa của chữ *nimitta*, là “đối-tượng” và là “dấu hiệu” hay phương diện (phương diện là: hình tướng, hình dáng, cảnh).] (1428)

1265 [‘Một trạng thái đặc biệt’ là tạm dịch từ chữ gốc là “*tatra tatra*”. Nghĩa gốc của nó là: “đó [và] đó”, hay như “vậy [và] vậy”. **Mp** giải nghĩa đó là: “một trạng thái khác-biệt này hay nọ” (*tasmiṃ tasmiṃ visese*).

- Về thuật ngữ “*cơ-sở thích hợp*”: **Mp** chỉ đơn giản ghi chữ *āyatane* là đồng nghĩa với *kāraṇe* (nguyên nhân), nhưng mời quý vị cũng coi lại phần chú thích dài ở cuối đoạn thứ năm {không phải đoạn (5)} của kinh **3:101** (tức chú thích đánh số đuôi (562).)

- Tiếp theo bên dưới: nói về 04 điều đầu tiên (1)-(4): mời coi kinh thêm lại **4:179.**] (1429)

1266 [**Mp** giải thích: “*Sự tự-ta* (cái ‘ta’) hay *tự-ngã* (*māna*) là nhận thức ‘ta đây’, ‘ta-là’ [và theo **Mp** nói chữ *māna* ở đây gồm cả ý ‘tự-cao’ (ngã mạn) cho rằng mình là [cao quý, tốt hơn] dựa vào gia sinh, gia tộc...]. *Sự tự-ti* hay *ty mạn* (*omāna*) là một sự tự-ta cho rằng ‘Tôi là thấp hèn, thấp kém’ (*hīno ’ham asmī ti māna*) (so với thực lực của mình). *Sự kiêu-ngạo* hay *quá mạn* (*atimāna*) là một tự-ta cho mình là cao siêu, tự tăng bốc mình. *Sự tự-đại* (*adhimāna*) là tưởng tượng mình đã đắc đạt được này nọ [nhưng thực chất là chưa được]. *Sự bướng-bỉnh* (*thambha*) là do sự sân-giận và sự tự-ta (vì hai tính sân và ngã chấp như vậy sinh ra bướng bỉnh, bất chấp). *Sự tự-hèn*, tức *tự nhận mình thấp hèn* (*atinipāta*) là một sự tự-ta nhận định ‘mình là thấp kém’ đúng như mình thực là.”] (1430)

- (Về chữ cuối: *sự tự nhận mình thấp hèn* (*atinipāta*), theo lời kinh và chủ giải như vậy, nghĩa là ‘người tu cũng không nên tự nhận mình là thấp hèn đúng như mình thực là’, điều này người dịch Việt chưa thấu rõ ý kinh và chủ giải.)

1267 [*Āloka bahulo*: có nhiều ánh sáng. **Mp** nói nghĩa là: “Người đó có nhiều ánh sáng của sự hiểu-biết” (*ñāṇāloka bahulo*).] (1431)

1268 [**Mp** giải thích: “*Tâm nên được trấn áp* hay *khống chế* (*niggahetabbam*) bởi sự định-tâm vào lúc có sự bất-an; nó *nên được nỗ lực* (*tingatā*) vào lúc nó rút vào lười nhác, trì trệ; nó *nên được khích lệ* (*paggahetabbam*) bằng sự định-tâm vào lúc nó lơ là, yếu ớt; và *tâm nên được nhìn với sự buông-xả* (*ajjhupekkhitabbam*) là một ‘yếu-tố giác-ngộ’ để nó tiến hành một cách cân bằng.” Về những phương diện tu tập cái tâm, coi thêm giảng giải chi tiết trong **Vism 130–135, Ppn 4.51–64.**] (1432)

1269 [Về thuật ngữ “*đạo lộ* hay *lộ trình đã được định xong*...” này, mời coi lại các kinh **3:22, 5:151–53**, và các chú thích chi tiết trong các kinh đó.] (1433)

1270 [**Mp**: “*Sự cản trở bởi nghiệp* (*kammāvaraṇatā*) xảy ra do bị một trong năm nghiệp nặng nghiêm trọng dẫn tới nghiệp-quả tức-thì [coi kinh **6:87** về những

ngiệp nặng nghiêm trọng này]. *Sự cản trở bởi ô-nhiễm* hay *lậu hoặc* (*kilesāvaraṇatā*) xảy ra do có *cách-nhìn sai lạc* (tà kiến) với hậu-quả đã định [đó là, tà kiến nặng nề tới mức phủ nhận cả quy luật nhân-quả]. *Sự cản trở bởi hậu-quả* (*vipākāvaraṇatā*) hay *ngiệp-quả* là sự tái sinh từ *ngiệp quả bất thiện* hoặc sự tái sinh từ *ngiệp quả thiện không có gốc* (không có căn thiện).” Tức là, cả hai loại ‘thức tái sinh’ trên đều thiếu gốc rễ (căn) trí-tuệ, và do vậy người được tái sinh theo hai kiểu đó đều không có khả năng chứng ngộ thánh đạo. Người được tái sinh với ‘thức tái sinh’ có hai căn thiện nhưng thiếu căn trí-tuệ thì cũng không chứng ngộ thánh đạo. Về vai trò của ‘thức tái sinh’, mời coi lại **CMA 179**, 194–195. Loại *mong-cầu* hay *mong-muốn* ở đây là *chanda*, là sự ‘tham-muốn’ thiện lành, tham-muốn làm điều thiện (*kattukamyatāchandaṃ*).] (1434)

1271 [Chỗ câu này tôi làm theo **Be**: không có chữ *pi*; khác với **Ce** và **Ee** thì có ghi chữ *pi*. Trong các kinh gần như song-hành là kinh **5:151–153**, phiên bản **Ce** và **Ee**, thì cũng không có ghi chữ *pi*. Dường như nghĩa ở đây đòi hỏi chữ *pi* nên được bỏ ra; bởi vì chính khi đang lắng nghe Giáo Pháp thiện lành người ta mới mong đợi người đó bước vào đạo lộ. Cũng cách chú giải tương tự như vậy đối với các kinh tiếp theo bên dưới là kinh **6:87** và **6:88**.] (1435)

1272 [*Atthaṃ riñcati*: nên được tu tập để loại bỏ sự vút bỏ ý nghĩa. **Mp** giải nghĩa là: “*Người đó vút bỏ lợi ích tăng trưởng*” (*vaḍḍhi-atthaṃ chaḍḍeti*). **Mp** giải thích chữ *attha* ở đây, về mặt đạo đức, có nghĩa là sự tốt lành hay ích lợi. Tuy nhiên, do chữ này được dùng trong sự kết nối với người đang lắng nghe Giáo Pháp, nên có vẻ ý nghĩa của nó chỉ đơn thuần thuộc về ngữ-nghĩa của nó (hơn là về mặt đạo đức)—cho nên chữ này chỉ nên dịch là “ý-nghĩa”—như ý lời kinh muốn nói. Như vậy chữ *attha* có nghĩa là “ý nghĩa chính xác của lời giảng dạy”, còn chữ *anatta* có nghĩa là “ý nghĩa sai trái do hiểu sai lời giảng dạy”.] (1436)

1273 [Chữ *khanti*, thường có nghĩa là sự ‘kiên nhẫn, nhẫn nại’, được dùng ở đây liên quan đến sự thiền-quán, có nghĩa là những *niềm-tin* hay *cách-tin* hay sự *cả-tin* của một người. Tôi dựa theo cách luận giải của **Mp** ghi là: *sāsanassa ananulomikāya*, nghĩa là: *không thuận theo giáo lý, không phù hợp với giáo lý*.] (1437)

1274 [*Diṭṭhisampadam*: sự thành-tựu chánh-kiến. **Mp** giải nghĩa ‘thành-tựu chánh-kiến’ đồng nghĩa (đã nhập vào) “*thánh đạo Nhập-lưu*” (*sotāpatti-maggaṃ*).] (1438)

1275 [Nguyên văn câu này: *Anāgamanīyaṃ vatthum paccāgantum*. **Mp** giải nghĩa là: người đó không còn khả năng phạm vào năm sự-ác [tức năm-giới] và không còn tin lấy quan điểm nào thuộc 62 loại tà-kiến mang tính suy đoán.] (1439)

1276 [**Mp** giải thích là: không còn tái sinh lần thứ tám trong cõi dục-giới.] (1440)

1277 [**Ce** và **Be** ghi là *ānantariyaṃkammaṃ*; **Ee** thì ghi là *anantariyaṃkammaṃ*. Lại thay, mặc dù thuật ngữ này rất rất hay được dùng để giảng kinh hay giảng dạy trong Phật giáo, nhưng khi tìm kiếm chữ này bằng phần mềm công nghệ tìm kiếm công nghệ (CST 4.0) thì chỉ thấy trong toàn bộ Kinh Tạng chỉ có duy nhất một chỗ là có chữ này, tức chỉ có trong kinh này! Ngoài ra, trong Luật Tạng cũng ghi chữ này duy nhất một lần, đó là trong câu chuyện về thầy Đề-bà-đạt-đa (*Devadatta*) ở **Vin II 193,37**. Một *ānantariya kamma* được hiểu là một tội ác hay nghiệp nặng khủng khiếp đến mức tạo ngay quả báo ngay kiếp sau phải bị tái sinh trong địa ngục. Năm nghiệp nặng nghiêm trọng hay năm tội ác đã được nêu ra trong các kinh **5:129**, kinh **6:87** ở trên, và kinh **6:94** sát bên dưới.] (1441)

1278 [Nguyên văn: *Ito bahiddhā dakkhiṇeyyaṃ gavesitum*. Tức không còn đi tìm bậc thánh nào đặc đạo từ những đạo khác ngoài đạo Phật.] (1442)

1279 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *aññaṃ satthāraṃ uddisitum*. Nghĩa là (không còn) tìm kiếm người nào khác ngoài Phật là vị thầy tâm linh tối thượng.] (1443)

1280 [Nguyên văn câu này: *Sammattaniyāmaṃ okkamissati. Sammattaniyāmaṃ* (đạo lộ đã định của sự chân-chính) rõ ràng là cách gọi ngắn-gọn của cụm chữ *niyāmaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ*: ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành, đã được ghi và chú giải trong các kinh **3:22** và chú thích của nó (358), và trong kinh **5:151** và chú thích thứ hai của nó (1150).] (1444)

1281 [Nguyên văn câu này: *Sabbasaṅkhāresu anodhiṃ karitvā aniccasaññaṃ upatthāpetum*. **Mp** giải thích: “không giới hạn: là không thiết lập giới hạn như vậy: ‘Chỉ những hiện-tượng có điều-kiện này, chứ không phải tất cả, là vô thường’.”] (1445)

1282 **Ce** và **Ee** ghi là *gacchanti*, nhưng hình như ở đây là chỉ nghĩa ‘tương lai’ (nghĩa gốc). **Be** ghi là *gacchissanti*, có lẽ là một thể ‘tương lai’ mới.] (1446)

1283 [Tôi đọc chữ này theo **Be** và **Ee** là *bhavissāmi*, khác với **Ce** ghi là *bhavis-sati*.] (1447)

1284 [Nguyên văn câu này: *Sabbaloke atammayo bhavissāmi*. **Mp** giải nghĩa ý kinh này là: “(Ta sẽ không có) *tự tính* hay *danh tính* (*tammayo*) là dục-vọng và những quan-điểm (tà kiến) này nọ; không tự tính (*atammayo*) là không có dục-vọng và những quan-điểm đó.”] (1448)

1285 [Ở đây là ‘sáu’ điều kết hợp: gồm [2 x ba-điều (bộ ba)].] (1449)

1286 [Đây cũng là ‘sáu’ điều kết hợp: gồm [2 x ba-điều (bộ ba)].] (1450)

1287 (Tên đầy đủ có thể ghi là: “*Ba Chương Thêm Vào Phần ‘Năm Mười Kinh Thứ Hai’*”)

- [Nguyên văn tựa của chương này là: *Paṇṇāsakāṭirekā Vaggā*. Đây là tựa chung mà **Ce** đã đặt cho 03 chương “thêm” này, và đánh số 03 chương là chương 1, 2, và 3. **Ee** thì đặt tựa là *Paṇṇāsasaṅgahito Vaggo*, nghĩa là “*Chương Nằm Trong Phần ‘Năm Mười Kinh (thứ hai)’*”. **Be** thì không đặt tựa chung cho các chương “thêm” này, mà chỉ đánh số thành NHÓM 11, 12, và 13 tiếp theo các NHÓM trước trong *Quyển “Sáu”* này.] (1451)

1288 [Từ chỗ này trở đi không có những câu kệ tóm lược (*uddāna*) ở cuối chương để dựa vào đó đặt tên cho các kinh. Vì vậy tôi dùng các tên kinh theo phiên bản **Ce**.] (1452)

1289 [Người đọc kinh thường tuyên bố dãy kinh này [6:119–6:139] đã chứng tỏ có nhiều người tại gia là A-la-hán vào thời Đức Phật. Tuy nhiên, điều này là một sự hiểu lầm. Bởi chúng ta thấy trong danh sách này, những người như Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), Pūraṇa (tức Purāṇa), và Isidatta đều được tái sinh trong cõi trời Tusita (Đâu-suất) [coi các kinh 6:44 và MN 143.16]. Chúng ta cũng thấy gia chủ Ugga ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), người cũng được nói [trong kinh 5:44] đã tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm, và gia chủ Hatthaka, người được nói [trong kinh 3:127] đã tái sinh trong cõi trời Aviha (Vô Phiền thiên) thuộc năm cõi-trời trong sạch (tịnh cư thiên, của những bậc thánh Bất-lai.

- Những thuật ngữ dùng để mô tả những vị đệ tử tại gia này là thuộc hàng *tất cả những thánh nhân* từ bậc Nhập-lưu trở lên. Tất cả họ đều có *niềm-tin bất lay chuyển* (*aveccappasāda*) vào Phật, Pháp, Tăng, và đã đạt tới *sự chắc-chắn*

về *Như Lai* (*tathāgate niṭṭhaṅgata*), và là những bậc nhìn-thấy của Niết-bàn, đó là sự bất-tử (*amataddasa*). Cõi kinh **10:63**, trong đó *sự chắc-chắn về Phật* đã được gán cho những vị đệ tử ở những cấp bậc thấp hơn A-la-hán.

- Trong đoạn kinh này, lời tuyên bố rằng những người này cũng có được *sự giải-thoát thánh thiện* (*ariyena vimuttiyā*) cũng là bất thường (không đúng theo công thức định nghĩa trong Kinh Tạng và Luật Tạng), nhưng **Mp** đã giải thích lời đó chỉ đồng nghĩa là “*sự giải-thoát của thánh quả những học-nhân*” (*sekha-phala-vimuttiyā*). Nếu một A-la-hán được mô tả là một người tại gia đang sống tại gia thì đây quả là một công thức định nghĩa khác lạ về A-la-hán. Tất cả các bộ kinh *Nikāya* đều không ghi trường hợp nào có đệ tử tại gia chứng thánh quả A-la-hán và sau đó tiếp tục sống đời sống tại gia. Ai mà thực sự chứng thánh quả A-la-hán thì sẽ *lập tức* xuất gia ngay sau đó, giống trường hợp của Yasa như đã được ghi trong Luật Tạng **Vin I 17,1–3.**] (1453)

1290 [Tổng số bài kinh trong NHÓM “*Tóm Lược & Lặp Lại*” này được tính theo 10 loại sự chứng-ngộ [từ *sự trực-tiếp biết ... sự từ-bỏ*] nhân cho mỗi loại ô-nhiễm [17 ô-nhiễm: *tham, sân, si ... sự lo-tâm phóng dật*] = 170 pháp tu. Vì mỗi sự chứng-ngộ được hoàn thành bằng cách tu tập lần lượt hết ba bộ-sáu (sáu điều, sáu pháp tu), như vậy sẽ cho tổng số kinh của NHÓM 3 là $170 \times 3 = 510$ bài kinh.] (1454)